

TƯỚNG THUẬT CĂN BẢN

TÁC GIẢ: simonphamcong@gmail.com

Quyển sách này được viết ra và phổ biến miễn phí trên mạng. Không có sách in.

NỘI DUNG

MỞ ĐẦU	3
Tại sao có cuốn sách này?	3
Đường hướng trình bày của cuốn sách.....	3
Những khó khăn khi học tướng và các kiến thức hỗ trợ	4
PHẦN I: TÌM HIỂU VỀ CON NGƯỜI	6
1. ĐỊNH VỊ CÁC PHẦN TRÊN MẶT	6
2. BẢN ĐỒ CÁC NIÊN VẬN	7
3. ĐƯƠNG SỐ SINH RA VÀ LỚN LÊN NHƯ THẾ NÀO?	8
4. TRÍ NĂNG ĐƯƠNG SỐ RA SAO	12
5. LỰA CHỌN CỦA ĐƯƠNG SỐ CÓ HỢP LÝ KHÔNG?	17
6. HOẠT LỰC CỦA ĐƯƠNG SỐ RA SAO?	21
7. SỰ HƯỞNG THỤ VÀ THAM VỌNG	25
8. LUẬN VỀ VÓC DÁNG, THẦN THÁI (PHONG THÁI) VÀ GIỌNG NÓI	27
Chỉ là bàn luận thôi, không phải là đầy đủ.....	27
a. Những nét đại cương về thân thể.....	27
b. Xương đầu.....	28
c. Thần thái.....	29
d. Giọng nói:	30
PHẦN II: BÀN VỀ CÁC BỘ VỊ.....	33
1. ẤN ĐƯỜNG, MŨI VÀ QUYỀN.....	33
2. TRÁN	38
3. MÀY, MẮT VÀ LỆ ĐƯỜNG	40
4. NHÂN TRUNG, MIỆNG.....	45
5. HÀM VÀ CẨM	48

6. TAI	48
7. KHÁI QUÁT VỀ CÁC CUNG	49
PHẦN III: XEM VẬN HẠN	52
1. Xem niên vận.....	52
2. Xem khí vận.....	54
3. Tính toán thời điểm xảy ra một sự kiện.....	55
LỜI KẾT	56
PHỤ LỤC	58
NHỮNG BÀI VIẾT CỦA TÁC GIẢ SÁCH NÀY ĐÃ ĐĂNG TRÊN CÁC FORUM LÝ SỐ	58
Về chuyện cải sửa số mệnh.....	64
Một số câu hỏi khó chịu	70
Lý trong tướng số.....	74
Về phật giáo.....	80
Bàn về hạnh phúc	86
Linh hồn là gì?.....	88
Những nghi ngờ về khả năng của phân tích chữ viết	92
Các tiểu xảo của ông đồng bà cốt	94

MỞ ĐẦU

Tại sao có cuốn sách này?

Tôi quyết định viết cuốn sách này vì thấy nhiều bạn trẻ muốn trang bị cho mình chút ít kiến thức về tướng số, mà nhu cầu này hoàn toàn chính đáng. Khi tiếp xúc làm ăn hay kết bạn, chắc hẳn người ta muốn biết nhiều về đối tác nhưng chẳng phải khi nào người ta cũng xin được ngày giờ sinh. Trong trường hợp này, tướng thuật tỏ ra đắc dụng.

Thế nhưng, số sách tướng thì ít hơn số sách tử vi nhiều. Trong số đó, theo chủ quan của tôi, số sách viết hay và cung cấp kiến thức chính xác thì chỉ có một hai quyển. Nhiều quyển được soạn công phu nhưng những hình minh họa thì là hình vẽ mà đến như tôi cũng chịu không hiểu nổi tác giả muốn diễn tả hình tướng nào. Nhiều cuốn thì tràn đầy kiến thức nhưng lại chỉ là những gạch đầu dòng liệt kê hàng loạt. Mà toàn gạch đầu dòng thì khó mà nhớ được. Khối kiến thức đó như những mảnh rời rạc.

Chính vì có những nhận xét như vậy và nhận thấy rằng với những phương tiện như hiện nay, việc trình bày có mạch lạc, từ căn bản đi lên và dùng ảnh chụp để minh họa thay cho hình vẽ là việc không quá khó nên tôi đã quyết định viết cuốn sách này, hầu lưu lại những điều mình đã biết và giúp cho những ai đang tầm học đỡ khó khăn.

Đường hướng trình bày của cuốn sách.

Cuốn sách này dựa trên hiểu biết cá nhân kết tập qua nhiều năm học xem tướng. Có ba cuốn sách mà tôi tham khảo nhiều nhất là “Tướng mệnh khảo luận” của Vũ Tài Lục, “Nhân tướng phú” của Trần Khang Sinh và “Nhân diện học” của Joey Yap. Vài mảng kiến thức tâm lý được viện dẫn từ sách tâm lý học, đặc biệt là quyển “Emotions Revealed” (khám phá cảm xúc) của Paul Ekman.

Các sách có những hướng trình bày khác nhau. Mới lạ nhất là cách viết của Joey Yap. Đầu tiên vào là ông này trình bày luôn cách xem hạn từng năm trên khuôn mặt người. Theo tôi đây là một ý hay vì nói cho cùng xem bói là xem khi nào chuyện gì xảy ra, việc xem chung chung như “tài lộc anh trung bình”, “tình cảm trước khó sau dễ” ngẫm cũng chẳng có ích gì. Dù vậy, cách làm này là quá khó theo cho người muốn học căn bản và bỏ qua một phần quan trọng là xương cốt tổng quát cả con người.

Theo sở học của tôi, phần xương cốt là nền tảng căn bản nhất rồi mới tới câu “Nhất thanh nhì sắc tam hình”.

Tiếp đó, người học cần biết rõ từng bộ vị trên khuôn mặt cho ta biết cái gì về đương số. Tôi sẽ không chọn cách trình bày theo kiểu đưa ra những hình cách cố định (ví dụ như mũi dề, mắt

ngựa ...) vì chính những tác giả thiên về hướng này cũng phải nhìn nhận là có những hình cách lưỡng chừng ở giữa những hình cách kinh điển và trong trường hợp này việc luận đoán có vẻ như bế tắc. Trong đa số trường hợp trong sách này, tôi thường trình bày những nét tướng cực đoan nhất của các bộ vị và nó nói lên cái gì. Những những trạng thái trung gian sẽ được nêu ra như ví dụ để người đọc có thể suy đoán khi gặp một hình tướng bất kỳ. Ví dụ: mũi tốt nhất khi nó thẳng, xấu nhất khi nó gãy 3 đoạn, khoảng giữa nó là cong, gãy ở sụn căn ...

Một khó khăn chung trong việc xem bói là khi người ta thu thập được nhiều thông tin từ số và hình tướng, người thầy bói không biết xử lý nó ra sao vì nó quá nhiều, rời rạc và có khi mâu thuẫn. Một ví dụ trong tướng thuật: sách nói môi hồng răng trắng thì thực lộc bốn phương, nhưng mũi lộ thì bần hàn yếu tử. Vậy phải đoán sao khi mà đương số có cả hai nét đó. Hướng đi mà tôi khuyên mọi người nên làm là tìm hiểu căn cơ về con người đó, từ cha mẹ, nuôi nấng, trí năng, hoạt lực, ham muốn ... từ đó dựng lên một mô hình con người cụ thể với những bước thăng trầm, nguyên nhân và xu hướng thành công, thất bại ... Và lại, cách tiếp cận này gần như khoa học và giúp cho những ai không muốn học nhiều có thể có kiến thức nhất định để hiểu hơn về con người trước mặt mình. Phần đầu tiên của sách này là theo hướng đó và chỉ dài chừng 20 trang.

Sau chương này, những ai thấy thích thú và muốn hiểu sâu hơn, có thể qua phần hai và ba, bàn kỹ về các bộ vị và các cung.

Những khó khăn khi học tướng và các kiến thức hỗ trợ

So với những môn lý số khác, tướng số đòi hỏi người học phải có chút khiếu về quan sát hình ba chiều. Khi bắt đầu dạy học trò, tôi mới thấy việc hướng dẫn cho họ nhận diện hình ảnh là quá khó. Những ai có khiếu quan sát, nhất là những người học mỹ thuật sẽ có thuận lợi lớn. Tôi khuyên các bạn nên từ từ tập quan sát, phân biệt các hình tướng trước khi áp dụng bài học và đưa ra kết luận nào đó.

Tất nhiên, người đọc sách này chắc hẳn cũng từng biết qua âm dương, bát quái và ngũ hành. Kiến thức này càng vững vàng bao nhiêu càng có ích bấy nhiêu. Việc tìm hiểu những lý thuyết nền tảng này một cách thấu đáo sẽ giúp ích rất nhiều cho học bất kỳ môn lý số nào.

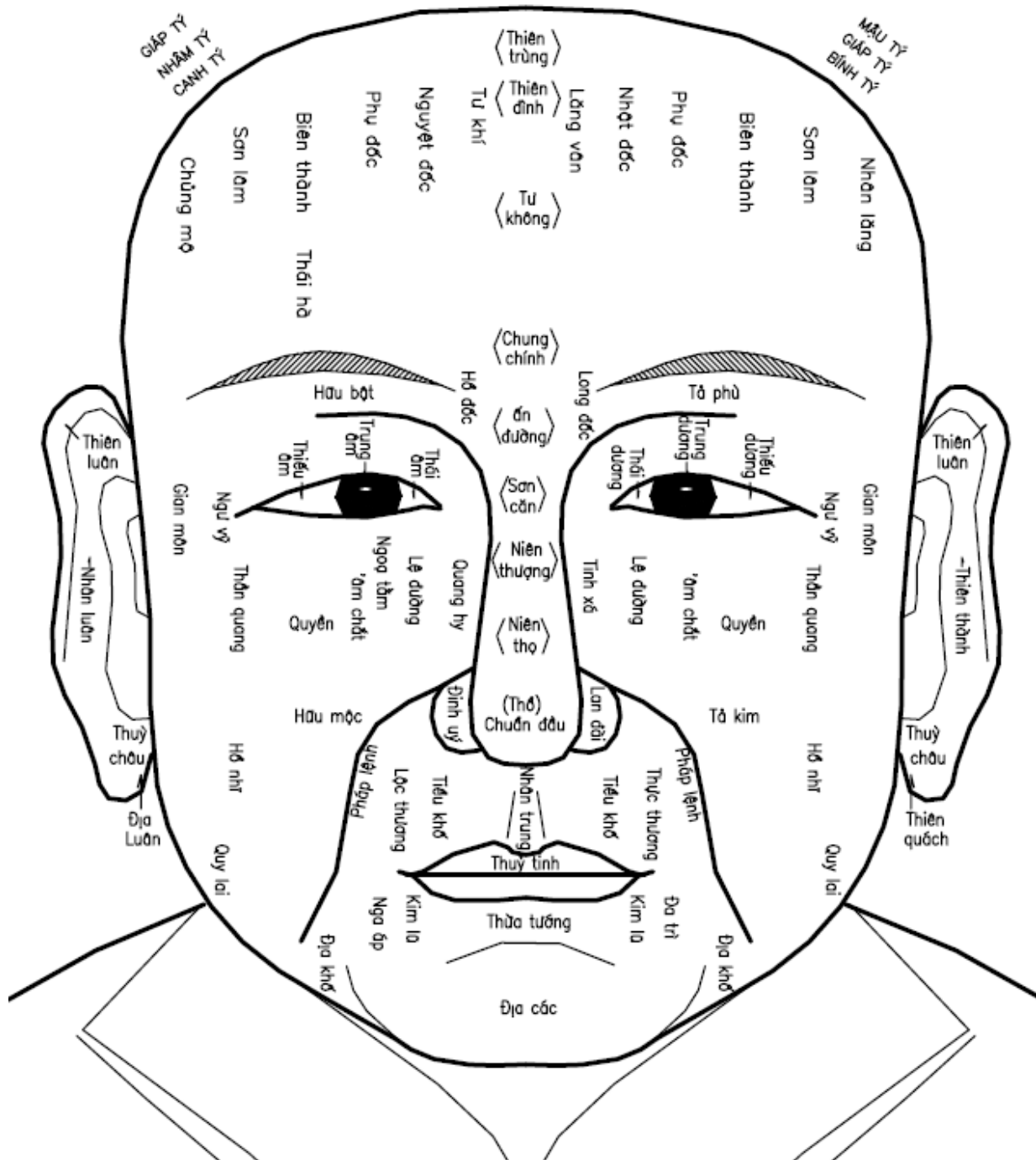
Kiến thức về tâm lý học và trực giác cũng rất có ích cho người muốn học xem bói, nhất là xem tướng vì xem tướng đòi hỏi người ta nhìn thấy cái mà không ai thấy. Tôi cũng khuyên các bạn đọc qua những sách viết về ngôn ngữ cơ thể. Đây là một khoa học mà ngày nay được đánh giá rất cao ở phương tây.

Cuối cùng, một người khó viết bài luận tiếng Anh hay khi người đó viết văn bằng tiếng Việt cũng lúng cụng khó hiểu; một người khó giỏi lý số nếu kinh nghiệm sống chưa nhiều và không có tầm

lòng rộng mở. Vì vậy, tôi thành thật khuyên các bạn trẻ nên đi nhiều, đọc nhiều và nghe nhiều hơn nói.

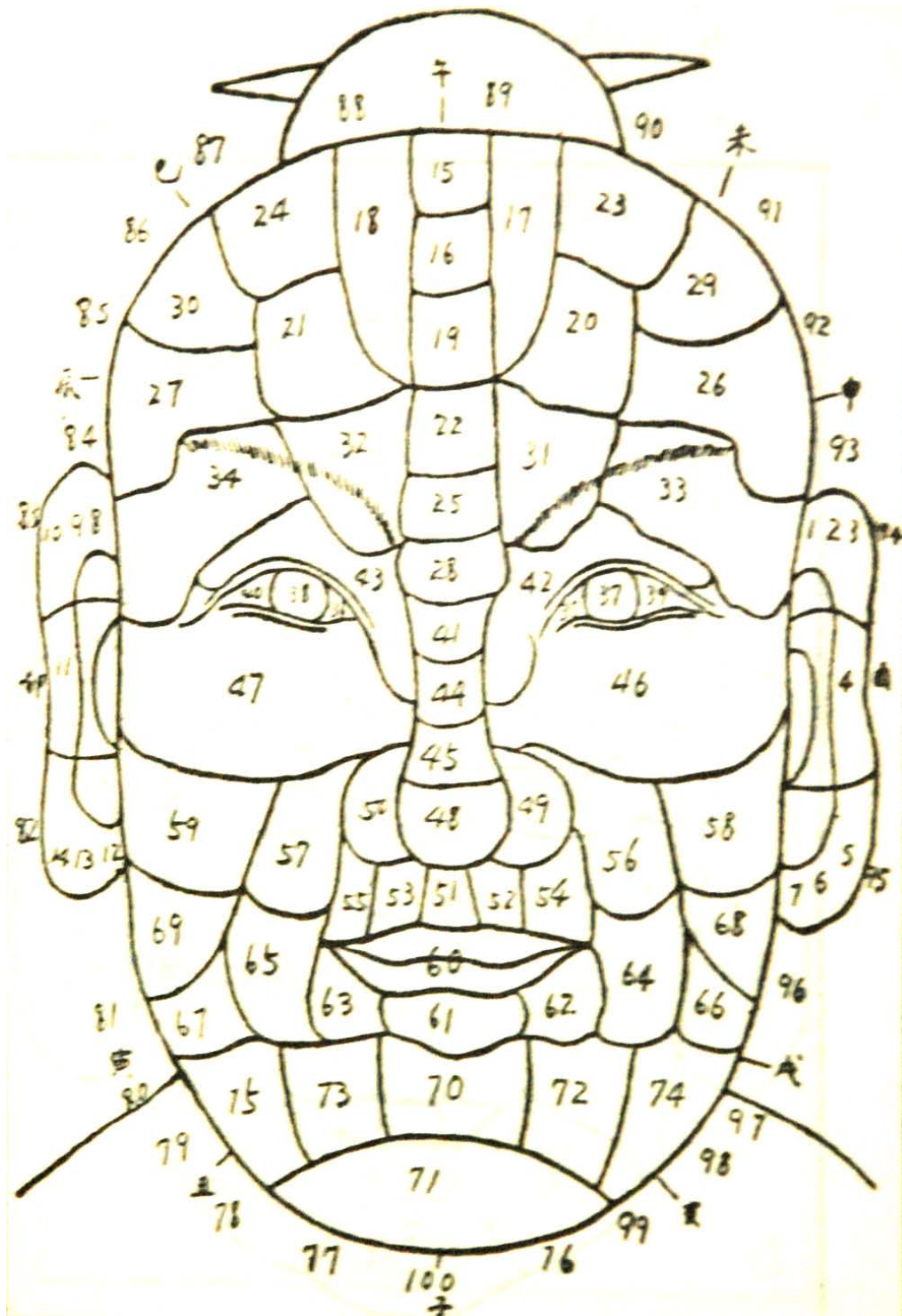
PHẦN I: TÌM HIỂU VỀ CON NGƯỜI

1. ĐỊNH VỊ CÁC PHẦN TRÊN MẶT



2. BẢN ĐỒ CÁC NIÊN VẬN.

Mỗi niên vận ứng với một khu vực trên khuôn mặt. Nhưng còn xa ta mới bàn tới chuyện này. Đưa hình này lên là để định vị. Ví dụ như thay vì nói vùng giữa trán tôi sẽ nói vùng từ 16 đến 22 tuổi. Như vậy sẽ dễ hiểu và chính xác hơn.



3. ĐƯƠNG SỐ SINH RA VÀ LỚN LÊN NHƯ THẾ NÀO?

Những yếu tố về tinh thần của đương số như có được cha mẹ nhìn nhận không, có được vỗ về dạy dỗ đầy đủ không thể hiện ở đỉnh trán, tức vùng thiên trung, thiên đình hay là vùng 15 tuổi.

Cách xem là nhìn ngang khuôn mặt, ta sẽ thấy từ đỉnh trán đi xuống trán là một đường cong đi từ tóc ra. Đường cong này phải đầy đủ và tự nhiên (hình 1).



Hình 1

Nếu đường cong này móp, thẳng chẳng hạn, nó báo hiệu cha hoặc mẹ mất khi đương số còn nhỏ. Như hình dưới đây là ví dụ (hình 2):



Hình 2

Trán người này trợt và hói nhưng xin lưu ý là cái đó không quan trọng, hãy nhìn đường cong từ chân tóc xuống trán.

Trong nhiều trường hợp, đường cong này chẳng những đã không hoàn hảo mà các vùng 23, 24 và 29, 30 còn bị bóp lại (nhìn trực diện để thấy điều này). Trường hợp như vậy, có thể là khi sinh ra bị cha hay mẹ từ bỏ hoặc mẹ (cha) không phải là người chính thức. Xem hình sau:



Hình 3

Ta vẫn thấy có nhiều người chân tóc xâm lấn xuống trán khiến cho đường cong đỉnh trán nói trên hầu như nằm trong tóc, nghĩa là hết chân tóc xuống ngay trán, không có đoạn cong. Trường hợp này, lúc nhỏ ít được gần cha mẹ dù cha mẹ có thể vẫn sống. Nếu trán gồ ghề nhiều thịt hay quá xương, thì có thể được gửi nuôi nhiều người, ở với người này vài năm, sau lại ở với người khác vài năm. Xem hình 4.



Hình 4

Phần trên đây là nói về phương diện tinh thần. Về phần vật chất, tức là cơm ăn áo mặc, chăm sóc về thể chất phải nhìn ở tai.

Tai phải chú ý luân (vành trong), quách (vành ngoài) ở phần trên của tai. Nếu tai đầy, hai phần này đầy đủ thì có thể nói điều kiện vật chất của người này thời thơ ấu là hoàn hảo. Nếu quách khuyết hãm, móp méo, có thể nói là đói kém. Nếu quách đầy đủ mà luân không có, chỉ ra là đầy đủ cơm áo nhưng mà đương số không hài lòng với điều kiện của mình, hoặc cách người ta cho những thứ đó (cơm áo, thuốc men, nhà cửa) một cách miễn cưỡng lạnh nhạt.

Chú ý là, nếu tai có hình thể khá đẹp, đương số có thể sống trong đại gia đình, thành ra việc chăm sóc thường xuyên có từ cô dì, chú bác ẵm làm cho tai không có luân ; hoặc cũng có trường hợp, do ốm đau bệnh hoạn mà thành ra không thụ hưởng sự phát triển vật chất đầy đủ cũng làm cho tai khuyết hãm.



Hình 5

Như trong ví dụ hình 5. Có thời kỳ người này sống thiếu thốn để lại một vết trên đỉnh quách của tai. Gần như không có luân, nhưng hình tai đẹp để nên có thể nói là đương số có tuổi thơ đau ốm triền miên, sau 13 tuổi mới đỡ.

Nếu vành tai quá nhọn cũng là một nét biểu thị sự đói kém thời thơ ấu.

Như vậy, về thời thơ ấu của đương số, ta phải phối hợp cả tai và đỉnh trán. Nếu thấy đỉnh trán chỉ ra khuyết hãm phần sát chân tóc là thiếu tình cảm của cha, cách đó khoảng chiều rộng một ngón tay là thiếu tình cảm của mẹ. Sau đó xác minh lại ở tai. Thường thì sự khiếm khuyết cha (hay mẹ) khiến cho sự chăm sóc vật chất có thể hạn chế. Cũng có trường hợp được nhờ nuôi dưỡng và được nuôi rất tốt thì chỉ hãm ở trán mà không hãm ở tai. Nói chung nên thận trọng, ngoài việc phải phân biện hình tướng, phải nhớ phối hợp và suy luận theo lý trong trường hợp trán không hãm mà phần trên của vành tai xấu hoặc ngược lại.

Những điều nói ở trên ứng với thời gian từ thơ ấu cho tới khoảng 13 tuổi. Sau thời gian đó, người ta chịu ảnh hưởng theo kiểu khác của tình trạng gia đình. Lúc này phải quan sát nhật nguyệt ốc (giác) và vùng phụ ốc.

Xem những vùng này là xem trán. Trên gương mặt, ngoài lưỡng quyền ra, xem trán là phần khó nhất. Nhìn chung, nhật nguyệt giác cần có thịt xương vừa phải, nếu quá nhiều thịt thành trệ, có thể là con nhà thợ thuyền, nếu quá nhiều xương, thành trán gồ ghề, cha mẹ ít nhóm ngó đến con và cũng tha phương. Các phần ở trán, cong nhẹ nhàng là tốt nhất, phẳng là tạm được, tối kỵ chỗ cao chỗ thấp. Nếu vết hằn giữa trán, chia trán làm đôi thì cực xấu, người này trí lực tầm thường mà có khi còn khắc cha mẹ.

Hãy nhìn ví dụ hình 6. Người này thuở nhỏ không được gần cha mẹ nhiều (xem ở trên) nhưng nhật nguyệt giác cong và sáng sủa, chứng tỏ gia thế lấy lòng.



Hình 6

Trong hình 7, trán người này gồ ghề lồi lõm, khuyết hãm vùng giữa trán nên sinh ra trong gia đình nông dân, sau say rượu mà giết cha.



Hình 7

4. TRÍ NĂNG ĐƯƠNG SỐ RA SAO

Người ta có thể thông minh hiểu theo nghĩa IQ cao, tức thông minh theo kiểu suy nghĩ logic tốt. Trong cổ học, người ta thường gọi người có tài là “người hiền” tức họ không mấy đánh giá cao chuyện khôn ngoan như kiểu thời nay. Mà thực tế cho thấy, có những đức tính giúp người ta thành công ngoài cái sự thông minh kiểu IQ. Phần này khảo sát toàn bộ năng lực này của đương số, bao gồm cả sự thông minh và khả năng giao tiếp, trực giác ...

Phần ảnh hưởng nhất tới khả năng logic là độ cao của trán và phần trán nằm giữa hay đầu mày chiếu lên, tức bao gồm ấn đường, trung chính, tư không và cả thiên đình nữa. Nhiều người cho rằng khu vực này là cung quan.

Tôi khuyên các bạn hãy nhìn kỹ phần nằm giữa hai biên thành. Vùng này đẹp nhất là cong vòng lên nhẹ nhàng. Nếu được vậy (như hình 8) sẽ thể hiện khả năng suy luận logic tốt mà trực giác và khả năng giao tiếp không tệ. Đây là loại trán của nhà khoa học hoặc là chính trị, kinh doanh. Thường nếu trán cao (khoảng cách từ mày tới chân tóc dài), đó là nhà khoa học, thấp (khoảng cách từ mày tới chân tóc ngắn), đó là nhà kinh doanh hoặc chính trị cao cấp.

Chắc có người sẽ hỏi thế nào là cao? Theo trường phái của tôi, cảm thấy nó cao là cao. Nhưng những ai bối rối có thể lấy chuẩn mực là 5 lần chiều rộng ngón tay, tức áp bàn tay 4 ngón lên và thêm một ngón là mức trung bình.



Hình 8

Loại trán thứ hai cũng tốt là cũng cong ở vùng này nhưng rất rõ rệt, gồ nổi gần như tạo thành một vòng cung trên ấn đường như hình 9.

Dù vậy, nếu trán đã gồ nổi mạnh mẽ thì không được có sự khuyết hãm nào, tức là sự mất cân đối, móp, lõm v v ... Nếu có móp lõm, phải quan sát kỹ càng hơn từng phần của trán như sẽ nói ở các phần sau.



Hình 9

Loại này thường là những người có lý tưởng thanh cao và tài năng xuất chúng. Tuy nhiên, nếu họ đi theo con đường kinh doanh thì cũng thành công nhưng hay bỏ dở, theo đường khoa học thì có thể thành công rực rỡ.

Loại thứ 3 là vùng giữa tương đối phẳng và rộng. Nếu nó dựng đứng hùng vĩ, cũng là loại tài năng nhưng không nhiều tính sáng tạo như hai loại kia. Nếu vùng sơn lâm mà rộng làm cho vùng này hẹp lại và sơn lâm lại lép, thì loại thông minh nhưng chỉ trong phạm vi thừa hành. Đây là loại trán của viên chức nhà nước. Nếu có quyền và mũi tốt, có thể là tướng (nhưng không phải loại danh tướng lừng lẫy).



Hình 10

Qua những phân tích trên, ta thấy cái trán phải thể hiện sự phát triển. Nó phải có gờ đó như cong lên, lộ giác v v ... mới đảm bảo là người có sức sáng tạo cao và làm được những việc ít người làm được. Như hình 10, ta thấy kiểu trán một người nổi giác giữa sơn lâm và thiên thương, trán lại cong vòng về sau. Đây là người rất tài năng quyền biến nhưng cũng thể hiện thiếu thời gian khổ hoặc đau ốm nhiều (vì trán vát ra sau).

Những người mà phần giữa hai biên thành gờ nổi hay cong, thường cư xử cao thượng hơn, ít thủ thuật. Những người mà sơn lâm và thiên thương nổi trội, thường nhiều thủ thuật, suy nghĩ cực đoan quyết liệt hơn. Thế nên, đối với nữ, nếu trán mà tròn, to rộng, hệ lụy thường là quá lý tưởng hay quá thông minh để có đời sống hôn nhân hạnh phúc.

Nói chung, về trán phải nhớ nằm lòng một câu là **phải có biểu hiện của sự phát triển mạnh mẽ, nhưng không được có biểu hiện móp méo và quá nhiều thịt.**

Những gì ta thấy ở vùng trán thiên nhiều về thiên bẩm. Còn phần của trí năng mà là do rèn luyện của cá nhân thể hiện ở 3 chỗ: lông mày (kể cả mi cốt), quang mắt và tai.

*** Về lông mày**

Có thể nói rất nhiều về lông mày vì nó có ảnh hưởng đến gia đình, anh em ... nhưng đây ta chỉ bàn về trí năng trước đã.

Người có lông mày xanh mượt, mọc theo hướng từ đầu tới đuôi mắt (không xĩa ra ngoài, không rủ xuống) mà lại không quá rậm là người có tư duy bình hòa, sáng suốt. Nếu nó rủ xuống, chỉ người có nhiều suy nghĩ phi thực tiễn, phù hợp cho tăng đạo. Nếu nó vểnh lên và uốn cong, là loại người suy nghĩ rất cực đoan và nguyên tắc, loại này có thể theo ngành công an hoặc là loại giang hồ anh chị, tuy vậy, nhiều sách cho rằng loại người này không mấy dững cảm.

Nếu lông mày sơ xác như đám cỏ khô, trí năng vô cùng hạn chế. Đại khái không biết dùng cái thông minh của mình, kém mải dũa nên dù bẩm sinh có tốt cũng bị thui chột.

Lông mày quá rậm, xoắn xít nhau thì trí năng cũng kém. Rậm nhưng có trật tự, còn có thể bổ cứu bằng các bộ vị khác.

Thường thì mày và râu phải tương hợp. Nếu râu quá rậm mà mày nhạt thì suy nghĩ không theo kịp hành động; mày quá mảnh là dấu hiệu yếu. Ngược lại, nếu râu thưa mà mày rậm, thì là người suy nghĩ, tính toán quá nhiều thành ra không dám hành động.

Nếu mày rậm mà xĩa ra trước, cũng là loại suy nghĩ khác thường, trong nhiều trường hợp, có thể là dấu hiệu tâm thần bất ổn.

*** Một điểm cần chú ý:** Khi trán thấp, rất thấp, cỡ chưa được chiều ngang 3 ngón tay, mà mày lại xanh tốt, rậm rì và mọc rạp xuống có trật tự thì phải thấy là, con người này tuy thiên bẩm kém nhưng có lựa chọn đúng và lấy cần cù bù thông minh nên dần dà trí năng cũng phát triển theo kịp và có khi vượt người ta. Trong trường hợp như vậy, cái trán xấu giảm nhẹ và lông mày rậm rịt cũng có lý do chính đáng (vì kém thiên bẩm, buộc phải lao tâm nhiều chứ không phải suy nghĩ quá nhiều thành nhát hay rối trí). Nhìn chung, phải hiểu rõ cái lý của các hình tướng và đó là lý do tôi cố phân biệt kỹ lưỡng từng phần theo bố cục này ngay phần đầu của sách.

Giữa hai lông mày là phần trán gọi là ấn đường. Ấn đường được xem là cung mệnh và rất cần gồ nổi, rộng rãi. Khi lông mày xâm phạm vào ấn đường, nhiều sách cho rằng như vậy sẽ chết yểu, nghèo hèn, anh em bất hòa Theo tôi kết luận như vậy là quá vội vã. Lông mày chỉ đánh dấu phần mi cốt. Nếu khoảng cách giữa 2 mi cốt lớn, làm cho vùng giữa chúng là ấn đường đủ rộng thì việc xâm phạm của lông mày do tốt râu, tốt tóc chẳng có cái hại gì đáng kể. Trong trường hợp ngược lại, 2 mi cốt quá gần, ấn đường hãm, tối, tất nhiên có khả năng yếu. Những vấn đề sâu hơn về lông mày sẽ được bàn ở phần sau.

*** Về quang mắt:**

Phần khác cũng thể hiện sự rèn luyện của trí năng là quang mắt. Sách nói rằng nếu thiếu niên mà hạnh thông thì quang mắt sáng sủa. Điều này có nghĩa là, vào khoảng từ 16 cho tới 24, nếu gặp vận tốt, tức thầy hay trường tốt, hay một môi trường giúp người ta phát triển, trí năng người ta sẽ phát triển nhiều vì đây là bước đầu đời, là nền tảng. Tiếc là việc nhận định ánh mắt quá khó diễn đạt bằng lời hay qua hình ảnh. Nếu thạo xem quang mắt, người ta có thể biết rất nhiều về đương số. Tôi nghĩ mãi chẳng ra cách gì mà ~~tr~~ ởng dẫn thông qua sách cho người muốn học, chỉ cố nêu ra đây vài điều sơ đẳng (trong việc phán đoán trí năng thôi):

- Đen trắng phân minh là tốt. Tuy nhiên, nếu trông mắt quá trắng là dấu hiệu sắp có tang, quá xanh là điềm có chuyện đau buồn. Không nên nhầm lẫn như vậy là trí năng mạnh mẽ.
- Ánh mắt có hung quang: nhiều người mắt quá sáng, lóe lên bất thường nhất là khi tức giận. Loại người này tuy có tài năng nhưng quá kiêu căng và nóng nảy nên dễ mang họa.
- Ánh mắt nhìn lúc chú ý thì sáng nhẹ, lúc không chú ý thì bình hòa là thể hiện một tâm tính bình hòa, suy nghĩ sâu xa là loại người có trí năng hoàn hảo.
- Tất nhiên có những ánh mắt sáng một cách đặc biệt thuộc loại thường thừa cách, nhưng loại ánh mắt này hiếm và khó nhận ra.
- Người có ánh mắt nhìn trừng trừng: đừng lầm là người thành thật thẳng thắn. Đó là loại gian dối và ngu. Có khi còn tệ hơn loại mắt láo liên.

Cuối cùng là nên nhìn qua mi cốt. Mi cốt bằng phẳng là tốt nhất, thể hiện tâm tính thẳng bằng, không quá bi quan âm hiểm (mi cốt lõm) mà cũng không đi vào chỗ ngông cuồng tự đại (mi cốt lồi).

Cái đáng quan sát hơn khi nhìn mi cốt là chiều rộng của ấn đường. Nhiều người cho rằng giới hạn của ấn đường là lông mày. Cách nhìn nhận này là sai dẫn tới nhận định sai về các trường hợp lông mày xâm chiếm ấn đường.

Chính xác thì ấn đường bị giới hạn bởi phần trên của hai hố mắt, tức là mi cốt. Thường người ta cho rằng ấn đường rộng từ hơn hai chiều rộng ngón tay trở lên là tốt. Ấn đường rộng thường là người giải quyết tốt các mối quan hệ, được mọi người quý mến. Họ cũng có khuynh hướng nhân hậu, nếu vùng này mà bằng phẳng hay gồ nổi thì càng chắc chắn.

*** Tai: tai chia 3 phần. Phần giữa tính từ điểm trên cùng nối tai dính với đầu tức vùng trên sơ đồ gọi là thiên thành và nhân luân.**

Vùng này thể hiện điều kiện vật chất mà đương số được hưởng trên con đường phát triển học vấn (như học dưới anh đèn dầu hay là dưới đèn đa sắc hiện đại, danh sư hay thầy giáo làng hướng dẫn ...). Nếu luân quách dày, hình thể đầy đủ không khuyết hãm là điều kiện tối ưu. Vùng

này mà cong vòng thì tốt hơn thẳng đuột (chỉ tốt cho tăng đạo). Bởi vậy người ta cho tai tròn như quân cờ là thông tuệ giỏi giang, công danh tảo đạt là vì lẽ này.

Như vậy, phối hợp cả 3 phần: mày, mắt và tai, ta biết được sự tu dưỡng trí tuệ của đương số trên nền tảng của trí năng thiên bẩm. Từ đó, ta cũng có thể đoán trí thông minh của đương số theo chiều hướng nào, là loại kinh điển hay là trọng thực tiễn, hoặc là loại học khôn trên hè phố mà từ đó, dễ phán đoán hơn về tương lai, hậu vận của đương số.

5. LỰA CHỌN CỦA ĐƯƠNG SỐ CÓ HỢP LÝ KHÔNG?

Con người ta, ngoài tài năng ra, cuộc đời còn phụ thuộc vào sự lựa chọn hướng đi. Người có lựa chọn đúng đắn thì hạnh thông, lựa chọn sai lầm hay quá ngông cuồng thì đời nhiều sóng gió. Có thể nói lựa chọn là cái chìa khóa tâm điểm của việc xem tướng.

Vùng thể hiện lựa chọn là vùng từ lông mày xuống tới lệ đường. Theo chiều ngang thì kéo qua cả Gian môn và có thể tính luông thiên thương (nhân năng, chủng mộ trên đồ hình) vào.

* Đầu tiên là vấn đề mi cốt và vị trí lông mày.

Ở đây nói về phần chí khí trong sự lựa chọn của đương số.

Mi cốt lồi mà đầu mày trượt khỏi mi cốt mà nằm vào trong hố mắt là loại người có chí khí, cương cường nhưng không thông hiểu nhân tình thế thái, lại kém bền chí nên thường đi những con đường không mấy người đi, dễ dẫn tới thất bại mà thành bất đắc chí. Nếu mày vẫn nằm trong mi cốt thì có khá hơn, nhưng nhìn chung cũng vì quá kiêu căng tự phụ mà có những lựa chọn không sáng suốt.

Mi cốt lõm là loại thích đi đường ngang, lối tắt hay ngõ sau hơn là đi đường chính. Tại sao họ thích vậy? vì trong sâu thẳm của những con người này có mặc cảm tự ti và nhiều nỗi đau trong thời niên thiếu. Chẳng hạn đi đường chính cũng có thể đạt được mong muốn, nhưng vì mặc cảm tự ti, họ luôn dùng tới xảo thuật hay một cách gian lận nào đó cho chắc chắn.

* Hình dạng lông mày

Đây nói về xu hướng văn hay võ của đương số.

Có 3 cực làm chuẩn cho các dạng trung gian khác. Đó là mày hình cánh cung, hình vệt mực và mày hình lưỡi kiếm.

Lông mày cánh cung, ngoài hình dạng cong, bề ngang phải tương đối bằng nhau dọc theo đường cong và chiều mọc của lông mày cũng xuôi theo độ cong đó. Loại mày này là người của văn chương chữ nghĩa. Nếu không theo những ngành xã hội nhân văn thì ít ra cũng là ngành kỹ thuật. Thường theo ngành kỹ thuật, mày sẽ rậm và to ngang hơn.



Hình 11.

Mày hình lưỡi kiếm là loại mày như một vệt nằm ngang, hơi chếch lên ở cuối. Lông mày mọc đẹp, gọn theo chiều ngang. Nếu đúng là loại mày này, có tư chất làm người lãnh đạo, nhất là trong binh nghiệp. Thật ra, chính cách loại lông mày này rất hiếm, hình ví dụ là hình của Lưỡng quốc tướng quân Nguyễn Sơn. Lông mày ông là hình lưỡi kiếm nhưng không tròn cách, vĩ tán và hơi thô, nên sự nghiệp không bền và vắn số.



Hình 12

Mày hình bệt mực, là mày như vệt mực nằm ngang, to bản, thường rậm rì và mọc lộn xộn. Đây là mày của loại tầm thường, thường là của dân lao động.

Ngày xưa, chỉ có sĩ nông công binh nên giản dị như vậy nhưng thực tế, nhất là ngày nay, mọi chuyện phức tạp hơn nên có vô số loại trung gian. Phải hiểu là hình thể lông mày càng thẳng chừng nào, xu hướng của đương số càng thiên về hành động và thực tiễn chừng đó. Càng mềm mại, uyển chuyển, đương số càng có xu hướng lý thuyết và tư duy trừu tượng. Xu hướng là vậy, nhưng theo được tới đâu còn phụ thuộc vào màu sắc, vị trí và mi cốt có đẹp hay không như mô tả ở phần trên (bàn về trí năng).

Thế còn lông mày ngắn và đứt đoạn thì sao?

Có hai loại mày ngắn là đoản mi và la hán mi. Cả hai loại này đều dài chừng hơn nửa mắt. Loại đoản mi thường mỏng, hẹp còn loại la hán mi thì phình to, rối loạn ở cuối.

Loại đoản mi cũng thiên về thực tiễn, suy nghĩ và hành động không tẻ, tuy là loại non gan và khá an phận. Nó có liên quan tới anh em nhưng chuyện này sẽ bàn ở các chương sau.

Loại la hán mi thì vì mày quá thô, lại ngắn nên suy nghĩ kỳ quái, xuất thế, nếu làm tăng nhân thì tốt, bằng không, thường chọn cuộc sống cô độc, nghèo.

Lông mày đứt đoạn, chỉ lựa chọn của đương số thường nhiều khuất tất, kém minh bạch nên sự nghiệp hay đổ vỡ bất ngờ.

*** Mắt và ánh mắt**

Nhân hậu hay tàn ác, khôn ngoan hay ngu muội.

Các sách chia ra rất nhiều hình tướng của mắt. Theo kinh nghiệm cá nhân, việc chú ý vào hình mắt không mang lại lợi ích tương xứng với công sức bỏ ra. Mọi cái tốt xấu của hình mắt có thể bị quang mắt phủ định gần hết.

Tuy nhiên, là một cuốn sách tướng chẳng lý nào lại không bàn gì tới hình thể con mắt nên tôi chỉ xin có vài gợi ý sau.



Quý tiện là ở cốt pháp nhưng cái kẹt là xương cốt nằm bên dưới còn da thịt lông tóc thì nằm ngoài. Nhiều khi nhìn cái ngoài đó chỉ là gián tiếp thẩm định hình thái xương cốt bên dưới. Trong trường hợp hình mắt cũng vậy. Cái chủ yếu là hố mắt phải to và khoảng cách của chúng (tức vùng ấn đường, sơn căn) phải rộng. Hố mắt to khi mà mắt dài, bởi vậy những loại mắt dài thường là tốt (xin đừng lầm với loại mắt ti hí). Mắt mà to (theo kiểu mở to) cũng là nét tốt nhưng ngặt vì nhiều trường hợp thì ra là mắt tam bạch. Mắt mở to mà tròn xoe là người có lựa chọn tệ hại, thường là nham hiểm và thủ đoạn. Hình 12B là ví dụ điển hình cho loại mắt này.

Tương quan giữa nhãn cầu và hố mắt có thể tạo ra hai hình thể không mấy tốt là mắt tam bạch và mắt lộ. Mắt tam bạch thì tính tình cực đoan, quyết liệt mà lại là dấu tích của thời thơ ấu kém may mắn nên thường dẫn đến đương số có những hành động tàn nhẫn. Còn mắt lộ thì có hai mức độ mà ý nghĩa ngược hẳn nhau:

- Mắt hơi lộ mà ướt, chỉ dạng người thích vui chơi nhàn hạ và nhu nhược dù có thể có tài và có lúc làm rất được việc nhờ cái linh mẫn của mình. Loại này dễ đổ vỡ gia đình vì người phối ngẫu chán ngán mà sinh phản bội.
- Mắt lộ rõ, nhãn cầu lồi lên rõ rệt, mắt khô và có nhiều gân máu là loại hung bạo, dễ đi vào cảnh yếu tử hay nghèo hèn do bị mọi người ghét bỏ xa lánh.

Thần con người phát ra nơi ánh mắt, những gợi ý về thần mắt tôi đã nói ở phần trên. Chỉ nhấn mạnh lại là với một ánh mắt đẹp, mọi cái dở của hình mắt đều được gia giảm gần hết, có lẽ chỉ trừ “quí nhãn”. Quí nhãn là sao? Là mắt có đầu mắt cao hơn đuôi (Xem hình 12C). Những người này, bẩm tính hay nghi ngờ và bất mãn với những người xung quanh nhưng lại thường ủy mị, nhiều tình cảm. Loại người này dễ cô đơn vì không ai chịu nổi và có những lựa chọn kỳ lạ vì lúc

nào cũng mang trong lòng những mối hoài nghi và lo lắng. Nếu phối hợp với những bộ vì xấu, quỷ nhân có thể dẫn đến những hành động nguy hiểm cho xã hội.

	
12 B	12 C

*** Gian môn và lệ đường, ngọa tằm:**

Các lựa chọn liên quan tới tình cảm.

Hai vùng này là những lựa chọn liên quan tới xúc cảm. Lệ đường và ngọa tằm thường là vùng thể hiện khả năng lý trí chế ngự tình cảm. Vùng này mà hãm tối, khả năng chế ngự tình cảm kém từ đó có thể dẫn tới hôn nhân dựa nhiều trên bản năng hay ham muốn (xác thịt hay vật chất), khả năng nuôi dạy con cũng kém. Vùng này tốt khi mà nó khá rộng và bằng phẳng, màu sắc đẹp và da không quá xù xì.

Vùng cuối lông mày và Gian môn là biểu thị khả năng người ta giải quyết các mối quan hệ thân tình. Chính vậy mà vùng cuối lông mày và vùng trán trên đó được xem là cung huỳnh đệ còn Gian môn thì được xem là cung thê của đàn ông.

Chú ý điều thú vị ở đây là, cung phu của nữ là mũi, tức là năng lực nội tại, trong khi cung thê của đàn ông là gian môn, một phần của sự lựa chọn: Đàn ông chọn vợ, đàn bà xây tổ ấm.

Gian môn mà lõm, chứng tỏ khuynh hướng khá thô bạo trong tình cảm và thích khổ đau. Gian môn lồi là người thích thụ hưởng tình cảm hơn vun bồi, có thể có xu hướng lợi dụng tình cảm của người khác. Chỉ khi Gian môn tương đối phẳng người ta mới quân bình hợp lý giữa hai khuynh hướng.

6. HOẠT LỰC CỦA ĐƯƠNG SỐ RA SAO?

Hoạt lực ở đây muốn nói là khả năng hoạt động. Nó không đơn giản là thể lực mà còn là đức kiên nhẫn, sự quyết tâm, thời vận và nhiều đức tính khác có lợi cho việc thực hiện những điều mà đương số mong muốn.

Có ba phần nói lên năng lực này trên gương mặt, đó là mũi, quầng và tai. Có một bộ phận ảnh hưởng gián tiếp nữa là hàm.

* Mũi và khả năng hoạt động

Theo y tướng học, mũi tượng trưng cho lồng ngực, có người cho rằng sống mũi là phổi và chóp mũi là tim. Dù gì đi nữa, có vẻ như mũi tượng trưng cho khí lực của một người. Nó có vai trò trung tâm trên khuôn mặt và khí vận dọc theo mũi, qua đó mà lan tỏa ra cả khuôn mặt. Trong phần bàn về khí sắc, ta sẽ nói kỹ hơn về điều này.

Vì là khí vận dọc theo mũi, mũi càng thông su ốt vững chải càng tốt. Nhiều sách quá chú ý chuyện mũi có thẳng không, sụn căn có cao không... nhưng thật ra quan trọng nhất là tiết diện của sống mũi. Ý tôi nói là nếu lấy một mặt cắt vuông góc với mũi, tiết diện này càng rộng càng tốt. Nếu quý độc giả cảm thấy khó hiểu thì tôi xin diễn đạt lại như sau: Phần sống mũi giáp với mặt (chân mũi) nên rộng, không nên hẹp; Phần sống mũi nhô lên nên cao, nhưng không mảnh, nghĩa là từ sống mũi có hình dạng như nửa ống tre là tốt nhất (đồng trục tị).

Chỉ cần sống mũi được như vậy là đã có thể nói khả năng làm việc của đương số không tệ. Tuy nhiên, cần nhớ rằng nhiều sách nói “mắt mà hồng thì mũi tốt cũng chẳng ích gì”. Tại sao như vậy? Bố cục diễn giải của tôi đã nói lên đi ều đó. Mũi là khả năng hoạt động, mà để hoạt động, cần phải có trí tuệ và lựa chọn đúng đắn nữa. Những phần sau ững phải xét tương tự vậy, nghĩa là phải xét trong tương quan các hung với mắt.

Sống mũi chỉ quan vận hay là công danh. Nếu quá mảnh, sự nghiệp không vững, mệnh yếu. Qui chiếu tương tự sang chuyện chồng con của nữ nhân. Nếu gồ xương làm thành mũi 3 đo ạn (hình 13), làm việc gì cũng trắc trở, nữ thì khắc phu, nam thì hành xử vô tình và cũng phần nào chỉ ra là gia đình kém hạnh phúc.



Hình 13

Ngoài ra, còn vài hình thể của sóng mũi nữa như sóng mũi cong (hình 14) chỉ việc gì cũng phải làm đi làm lại vài lần. Sơn căn quá thấp hay nhỏ hẹp, thì làm việc hấp tấp, hay sai sót và bỏ qua nhiều chi tiết quan trọng.

Độ dốc của mũi từ ấn đường tới chóp mũi phải vừa phải. Quá dốc thì thành ra sơn căn hãm.

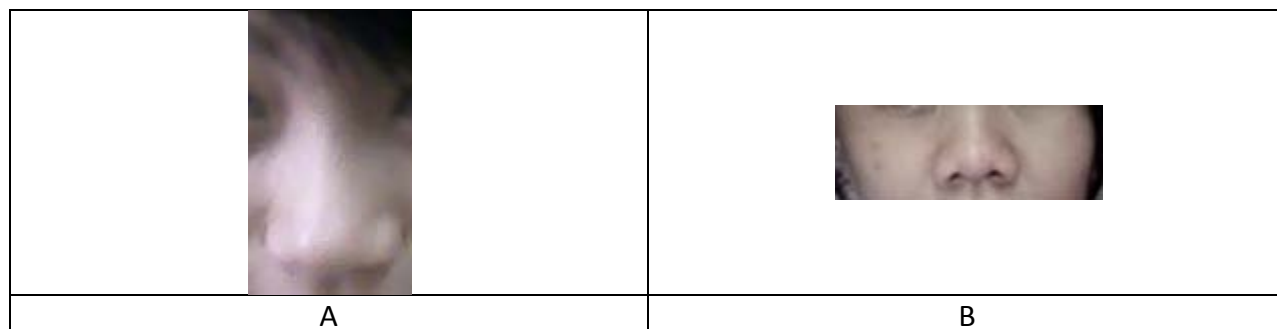


Hình 14

Năng lực kiếm tiền của đương số thể hiện ở đầu mũi, ý tôi là bao gồm chóp mũi và hai cánh (vị trí niên vận 48, 49 và 50 theo đồ hình). Cánh mũi càng dày, tròn và căng bóng bao nhiêu, năng lực kiếm tiền càng khá bấy nhiêu. Nếu cánh mũi khuyết, mỏng, chỉ ra kiếm tiền khó khăn hoặc tiêu hao nhiều.

Chóp mũi là khả năng giữ tiền. Người có chóp mũi to quá thì khó mà rộng rãi. Chóp nên vừa phải và bóng đẹp thì khả năng tích trữ tiền tốt và cũng hào phóng, tức cũng gián tiếp nói lên kiếm tiền dễ dàng và nhiều trong thời gian dài. Chóp mũi mà có góc vuông, nhô nhọn (như hình 15A là nhọn) thường cũng không có tiền ... dư, chưa kể đó là người khó làm việc vì quá bảo thủ và sát phạt, chỉ hợp khi họ là nghệ sĩ vì nghệ sĩ cần sáng tạo và thể hiện cá nhân.

Chóp mũi quá nhiều thịt, hoặc cánh mũi xệ xuống phía miệng (hình 15B) là những cách mà đương số thường thấy thiếu tiền, khát tiền trong phần lớn cuộc đời nhưng lại không mấy chịu khó hay phấn đấu trong chuyện kiếm tiền.



Hình 15

Mũi cao nằm trên khuôn mặt bằng phẳng thì thành “cô phong tị”, là người có nhiều hành động cao thượng nhưng không được công nhận rộng rãi, với gia đình thì cô khắc, tóm lại là không mấy gì hay.

Vậy nên, mũi cao cần phải có quyền phụ họa. Như thế nào là quyền và mũi “có hô, có ứng”? Thật ra được cách này rất hiếm. Hãy nhìn vào vùng nằm ở giữa quyền và mũi. Nếu mặt có quyền (tức quyền không lép hãm) mà vùng này nhô lên một chút so với mặt như là cái cầu bắt giữa sống mũi và quyền tức là quyền có xu hướng châu về mũi và hô ứng phụ họa với nhau. Xem hình 16.



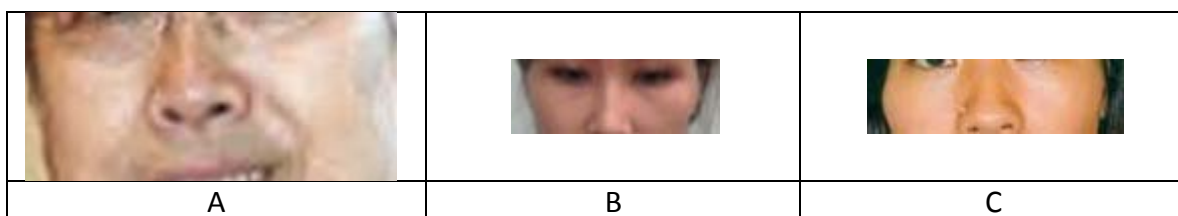
Hình 16

Nếu không được quý cách như trên, phải cân nhắc xem xét quyền rất kỹ. Quyền tượng trưng cho độ quyết tâm đạt mục tiêu và sự quả quyết, dám chơi dám chịu của đương số. Tính chất này, tự thân nó không hẳn là tốt hay xấu. Như những tay tướng cướp lừng danh dĩ nhiên có quyền lớn. Bởi vậy, quyền luôn được xét song hành với mũi và mắt trong luận đoán phú quý.

Sau trán, quyền là thứ xem khó nhất. Tuy nhiên, nếu độc giả nắm chắc 3 chiều hướng (hình không gian 3 chiều) mà tôi sắp nói sau đây thì kể ra cũng không khó mấy.

1. Quyền nhô cao hay lép hãm: Quyền nhô lên khỏi mặt như hình 16. Đây là cách tốt nhất, thể hiện khí độ cao, quả quyết, anh hùng. Ở nữ nhân, nếu mũi tốt mà quyền cao như vậy thì cũng tốt tuy có hơi áp chế chồng. Nếu quyền mà lép hãm như cái cách mà sách nói “quyền bất kiến” thì nữ không sao (nếu như mũi vừa phải), nam chẳng tránh khỏi cô đơn, ưu tư về gia đình anh em.
2. Vị trí của quyền trong tương quan với mắt và miệng. Nghĩa là phải xét xem quyền dịch về phía mắt hay xế xuống gần miệng. Nếu quyền áp mắt, nam thì tốt cho công danh (với điều kiện là mũi tốt, mắt tốt. Từ đây về sau trong phần nói về quyền, luôn luôn phải áp dụng câu này) nhưng dễ rơi vào trạng thái tàn nhẫn vô tình, chạy theo mục đích, bất chấp thủ đoạn. Nữ thì khắc con, dâm đẳng.

Ngược lại, nếu đi xuống phía miệng hơn, nam thì tuy cũng thành công nhất định nhưng có thể hơi hèn, thiếu lòng nhân, có khi “nịnh trên nạt dưới”. Tuy vậy, đối với nữ thì nếu thêm vào đó lại nổi (như mục 1) thì rất quý (hình 17A), là loại phụ nữ rất thành đạt trong con đường danh vọng. Có thể hơi dâm, nhưng cái dâm này kín đáo và khôn ngoan hơn.



Hình 17

3. Quyền không nằm gọn trong mặt hay nhô ra hai bên. Cái trạng thái quyền nhô ra hai bên sách xưa gọi là “quyền hoành”. Loại quyền này chỉ bản năng và ham muốn rất mạnh, chi phối toàn bộ cách hành xử. Quyền đã hoành mà còn nhô lên áp mắt nữa thì đối với nữ thật là cực kỳ xấu. Chẳng những có thể khắc chết chồng con mà còn tàn ác, hung bạo. Nhìn chung, quyền hoành đối với nam không mấy gì hay và ta phải đề phòng những con người này, còn đối với nữ thì vô cùng xấu:

Quyền hoành nhĩn đột cánh phi hảo

Tột độ hung tàn sát nhân đao.

Trong hình 17B, nữ nhân này giết người cướp của vì quyền hoành áp mắt – ham muốn che mờ lý trí. Trong hình 17C, nữ nhân đốt chết cả gia đình người ta – hung tàn hết mức vì quyền nhô ngang dữ dội.

Cái tốt của quyền chỉ phát khi mũi và mắt tốt. Cái xấu của quyền phát mạnh khi mũi và mắt tệ. Nếu quyền hoành như trên đã nói mà đi kèm với mắt và mũi khá thì cái xấu có tính tiềm tàng, phải có một vận nào đó cực xấu mới phát tác. Luôn phải nhớ kỹ tương quan giữ các bộ vị và ý nghĩa của nó.

Dù dân gian thường chú trọng nhiều tới quyền cao, quyền thấp, còn một vấn đề nữa không kém phần quan trọng là tương quan xương thịt của quyền và hình thể của nó. Quyền càng nhọn chùng nào, càng lộ xương chùng nào, những tính chất xấu càng khốc liệt. Tròn và nhiều thịt một chút (nhiều quá cũng không hay, sẽ bàn tới trong phần bàn về các bộ vị) dù sao cũng tốt hơn.

7. SỰ HƯỞNG THỤ VÀ THAM VỌNG

Vùng còn lại trên mặt là từ nhân trung đổ xuống chỉ ra lòng tham của đương số. Xin đừng hiểu lòng tham theo nghĩa xấu. Ai sống cũng có lòng tham, đó là động lực cho người ta hoạt động: tham trong tình cảm, trong khẳng định mình, trong tiền bạc, danh vọng, thậm chí là cái tham vọng theo đuổi những mục đích cao siêu.

* Hàm thể hiện mức độ của lòng tham

Bắt đầu nên nhìn cái hàm. Nếu vùng địa khối mà rộng và kéo dài vào trong qui lai, người này có tham vọng lớn nhưng biết điều tiết và có cái tâm hơn trong các cái tham vọng ấy. Trong khi những người có phần qui lai nhỏ ra to, to hơn phần địa khối, ham muốn thường thô thiển và khá thô bạo trong chuyện đạt được ham muốn của mình.

Khi phần địa khối mà rộng, sẽ dẫn đến phần má đầy và rộng hơn. Đây chính là phần chỉ bạn bè. Rõ ràng địa khối rộng sẽ có nhiều bạn bè và bạn bè tốt hơn là qui lai rộng.

Yếu hạm, hổ cảnh vạn lý hầu phong

Vì lòng tham là động lực, hàm lớn là một trong những yếu tố giúp thành công, nếu xương cốt hùng trán, với cái hàm lớn, người ta có thể làm nên sự nghiệp nhưng nó có lâu bền hay không hay kết thúc bi thảm thì còn phụ thuộc người ta có tâm từ ái không, tức là phải xem lại các phần trên.

Nằm chính giữa hàm là cằm (địa cát). Ở đây cũng chỉ ra cái sành điệu trong hưởng thụ. Cằm tượng trưng cho bất động sản nhưng nhấn mạnh là, bất động sản trên mức cái chỗ che thân. Nó không chỉ nơi ở thông thường mà chỉ ra khả năng sở hữu điền viên, nhà nghỉ mát v v ... Trong phần bàn về các bộ vị sẽ nói kỹ hơn chuyện này. Tuy nhiên, cằm dài mà đưa ra trước, cũng chỉ một tham vọng lớn nên loại người này quá sòng phẳng nên cũng ít tình cảm.

* Miệng thể hiện đam mê và xu hướng hưởng thụ

Miệng là bẩm thụ quan và là cơ quan phát ra tiếng. Miệng thường thể hiện cách hưởng thụ của một người. Nó liên quan mật thiết với hàm. Hàm mà to thì miệng có thể mở rộng và thu lại gọn gàng. Thế nên người ta hay nói miệng rộng thì sang.

Câu chuyện về môi rất phức tạp, màu của môi đã là chủ đề cần bàn cãi nhiều. Nếu sắc môi quá tẻ, có khả năng người đó không có thể lực tốt, có bệnh trong người. Trong trường hợp sắc môi tương đối, môi miệng thể hiện gu hưởng thụ. Môi miệng mà xấu, gu hưởng thụ cũng tẻ. Tinh tế nhất là loại người hai môi cân bằng (giữa môi trên và dưới) và hơi mỏng.

Loại môi dày và cân bằng là loại có nhiều dịp hưởng thụ nhưng không sành sỏi lắm và cũng không tinh tế. Những hình thể môi nhô ra, hoặc không che kín răng, chỉ cái gu hưởng thụ sa đọa

và nguy hiểm, hoặc cách kiếm sự hưởng thụ đó không mấy đẹp. Hình 18 là miệng của một người vì mê thú vui xác thịt mà tiêu tan sự nghiệp dù con đường quan vận khá tốt.



Hình 18

Những hình thái khuyết hãm khác nhau của môi miệng cũng dẫn đến những đam mê thất thường trong tình yêu, tình dục. Chuyện này tế nhị và khó đoán, tôi khuyên là nên thận trọng khi nói ra để bảo vệ môi và miệng của mình.

Môi nên có bờ giác rõ rệt, thể hiện lời nói cẩn trọng, khéo léo. Những đường văn trên môi cũng là nét tốt, chỉ người có khả năng diễn đạt cao, gián tiếp chỉ ra gu thẩm mỹ và văn chương tốt. Tuy nhiên, nếu môi quá khô và màu xấu mà những văn này lại nhiều, lại chỉ khiếm khuyết gì đó trong trao đổi chất và có khi là dấu hiệu nghèo khó.

Những thớ thịt nhỏ nổi lên xung quanh vùng miệng là báo hiệu đương số có nhiều xúc cảm mãnh liệt kiểu như sợ hãi hay tức giận. Bản thân việc này không xấu nhưng nếu xuất hiện trên gương mặt người trẻ tuổi thường báo trước đương số sẽ có những hành động nông nổi và hung bạo để chiều theo các ham muốn hưởng thụ của mình.

8. LUẬN VỀ VÓC DÁNG, THẦN THÁI (PHONG THÁI) VÀ GIỌNG NÓI

Chỉ là bàn luận thôi, không phải là đầy đủ.

“Quý tiện định vu cốt pháp” – nền tảng con người là ở xương cốt. Thật ra, xem các bộ vị cũng là xem xương cốt. Lý do ngư ời ta hay tập chú vào khuôn mặt vì con ngư ời vốn đã quen với việc nhận diện khuôn mặt. Trong cổ học, ta đều biết rằng lý thuyết bát quái nhấn mạnh là mỗi phần của toàn thể vũ trụ là tiểu vũ trụ. Mỗi phần của cơ thể nhìn chung là mang đầy đủ thông tin của toàn cơ thể, nghĩa là áp dụng vào tướng số, chỉ cần xem một phần cơ thể là có thể đoán được toàn bộ. Thế sao ngư ời ta vẫn cứ chia cung, chia bộ vị làm gì? Vấn đề là có những chỗ dễ xem khía cạnh này của đời ngư ời, chỗ khác dễ xem khía cạnh khác ... Như vậy, nếu thành thạo xem cốt tướng, ngư ời ta có khả năng nhìn nhanh hơn vì cả thân ngư ời tất dễ nhìn hơn là khuôn mặt bé tí.

Tất nhiên, việc hướng dẫn xem cơ thể có nhiều điểm tế nhị nhất là khi nói về phụ nữ! Chắc chính vì vậy mà kỹ thuật này ngày càng thất truyền. Ở đây sẽ cố gắng truyền đạt vấn đề này càng dễ hiểu càng tốt trong khuôn khổ “tế nhị” trên. Hy vọng là các bạn sẽ cảm thấy có ích.

a. Những nét đại cương về thân thể

Để cho dễ hiểu và có hệ thống, lấy cái xương sống làm trục chính.

Đầu tiên là cổ. Cổ to tạo thế cho đầu vững chải nằm trên hai vai là tướng tốt. Bởi vậy sách có câu “Yến hạm hổ cảnh vạn dặm phong hầu”. Câu này nhắc ta rằng cổ chỉ nên to khi mặt to, đầu to. Ngược lại, đầu to, mặt thô có thể được cứu thành tốt nếu có cái cổ lớn.

Nếu cổ mà nhỏ, dài, nhiều khả năng yếu tử nhất là trong trường hợp ngư ời to béo (trái lý âm dương).

Ngay dưới cổ, phần giữa hai vai, nếu cong gồ lên, cổ hơi cong theo đà đó, hợp với khung vai to lớn, có thể là một loại ngư ời quả cảm, có thể phát quý nhiều hơn phát phú.

Ngay dưới cổ là hai vai. Nữ nhân mà vai ngang, cứng chỉ hình phu khắc tử. Thường bị chồng bỏ. Nam nhân lại cần vai rộng. Bờ vai rộng mà vuông vắn, cân phân, chỉ tiềm năng con ngư ời to lớn. Có thể tương đương với sống mũi có lực và quyền đẹp.

Phần lưng, phụ nữ cần lưng dày, nghĩa là những bắp thịt ở lưng nên dày (không phải béo mập). Cái này khó phân biệt nếu ngư ời phụ nữ quá béo. Lưng mà dày thì nếu mũi có xấu thì cũng chỉ dang dở một đời, đời thứ hai sẽ hạnh phúc, êm ấm. Nếu lưng mà xương xấu, cứng, tương đương với cái mũi xương, gồ gẩy, đường chồng con khó mà hạnh thông.

Cả hai phái nam nữ đều cần lồng ngực đầy lớn (vùng xương sườn nhìn ngang). Cái này ứng với chóp mũi, chỉ khả năng quản thủ cuộc đời. Tuy nhiên, nếu ngực của nam nhân gồ tròn, nhô ra như ức chim là dấu hiệu một người tính tình liều lĩnh và háo thắng nên hay bị thăng trầm.

Tương quan giữa vai và khung chậu cần phải xem xét. Lý tưởng là vai và khung chậu rộng ngang nhau. Dương số có sự đam mê vừa phải, cân bằng với lý trí, nền tảng cho cuộc đời hạnh phúc và bình an. Nếu không được vậy, ít ra là khung chậu nên to hơn, nhất là tướng nữ nhân. Vai nhỏ, khung chậu to, chỉ người phụ nữ bản năng nhiều tuy là thông minh. Nó khác hơn vai to khung chậu nhỏ là loại phụ nữ dễ cô khắc, tình cảm dễ rơi vào trạng thái bừa bãi, nếu thái quá, có thể thành kỹ nữ.

Dù có sách nói về “Ngọc đới yêu vi”, nhưng dù gì đi nữa một cái eo rõ ràng vẫn tốt hơn miễn là, nó không ở vị trí quá cao làm cho phần hông gần như kéo dài ra và rớt vào hình tướng “hạ trường thượng đoản”: người lưu lạc gian hồ vô sở định. Cái hình tướng của ngọc đới yêu vi là bắp thịt trên lưng, không phải mỡ ở hai bên hông và bụng. Bằng không, nếu muốn sinh quý tử, các bà chỉ cần ăn uống thoải mái chút là được.

*Thượng trường hạ đoản vận lý chi tiêu hán đẳng dục
Hạ trường thượng đoản nhất sinh chi tông tích phiêu linh*

Phần trên của thân người (có thể gần đúng là lấy rốn làm điểm phân chia) dài hơn mức bình thường (không phải dài hơn phần còn lại) thì tiềm tàng khả năng bay cao bay xa. Ngược lại, phần hạ thể mà chiếm ưu thế thì một đời phiêu bạt. Thật ra thì, phần trên thân ứng với quyền và mũi, dĩ nhiên nếu chúng hùng tráng, người sẽ có một năng lực hùng mạnh, vấn đề là có được lựa chọn đúng (vùng mắt) và trí năng để sử dụng cho hợp lý không.

Về tứ chi, bàn tay bàn chân nên to nhưng cổ tay cổ chân thì nên nhỏ. Bàn tay to ở nữ tuy không hoàn toàn tốt vì như vậy tuy làm ăn khá giả nhưng vất vả nhưng còn tốt hơn nhiều bàn tay nhỏ và thô hay lệch vẹo.

Ngược với cổ tay cổ chân, đầu gối thì nên to, chỉ người phúc thọ, cuộc sống an ổn. Đầu gối nhỏ, người phải bôn ba, vất vả thăng trầm. Nhìn chung, phần từ đầu gối hoặc khuỷu tay trở lên nên to (long cốt dài hơn hổ cốt) thì người an nhàn hơn, có thể nói là quý hơn.

b. Xương đầu.

Đầu do nhiều mảnh xương ghép lại. Đầu nên mềm, không nên cứng vì rằng, trí não chúng ta không ngừng thay đổi, cần phải có độ mềm dẻo của hộp sọ.

Nhìn từ trên cao xuống đỉnh đầu, phần giáp với trán nên rộng, không nên ép hẹp lại vì vùng não trước chỉ huy những hoạt động cao cấp hơn, nó nên phát triển nhiều hơn phần sau.

Đỉnh đầu nên cao và rộng. Nếu đỉnh đầu cao mà nhọn, chỉ người suy nghĩ quá sắc sảo nhiều khi thành ra khác người, cái này chỉ có lợi cho tăng nhân.

Phần gáy, nếu có mảnh xương nổi gồ lên là chỉ thông tuệ. Tuy nhiên, tùy hình dạng xương này, nhiều người đánh giá nó quá cao như “làm tới thừa tướng”. Điều duy nhất có thể nói chắc là người khá thông minh mà thôi.

c. Thần thái

Không biết nên gọi là thần thái hay là phong thái. Nhiều thông tin quý giá có thể thu được qua quan sát hoạt động của đương số. Nói là quý giá vì nó rõ ràng và chắc chắn hơn quan sát hình ảnh tĩnh. Bởi vậy, chủ đề này có thể nói dài bất tận. Tuy nhiên, để giữ cho sách trong sáng và dễ đọc, để nhớ tôi chỉ nêu ra những điểm căn bản nhất (Vả lại, thời nay có khi người ta toàn xem tướng qua hình, phần này coi như vô dụng).

Xem thần thái là kết hợp giữa kiến thức và trực cảm. Khó có thể đưa ra một lý thuyết đầy đủ và bao biện hết mọi trường hợp. Dưới đây là một số nguyên tắc căn bản để phân định tốt xấu:

- a. Hợp lý và hiệu quả: vận động hợp lý và hiệu quả tức là không thừa hay kém chắc chắn, vững vàng. Ví dụ trong tướng đi, việc nhắc chân quá cao thì rõ ràng là không cần thiết và không vững thế nên tướng mã hành là người phiêu bạt, chí hướng bất định, cuộc đời vì thế mà lận đận. Tướng hạc cũng nhắc chân cao, tuy là người cao nhả nhưng cũng cô độc và nghèo. Trong khi đó, đi chậm rãi vững chắc như qui hành (tướng rùa) thì ít ra là trung phú và thọ. Rung đùi, hay tay lúc nào cũng mân mê một vật gì đó không dứt là tâm bất an, thần tán, mà cây rung thì quả rụng, những người này khó thành công mỹ mãn hay theo đuổi việc gì đó lâu bền.
- b. Nhẹ nhàng thanh thoát: hành động nhẹ nhàng vừa phải, không quá nặng tay mà cũng không ẻo lả như đang múa thì mới tốt. Người có tướng đi dậm chân thành thạch là tướng nô bộc. Khi ngồi ném người xuống ghế, nữ thì dâm dật ngu si, nam thì lỗ mãng nhiều bản năng thấp hèn. Thế nhưng quá nhẹ mà thành ra động tác kém tự nhiên thì lại rơi vào mục (a), không hợp lý và hiệu quả.
- c. Tính người: Con người có phần con trong đó, nhiều động thái giống con vật. Thế nên, những động tác (và có thể nói cả hình tướng nữa) nào khéo léo tinh vi, thuần người hơn thì coi là tốt, những động thái giống loài vật hơn thì xấu. Như tướng nhai thức ăn, nếu miệng mở to, nhe răng và phát ra tiếng động là một loại tiện tướng mà khó có bộ vị tốt nào có thể cứu được. Mũi hếch lên, hơi ướm và phập phồng như mũi chó cũng chỉ loại người nhiều bản năng, dễ bị kích động. Động tác nghiêng mặt, đẩy cằm ra trước, ngó nghiêng chỉ ra con người kiêu căng, tự thị quá đáng, hay làm càn và sự nghiệp khó bền và thường chịu nhiều nhục nhã. Chuyển động các ngón tay nhuần nhuyễn là đặc trưng của con người, những người có bàn tay và các ngón tay mềm mại, linh hoạt là một quý

cách. Điều này có thể được nhận thấy không phải bằng cách sờ nắn bàn tay của người ta mà bằng cách quan sát các hoạt động cầm nắm, cử chỉ của tay khi nói ... Nhiều người khi nói, khoa tay múa chân nhưng bàn tay gồng cứng hoặc cử chỉ tay không tự nhiên (cổ ý múa tay, không phải tự phát) thì chỉ là loại khoa trương, nói nhiều mà làm không ra gì.

- d. Trôi chảy và dứt khoát: “Thành bại tại vu quyết đoán chi trung”, thành hay bại chỉ ở hành động có quyết đoán hay không. Người mà làm gì cũng lập cập, do dự khó có thể thành công, dù hiện tại có phú quý chút ít thì thất bại cũng ngay trước mắt. Ngoài ra, hành động còn phải trôi chảy, điều này thể hiện rõ nhất là trong tiếng nói và chữ viết. Nhìn chung, khi người ta hoạt động mà động tác nối tiếp nhau, không hấp tấp nhưng cũng không gián đoạn thì đó là người đầu óc thông suốt, tập trung, không cần phải nói, đây là điều kiện rất cần để thành công.
- e. Khi an tĩnh thì vững vàng ổn cố: nếu thần khí hùng mạnh, khi xuất thì trôi chảy thông suốt, khi thu về thì ổn cố vững vàng như núi. Sách tướng vẫn khen người ngồi vững như núi là quý cách, ở đây chỉ thêm là phải phân biệt với loại ù lì, trì độn. Quang mắt khi chú ý việc gì thì phóng ra trong sáng, mạnh mẽ, khi bình thường thì phải ẩn tàng, không thô lộ, phát hung hay dị quang, đấy mới là thần thái của quý nhân.

Một phần khác của hoạt động của con người rất thú vị nhưng cũng khó quan sát là các chuyển động trên khuôn mặt. Theo các nhà tâm lý, trên mặt người có hơn 200 cơ và những cơ này, hầu hết có khả năng biểu thị xúc cảm của con người. Nhiều cơ biểu hiện cảm xúc, chỉ co và duỗi khi người ta thật sự có xúc cảm chứ phần lớn con người không chủ động điều khiển được. Chính theo nguyên tắc này mà người ta phân biệt được khi nào một người cười thật và khi nào là cười gượng, cười nhạt.

Nhìn chung, các cơ quanh mắt và miệng nếu quá nổi, chứng tỏ đương số sống cuộc đời nhiều xúc cảm mãnh liệt. Thường thì, như vậy là dấu tích một cuộc đời thăng trầm nhiều đau khổ và một tinh thần hoặc quá ủy mị, hoặc tham tàn. Muốn quan sát những cơ này, hay nhất là quan sát khi người ta cười nói, hoạt động. Khi người ta ngồi thật yên như để chụp hình thì những cơ này rất khó quan sát.

Người có cuộc đời hạnh thông, nhưng cơ này chỉ thoáng hiện khi vận động rồi dần ra, tạo nên nét bình thản trên khuôn mặt.

d. Giọng nói:

Thanh tướng có một vai trò quan trọng không thể phủ định trong việc quyết đoán quý tiện. Nhưng thanh tướng cũng hết sức khó diễn giải. Trong tiếng nói con người có đủ ngũ hành (đủ loại thanh âm). Vấn đề là những hành trội có tương sinh nhau hay khắc phá nhau. Đại khái ngũ hành trong giọng nói như sau:

- Tiếng kim hơi trầm, hoặc hơi cao và ngân.
- Tiếng thủy mềm mại, uyển chuyển và trầm (lúc xuống giọng).
- Tiếng mộc cao nhưng đầy chắc và vang dội.
- Tiếng thổ trầm và tràn đầy.
- Tiếng hỏa mạnh, cao, thoảng qua như gió.

Sách nói “nữ nhân tị tước, quyền cao, kỳ thanh thích nhĩ tam kỳ giá”, nghĩa là nữ nhân có 1 trong 3 nét sau (thường là sẽ dính đến 2 hay 3 thứ cùng lúc) sống mũi như sóng đao, quyền cao, tiếng nói như chọc vào tai thì 3 lần xuất giá. Sách còn chú giải thêm là nếu kỳ thanh đó mà kim, mộc vượt trội, chồng của nữ nhân bất đắc kỳ tử (như tai nạn, binh đao, hình ngục). Nếu thổ mộc tương tranh, phu quân chết trên giường bệnh hoặc xách túi ra đi.

Tôi cũng hiểu rằng việc phân biệt ngũ hành là khó cho độc giả nên sẽ không bàn nhiều ở đây mà thay vào đó, nói về những biểu hiện khác của giọng nói.

Nhìn chung giọng nói có lực là tốt. Thế nào là có lực? Tiếng nói dội lên từ lồng ngực, như tiếng đàn dội vào thùng đàn chứ không phải thứ âm thanh của hơi thoát qua cổ họng. Đặc điểm của giọng nói mạnh là nó rõ ràng ngay cả khi mà xung quanh có nhiều tiếng động ồn ào.

Biểu hiện nữa của giọng nói có lực là phải liên tục, trơn tru như dòng nước chảy như hiền hòa mà dũng mãnh.

Trên thực tế, ít người có được giọng nói trọn vẹn hai tính chất trên. Dưới đây là vài tình trạng trung gian:

Nhiều giọng nói cũng khá mạnh nhưng âm thanh sát phạt (nghe khó chịu) thì con người đó cô khắc, dù có thể khá giả. Nếu giọng nói không mạnh mà sát phạt, thì không tránh khỏi thêm nghèo hèn, nhiều khi còn là biểu hiện của tù tội.

Tiếng nói mà các từ tuôn ra, từ sau đè lên từ trước, tức từng từ không được phát âm trọn vẹn, là loại người hãnh tiến, hay thích lừa phỉnh người khác, lúc lên voi thì “lên voi” con, lúc “xuống chó” thì xuống chó ghê.

Giọng nói cứ cuối câu thì như hơi ngân dài nhưng như hụt hơi. Đây là loại thần bất túc, khó làm lên trò trống gì dù có dịp nói là bốc phét lên tới trời.

Trong tiếng nói như nghe có tiếng khóc, nữ nhân thì hoặc không chồng hoặc có thì cũng hình khắc buồn thương. Đàn ông thì nghèo hèn, gia đạo rối ren.

Có nhiều người hỏi, những người nói lắp (cà lăm) thì sao? Đây là câu hỏi khó. Nói lắp biểu thị trí năng có vấn đề nhất định. Tuy nhiên, tôi từng gặp một người nói lắp mà còn hơi ngọng nữa nhưng anh ta có vóc dáng đường hoàng, đỉnh đạc, khi nói chuyện với tôi, anh cố làm cho lời nói

của mình rõ ràng hơn và nhìn tôi với ánh mắt vừa tự tin vừa như xin lỗi vì mình nói khó nghe. Trong ánh mắt đó, có cái gì đó ôn hòa và bình thản khiến người ta phải vị nể. Và dù nói lắp, giọng nói cũng mạnh mẽ, thâm trầm. Tôi cho rằng, việc nói lắp, ít nhất trong trường hợp này, không kéo theo cái gì xấu.

PHẦN II: BÀN VỀ CÁC BỘ VỊ

1. ẮN ĐƯỜNG, MŨI VÀ QUYỀN.

Mũi là phần trung tâm mặt, là thẩm biện quang mà qua đó khí vận dọc theo mặt như xương sống vận khí đi dọc cơ thể. Trên mũi là ắc đường, thường được xem là cung mệnh.

Ắn đường được tính từ phần giữa và cao hơn 2 mày một chút cho tới điểm giữa 2 mắt, thường là điểm thấp nhất của mũi nên được gọi là sơn căn. Đẹp nhất là phần trán khu vực này cao, hơi nổi lên và rộng kéo cho đến hết khu vực ắc đường. Nếu được vậy, người có căn bản vững vàng, có thể xem là mệnh tốt. Ngoài ra, ắc đường tốt còn cho thấy là người nhạy cảm, có khả năng thích ứng tốt trong các mối quan hệ.

Nếu không được vậy, ít ra ắc đường phải đủ rộng ở phần giữa 2 mi cốt (nhấn mạnh là mi cốt chứ không phải lông mày) và tương đối bằng phẳng. Có sách cho rằng độ rộng ắc đường ít ra phải bằng chiều rộng 2 ngón tay trở và ngón giữa. Tuy nhiên, đây chỉ là tham khảo, tôi khuyên là nên tin vào cảm giác của mình.

Nếu ắc đường hẹp, có thể nói bản mệnh mong manh do khả năng kém cỏi của đương số về trí năng. Nếu ắc đường thấp hãm, bản mệnh cũng kém do phần đạo đức của đương số, tức là khả năng tu dưỡng, học hành hoặc kềm chế các ham muốn ... kém mà dẫn tới yếu hoặc bần hàn.

Có một khía cạnh nữa của ắc đường mà ít người nói tới là tương quan chiều dài (hay cao) của ắc đường và chiều dài của mũi. Nếu chiều dài từ lông mày xuống tới sơn căn mà dài (tương quan với mũi), có thể thấy ắc đường có vẻ như rộng ra. Nếu ắc đường phẳng đẹp, có thể nói người này khá nhân hậu và quan tâm mọi người nhưng cái giá là sẽ lao tâm khổ trí, đời sống tinh thần nhiều nỗi buồn lo. Nếu ắc đường không đẹp, có thể nói người này chết chìm trong các mối quan hệ tình cảm.

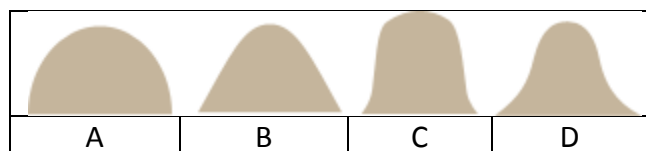
Điểm sơn căn cần được quan sát kỹ lưỡng. Nếu sơn căn quá thấp sẽ kéo theo ắc đường không đẹp đã đành mà còn tạo một thế bất lợi cho mũi. Người ta hay dùng từ “sơn căn gãy gục”, vậy thế nào là sơn căn gãy gục? Đó là khi mà vùng sơn căn nằm thấp bằng với 2 mắt ở 2 bên, hầu như chẳng nhô tí nào lên khỏi mặt. Có thể có vài điều có thể nói về đương số nếu sơn căn gãy gục:

- Nếu sơn căn gãy gục, báo hiệu nhiều chuyện buồn bực, đặc biệt có thể là liên quan tới công ăn việc làm, quanh tuổi 40.
- Nếu là nữ, cộng thêm một bộ quyền hơi to, là một trong những báo hiệu khó có chồng.
- Khi sơn căn gãy, nếu mũi cao, ta sẽ có độ dốc đi từ sơn căn lên rất gắt, dễ tạo nên một nét cô phong, nhất là trường hợp quyền hãm, dẫn đến người cô độc. Có thể nói sơn căn gãy thường kèm theo vài vấn đề cho mũi.

Đa số, sơn căn đều hơi thấp xuống rồi khởi cao dần tới chuẩn đầu. Vùng thấp này nên rộng và độ gập khúc nên vừa phải thì cuộc đời sẽ giảm thiểu được gập ghềnh ở vận 39 – 41.

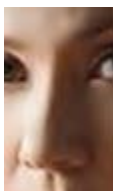
Những cách tốt của mũi bàn đến dưới đây chỉ được phát huy nếu đương số có vùng mắt không quá xấu.

Mũi có thể chia làm 2 phần là sống mũi và chóp mũi. Phần sống mũi bắt đầu ở sơn căn là phần quan trọng nhất của mũi đối với quan vận và công danh. Lấy một mặt cắt ngang phần thứ 2 của mũi, tại vị trí 44 tuổi, ta thấy có thể có các dạng sau:



Hình 19

- Hình nửa hình tròn, tức mũi như nửa ống trúc úp lên mặt, thường được gọi là đồng trúc tị (mặt cắt như hình 19 A). Loại này là tốt nhất, thuận lợi khí lưu thông dọc sống mũi và tốt cho cả nam lẫn nữ. Sách tướng xưa rất thích loại mũi này nhất là khi nó thông thẳng từ chóp mũi tới ấn đường. Tuy vậy, nếu để ý, ta thấy những người này nếu có mắt đẹp thì quan vận hạnh thông, đường mây nhẹ bước nhưng hoàn toàn không phải là loại lừng lẫy tiếng tăm nhờ chọc trời khuấy nước hay tiên phong khai mở cái gì mới. Những danh nhân ít khi có mũi loại này. Đây là loại mũi phù hợp cho công việc trong các tổ chức chính quyền.
- Hình tam giác có đáy tròn (hình 19B). Đây là loại phổ biến nhất nên có nhiều dị biệt trong chi tiết. Nếu chân mũi, tức đáy của tam giác này rộng nở ra tới quyền, tạo nên thế liên nối giữa 3 “ngọn núi” trên mặt, mũi lại đủ độ dài thì đây có thể là bậc anh hùng cái thế. Tuy nhiên, nếu mũi thấp (tức chiều cao của tam giác này thấp), hay hẹp (tức cạnh đáy của tam giác này ngắn) nhiều thịt thì có thể chỉ phù hợp cho dân buôn bán. Nếu nhiều xương, khô thì là thợ thuyền. Đặc biệt, nếu quá hẹp, có thể sẽ phải xem như chuyển thành loại mũi thứ 3 ở hình 19C.
- Hình thang (hình 19C). Đây là loại mũi mà ở nữ nhân thường được coi là “tị tước như đao” tức là sống mũi như sống đao (xem hình 20). Chính ra, với nam nhân, đây là loại mũi thể hiện cá tính mạnh mẽ và nhiều nghị lực, có khả năng làm việc đáng nể. Tuy nhiên, cũng gần như nữ nhân, mũi loại này dễ dẫn đến xung đột gia đình và dễ dẫn tới đổ vỡ. Loại mũi này nếu cộng với quyền tốt và mắt tốt, đương số có thể thành công rực rỡ trong những lĩnh vực đòi hỏi linh cảm cao, quyết đoán nhanh như kinh doanh hay chính trị, quân sự ... hoặc là các ngành nghệ thuật. Nếu mũi này mà quyền thấp, sống mũi không ngay thẳng, nhiều xương, cuộc đời đương số thành ít, bại nhiều và cô độc. Loại mũi này nếu dài và mảnh, có thể báo hiệu vắn số cho cả nam lẫn nữ.



Hình 20

- Loại mũi cuối cùng ở hình 19D là loại sống mũi ở vài điểm, hẹp lại đến gần như nhọn. Loại này, đối với nam lẫn nữ đều chỉ cuộc sống vất vả, nhiều trở ngại và tai nạn bất thường.

Có thể nhận thấy là thật ra, không có ranh giới phân biệt rõ ràng giữa các hình mũi nêu trên. Dạng đồng trục tị nếu kém cong một chút ở 2 bên sẽ thành ra loại tam giác. Loại tam giác nếu đỉnh bẹp một chút sẽ thành loại hình thang. Về tính chất luận đoán ứng tương tự vậy, rất nhiều khi có một tình trạng lưng chững giữa 2 loại và đòi hỏi người luận đoán phải linh hoạt. Trong tất cả các loại, nếu bề ngang quá hẹp thường chỉ sự nghiệp không bền và có khi là không thọ. Nếu chiều cao kém, cũng cho thấy năng lực đương số hạn chế và kém dũng khí.

Ngoài ra, còn cần phải nhìn tương quan xương và thịt trên sống mũi. Nếu xương nhiều lộ ra trên sống mũi (tức quá dương), làm cho sống mũi gập ghềnh, nghiêng lệch chỉ hình khắc trong hôn nhân, quan trường lận đận. Nếu quá nhiều thịt, vùng sống mũi thành ra hơi bùng nhùng (quá âm), người này không thích phấn đấu, chậm chạp, kém nhanh nhạy ... Nữ mạng còn có thể lấy nhầm ông chồng bặt nhược, không chăm lo cho gia đình.

Sống mũi kỵ các văn (vết nhăn) ngang. Văn ngang sống mũi chỉ công danh thấp kém. Văn ở các vị trí 44 45 tuổi có thể chỉ ra đây là người buôn bán nhỏ lẻ dù mũi có thể, có lực.

Văn từ chân mũi ăn lên sống mũi, kiểu như khi người ta chun mũi lại. Những người có văn này khi cười, thường có thái độ khinh khỉnh, rất tự tôn, phân biệt thái quá cái “của tôi” và không “của tôi” nên thường gặp nhiều rắc rối trong hôn nhân và công việc, nhất là nữ.

Phần tiếp theo của mũi là chóp mũi.

Chóp mũi là phần cuối của mũi, ở giữa là chuẩn đầu, 2 bên cánh mũi còn gọi là gián đài và đỉnh úy. Chuẩn đầu, về chiều ngang chỉ nên to hơn 2 cánh chút ít thôi. Mũi mà chuẩn đầu quá to, chỉ người keo kiệt và thường là ít có khả năng kiếm tiền nhiều một cách ổn định. Nếu cánh mũi rộng (tức cũng có nghĩa là chóp mũi không quá to) và dày, không khuyết thể hiện khả năng kiếm tiền tốt.

Nhìn thẳng vào mặt, cánh mũi nên tạo ra 2 hình gần như tròn 2 bên chuẩn đầu, toàn chóp mũi nên căng, bóng đẹp là chỉ khả năng thành đại phú. Chính vì vậy mà loại mũi túi mật treo (hình tượng này chỉ sự căng tròn, đầy đặn) được các sách xưa xem là giàu có. Trong hình minh họa

21 là mũi túi mật treo. Tiếc là không tìm được cái nào trọn cách, mũi trong hình còn nhiều nét trọc ẩn tàng chứ không đẹp hoàn toàn.



Hình 21 (mũi túi mật treo)

Nếu chóp mũi có góc cạnh, không tròn người cô độc, bị nhiều người ghét. Nhưng có cái hay là khi nào túng thiếu là có người giúp đỡ, tiền kiếm được thì thất thường, lúc không có đồng nào, lúc lại được một cục nhưng nhìn chung là tiền bạc eo hẹp.

Hai cánh mũi nên thẳng bằng với chuẩn đầu. Nếu cánh mũi mà kéo lên về phía mắt, dễ dẫn đến lỗ mũi lộ khổng, ít ra là có vận khó khăn ở đó. Nếu thêm vào đó chuẩn đầu cong (mũi hơi khoằm), sẽ tạo thành dạng mũi điều hâu. Loại người này ít nhin ai, sát phạt nên việc kiếm tiền cũng gặp nhiều khó khăn, dù có thể có thời kỳ giàu có.

Nếu hai cánh mũi trĩ xuống miệng, loại người này cũng khó giàu to, may lắm là loại làm công ăn lương cao mà thôi. Ngoài ra, nếu thêm nhiều thịt thì thành ra trệ, chỉ người cũng chậm chạp, kém nhiệt huyết trong kiếm tiền.

Lưỡng quyền

Người ta thường nói quyền cao nhưng thật ra hình thái của lưỡng quyền phức tạp có thể cao thấp theo 3 hướng: nhô cao lên hay lép xuống trên mặt phẳng khuôn mặt; phình ngang ra khỏi khuôn mặt (quyền hoành) và có xu hướng áp sát vào mắt hay là nằm gần với pháp lệnh hơn. Về vấn đề này, phần I đã nói khá kỹ lưỡng ý nghĩa của từng chiều hướng.

Nếu xương quyền to mạnh, có thể ăn vào tới tai mà sách xưa nói là sẽ thọ, ăn lên thiên sương và xuống hàm thì thành tựu to lớn. Theo kinh nghiệm các nhân, nếu quyền hoành thì dù có tới tai cũng không thọ mà ngược lại, loại người này tính tình nóng nảy và thường có những hành động quá dữ dội nên khó mà thọ được. Nếu xương quyền mà ăn lên tới thiên sương thì rất quý, đương số chẳng những có uy nghi mà còn rất nhân hậu, quân tử. Nếu quyền ăn xuống hàm, cũng thể hiện uy lực và sự quả quyết nhưng mà nặng tính bản năng hơn, có thể nói là đương số giải quyết vấn đề nhiều bạo lực và kém nhân tính hơn.

Như đã nói ở phần I, quyền đẹp nhất là nổi lên trên mặt phẳng khuôn mặt, sách xưa tả là như úp miếng gan gà lên mặt. Khi quyền cao như vậy, nếu như miệng đẹp, sẽ làm nổi pháp lệnh (quyền trở thành bờ của pháp lệnh). Nhiều sách nói về chuyện pháp lệnh sâu rộng chỉ quảng giao và có nhiều người nghe theo cũng là vì lý do này. Nữ nhân mà có quyền này thì tuy thành

đạt nhưng mà nhiều khi phải gánh vác trách nhiệm gia đình nếu như có chồng, đồng thời cũng hay lấn át chồng. Đó là khi mà quyền xương thịt cân phân, chứ nếu khi thịt quá nhiều, thành ra thành một đụn thịt trên mặt, ngay dưới mắt thì hôn nhân đang dở, nhu cầu đàn ông rất cao và có xu hướng muốn thỏa mãn với nhiều người. Hình 22 là một ví dụ:



Hình 22

*** Luận về âm dương.**

Cũng như những môn lý số khác, trong tướng số rất chú trọng tính âm dương. Cong tròn là âm, phẳng, thẳng, góc cạnh là dương, xương nhiều là dương, thịt nhiều là âm, dài, rộng là dương, ngắn hẹp là âm. Nhìn chung, âm dương phải đối bổ. Ví như hình thể cong thì nên ít thịt, tạo ra cảm giác sáng, bóng. Góc cạnh nhiều thì nên nhiều thịt hơn, tạo cảm giác vững chắc mạnh mẽ, không nên gờ xương hay mỏng yếu.

Trong trường hợp của ấn đường, nếu rộng thì nên cong. Nếu ấn đường rộng mà quá phẳng, thành ra con người quá cực đoan trong chuyện đúng sai, chánh tà và tất nhiên cũng kém thành đạt.

Ấn đường hẹp thì nên bằng phẳng, không nên lồi lõm nhiều thịt bùng nhùng thành ra quá âm, bản mệnh yếu, làm gì cũng khó thành công.

Ấn đường mà lồi lõm nhiều chỗ như gờ xương, khó tránh khỏi tù tội hay yếu tử.

Sống mũi, nếu dạng vuông (hình 19C) thì nên nhiều thịt, kỵ gờ xương. Nếu âm dương hòa hợp, loại cánh mũi này phù hợp với loại người tiến thân hoặc làm giàu bằng con đường quan chức, học thuật.

Nhìn chung, loại mũi dương hơn, ví dụ như từ sống đến chóp tạo thành hình như tam giác (như hình 20) là loại người làm cho chính quyền. Loại âm nhu, cả mũi tạo bởi những hình thể nhỏ ghép lại, mềm mại, là loại của danh nhân, nghệ sĩ hoặc những nhà khoa học lớn. Ví dụ: trong sách xưa cho rằng ngư tị, sư tử tị là loại phú nhiều hơn quý cũng là vì lẽ này.

Trong việc luận đoán những bộ vị phức tạp như mũi, việc vận dụng âm dương nhuần nhuyễn sẽ giúp đoán nhanh, chi tiết và chính xác mà không cần phải bối rối biện biệt các hình tướng theo bộ (như dương tị, sư tử tị, ngư tị ...).

Âm dương là phương pháp luận chính xác nhất nhưng khó vận dụng và đòi hỏi nền tảng dịch học thâm hậu. Sau khi thành thạo, trong mọi bộ vị và hình tướng, người xem có thể biện luận âm dương tương tự như trên. Các phân tích ở đây chỉ nêu như ví dụ.

2. TRÁN

Trán là bộ vị lớn nhất và khó xem nhất nhưng cũng nhiều thông tin nhất. Trán có thể chia theo hàng ngang làm 3 phần lớn. Phần thứ nhất: giữa hai lông mày chiếu thẳng lên chân tóc. Phần thứ hai gồm hai bên phần thứ nhất trải ra đến biên thành. Phần thứ 3 là từ biên thành đến hai bên thiên thương.

Phần thứ nhất, nhìn chung nói lên sự miễn cảm của đương số trong việc xử lý các mối quan hệ, đời sống tinh thần và bản mệnh. Chính vì vậy, nhiều người coi vùng này là cung quan.

Phần thứ hai, chủ về dòng dõi, gia thế của đương số. Nó cũng đại diện luôn cho gia thế và địa vị của người phối ngẫu. Chính vậy mà nhiều khi muốn xem về gia đạo của nữ giới phải nhìn luôn trán.

Phần thứ ba chủ về xúc cảm, tâm linh, hiểu biết rộng rãi nên cũng có khi là vùng biểu hiện khả năng cảm thụ văn chương, nghệ thuật. Kể cả xu hướng suy nghĩ viển vông, óc phiêu lưu và mơ mộng cũng thể hiện ở đây.

Nếu gom chung phần 1 và phần hai và phân tích nó theo chiều dọc, ta có phần đầu tiên gồm thiên trung và thiên đỉnh, phần thứ hai là tư không và phần ba là trung chính. Phần đỉnh thì chỉ gia thế thời thơ ấu, phần thứ hai chỉ gia thế dòng họ thời kỳ trưởng thành. Phần còn lại là khả năng tư duy logic.

Đối với phần còn lại, phần ngoài biên thành là sơn lâm và thiên thương thì phần trên thiên về tâm linh và suy nghĩ trừu tượng, phần dưới thiên về tình cảm.

Sau khi chia xong như vậy, độc giả sẽ nhận ra ngay rằng những vấn đề và năng lực khác nhau của một người có sự đan xen và ảnh hưởng qua lại với nhau. Ví dụ như thường thì phần trán cong đều từ trên xuống, nếu phần gia thế mà tốt, phần suy nghĩ logic cũng ít nhiều tốt theo. Đây cũng là hiển nhiên vì nếu gia đình có truyền thống thường người ta được tiếp cận khoa học kỹ thuật sớm, giáo dục tốt hơn nên tư duy cũng tốt hơn. Ví dụ khác là, khi phần giữa gồ cao, hiển nhiên phần ngoài biên thành dễ thấp hãm, đây là vì thông thường, đã nặng tư duy logic thì phần linh cảm, cảm giác sẽ kém. Chỉ có những nhà khoa học lớn, những người rất đặc biệt, mới giỏi cả hai thứ. Bởi vậy, những người lừng lẫy, đặc biệt là nhà khoa học trán thường cao rộng mà cong tròn toàn bộ phần nằm giữa sơn lâm.

Những người phát triển mạnh hai bên biên thành, nếu trán cao đẹp không bị móp hãm, thường đi theo con đường nghệ thuật, hoặc ít ra, cũng là người hiểu biết nghệ thuật và có xu hướng tâm linh. Những người mà phần này quá kém, trán hẹp (theo chiều ngang) thường chỉ có thể chuyên chú vào một ngành, ít sáng tạo, nếu phần trên hẹp, tư duy siêu hình kém, phần dưới hẹp, đời sống tình cảm cũng nghèo nàn. Có điều, nếu phần quanh gian môn và thiên thương

phình ra, người ta có xu hướng rong chơi nhiều, đam mê nhiều trò tiêu khiển có khi là vô bổ và tất nhiên, không phải là người của gia đình.

Mặc dù phần mặt có nổi trán gồ gề là biểu hiện cho sự phát triển trí năng nhưng không nên lầm với trường hợp trán quá to tròn thành ra thô. Trùng nếu vồ cao thái quá ra tới sụn lâm một cách bất thường (hình 23A) hoặc tò tròn mà không có bờ giác gì (hình 23B), đặc biệt ở nữ giới là dấu hiệu hôn nhân khó khăn. Để dễ phân biệt với trường hợp trí năng mạnh mẽ, có thể thấy là những mảng trán này thô và/hoặc có những đường cong không trọn vẹn, chỗ lồi chỗ lõm. Những người này dường như là quá lý tưởng hóa chuyện hôn nhân và nhiều mơ mộng nên vì vậy, không xứng ý toại lòng trong hôn nhân.



Hình 23 A và B

Loại người có trán dựng đứng và gần như phẳng lì, sáng đẹp thường là con nhà khá giả, giàu có. Những người này có nền tảng tốt, thường trở thành những nhà quản lý tốt. Những người có phần giữa biên thành phẳng đẹp mà phần bên ngoài thấp, thường làm những công việc nặng tính thừa hành như công chức, cảnh sát, quân đội

Nếu phần giữa biên thành phẳng, không mấy đẹp mà bắt đầu từ biên thành ra tới sụn lâm, phần gần chân tóc nổi cao, thường là nghệ sĩ, diễn viên, loại hát hay, diễn hay nhưng đầu thì “ngẩn”. Như hình 24A là một diễn viên nổi tiếng và hình 24B là một ca sĩ nổi tiếng. Trong hình đầu, vùng gồ kéo dài từ giữa tới hết biên thành và tạo thành gờ, trong hình sau, vùng biên thành và sụn lâm, chỗ gần chân tóc nổi tròn trong khi phần giữa thì phẳng.



Hình 24A



Hình 24B

Một cái trán đẹp, tiền vận sẽ hạnh thông và điều này sẽ làm cho cặp mắt trong sáng (khi đương số khoảng từ 20 đến 30, về sau, ảnh hưởng lên mắt này sẽ không còn nữa). Nên nếu nhìn một người trong độ tuổi đó mà mắt trong sáng, có thể đoán là trán của người đó khá đẹp.

3. MÀY, MẮT VÀ LỆ ĐƯỜNG

So với trán và quỳên, hình mắt dễ xem hơn nhưng quang mắt thì không hẳn khó nhưng khó lòng hướng dẫn xem qua sách vở.

Hình mắt, các sách đưa ra vô số khuôn mẫu. Để bắt đầu ta hãy khảo sát mắt phượng, mắt tam giác và mắt rắn. Mắt phượng là loại mắt kiểu cách nhất, uốn cong chữ S cả viền trên lẫn viền dưới, dài và có đuôi. Mắt phượng quả thật hiếm, và tìm mãi mới được hình chụp dưới đây (hình 25). Loại mắt phượng “ngủ” thì nhìn rõ nét hơn, còn hình dưới đây là mắt phượng “gáy”. Loại mắt này khi đương sự hơi hạ mí trên xuống sẽ nhìn rõ hình mắt phượng hơn.



Hình 25.

Mắt rắn thì có thể xem lại ví dụ ở hình 12B.

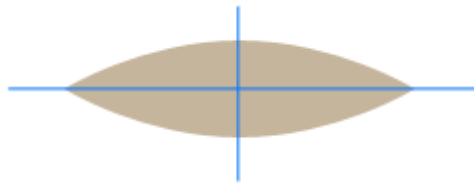
Hình 26 dưới đây là mắt tam giác không trọn cách. Nhiều người đọc sách không hình dung ra mắt tam giác là sao. Thật ra, mắt tam giác là loại mắt mà mí dưới gần như thẳng và mí trên tạo thành từ 2 đường gần như thẳng.



Hình 26

Tại sao nhiều hình tướng mắt mà tôi chọn chú giải kỹ 3 loại mắt này? Lý do là tôi không muốn người đọc phải học thuộc lòng hơn 50 loại hình mắt cùng tổ hợp với các loại mày. 3 loại hình mắt trên có thể đại diện 3 xu hướng chính của hình mắt:

- Nếu lấy 2 trục, một đi qua đầu và đuôi mắt và một thẳng đứng đi qua giữa mắt, những hình mắt nào càng có xu hướng đối xứng qua 2 trục này thì càng xấu vì nó gần với mắt loài vật (hình 27).



Hình 27

Mắt phượng là loại mắt ít cân nhất vì mí dưới ở đầu mắt, chỗ gần móng mắt cong lên, còn phần mí trên thì cong nhấn ở cuối mắt. Chính vì vậy, mắt phượng chỉ người thông tuệ, thanh cao, công danh tảo đạt ...

- Hình mắt càng dài càng tốt, mắt rắn tròn xoe nên chỉ người nham hiểm, tàn ác, tham lam và có xu hướng phá hoại.
- Hai mí mắt vẽ ra những đường cong càng mềm mại càng tốt. Mắt tam giác, là đặc trưng của loại hình mắt hầu như không có sự mềm mại này. Mắt tam giác là một trong những nét tướng hung tử. Người có mắt này, hành động bạo liệt và tính tình quá khích nên dễ bị rơi vào tình thế có thể bị giết.

Từ hiểu biết này, ta có thể phân tích những hình mắt khác. Mắt lươn là loại hình mắt dài nên có khi cũng khá thành đạt nhưng vì nó đối xứng qua trục ngang và dọc lại không mềm mại nên được xem là loại mắt hạ cách.

Những phường ti hí mắt lươn

Trai thì trộm cướp gái toan chồng người.

Mắt chim ưng, mắt sư tử là loại mắt to, đầu mắt có mấu mắt lớn và xâu. Những hình cách này của mắt không có tính đối xứng theo trục dọc nhưng lại khá cân theo trục ngang. Đường mí mắt thì khá mềm nhưng mắt lại không dài. Những loại mắt này vì thế chỉ được xem là trung bình khá, chỉ phát mạnh nếu đi kèm theo những bộ vị phù hợp. Như thế nào là phù hợp? Những

hình mắt này, đặc trưng ở chỗ nó to và dữ dội, chúng phù hợp với người có mũi và quyền cũng hùng mạnh.

Một hình tướng nữa của mắt là quỉ nhãn, tức đầu mắt nhô cao, đuôi mắt xế xuống (hình 12 B). Hình mắt này hỏng ở tính bất thuận lý của nó. Chú giải loại mắt này đã nói ở phần I.

Đó là những nét tướng của mắt liên quan tới hình thể. Như trên đã nói, quang thái của mắt mới là phần quan trọng hơn.

Quang thái mắt có mấy điểm phải phân biệt:

- Độ linh hoạt. Quang mắt không được lảo liên như phải có độ linh hoạt, tức là có sức sống. Người mà mắt cứ trờ trờ, hay lơ lơ (mắt cá chết) thì hoặc là loại gian dối, xảo trá, hoặc là loại ngu si tự hại mình, hại người.
- Độ trong. Người xưa thường nói là đen trắng phân minh. Tròng mắt nên chỗ đen ra đen, chỗ trắng ra trắng. Nếu tròng đen mà như loang ra là người ngu. Tròng trắng mà đục, nổi gân (trư nhãn, túy nhãn) hay trắng đã đều cho thấy khả năng hành động sai quấy, dễ dẫn tới sụp đổ, tai họa. Nhiều người tròng đen lại có màu nâu (tức ý nói phát quang như mắt mèo, một loại dị quang, khi xem cho người Âu phải hiểu điều này) thường là loại người khôn ngoan và kiên nhẫn khác thường. Khuyết điểm là loại này thích dùng kỹ xảo hơn là chính đạo.

Nếu có vằn đỏ đi xuyên qua con ngươi của mắt, sách cho là một trong những tướng hung tử. Tuy nhiên, đây có thể chỉ là một nạn lớn. Chú ý là vằn đỏ này rất đặc biệt và sắc nét, không phải tình trạng mắt đỏ, nổi mạch máu.

- Độ sáng. Từ đáy mắt chúng ta, ánh sáng phản chiếu ngược lại. Ngoài loại ánh sáng này ra, dường như trong ánh mắt có một loại tia nào đó nữa (như khi có người nhìn vào gáy, chúng ta thấy có cảm giác muốn quay lại). Cả 2 thứ này tạo ra cái gọi là quang mắt.

Ánh mắt cho người ta cảm giác yên bình và dễ chịu là thượng cách. Nó sáng đấy, nhưng trong và không phát thành tia. Ánh mắt mà phát thành tia gọi là hung quang. Muốn hiểu thế nào là hung quang, hãy quan sát ánh mắt của những người đang giận dữ. Những người mắt có hung quang thì có ánh mắt tương tự như thế, nhẹ hơn chút nhưng thường trực. Người mắt có hung quang, thường không bền chí, dở trong giàn xếp các mối quan hệ. Tùy theo hình thái, mắt hung quang còn có thể là thâm tính, lòng tham và sự tàn ác.

Có những ánh mắt có sắc đỏ. Đấy có thể là một loại bệnh về mắt. Nếu không phải bệnh, người này có thể đã trải qua những cơn nguy hiểm chết người, hoặc từng chém giết, để lại dấu ấn rất lớn trong tâm hồn.

Có những loại mắt hầu như không có chút ánh sáng nào phát ra từ mắt. Mắt không có sinh khí, lơ lơ như say, như mơ. Đôi khi ánh mắt kiểu này rất hấp dẫn (ở nữ giới) nhưng

nhìn chung, đây là loại người kém tu dưỡng và nghị lực nên kém khôn ngoan và không bền chí.

Ánh mắt cuối cùng là loại đào hoa nhãn. Nhiều người tìm kiếm đào hoa nhãn ở hình mắt, thật ra, nó nằm trong quang mắt. Ánh mắt lung linh, lúc nào cũng như đang cư ời (hay khóc) là biểu thị của ánh mắt đào hoa. Không cần nói thì ánh mắt này rất hấp dẫn ở cả 2 phái. Ở nữ, tất nhiên là biểu thị của sự truân chuyên. Còn ở nam, đó là biểu thị cho sự lụy vì tình và mềm yếu. Nếu mắt thoáng lộ mà lại có ánh mắt này là biểu thị nuôi con dùm người ta, có khi là cha dượng, chồng hờ v v ... như câu phú *“Đường lộ giả quyết tử nãi thị minh linh”*.

Nhấn mạnh lại là một quang thái tốt chẳng những có thể phủ định toàn bộ các nét xấu của hình mắt mà còn có thể giảm nhẹ phần xấu cho các hình tướng phía sau như mũi, quyền và vùng hạ đình.

*** Mày trong tương quan với mắt**

Sách có câu “Mi trường quá mục chung thân phú quý”. Sự thật có đúng là lông mày có ảnh hưởng tới mức đó không?

Ý trong câu này chỉ chỉ ra tương quan giữa mày và mắt. Nếu mắt dài thì mày có thể dài, thậm chí có thể xâm phạm ấn đường mà không gây điều gì xấu:

*Sơn căn đoạn hề nhãn tu trường
Mi thụ ấn sát diệc vô thương*

Nghĩa là sơn căn gãy thì mắt nên dài, nếu mi mà có phạm ấn đường thì cũng không thương hại bản mệnh.

Vì vậy, mắt ngắn thì mi ngắn cũng được trung phú. Mắt to (chiều cao lớn) thì mi nên rậm hơn chút cũng không đến nỗi phá cách.

Nhìn chung, nếu không phải là loại mày cánh cung thì nên hơi thấp ở phía đầu và từ từ cao khởi ở cuối. Lông mày không nên rủ xuống che mắt, hoặc đoạn cuối quặp xuống phía mắt. Loại mày này chủ nhu nhược, hành sự kém dứt khoát và “nể vợ”. Nếu được mày xanh tốt, có thể nói là có được cái phước là vợ giỏi, quán xuyến từ trong ra ngoài.

Thà rằng lông mày gần như kết thúc ngay giữa mắt còn hơn là hình thái vĩ tán, tức là mày càng về cuối càng nhạt. Loại vĩ tán này, sự nghiệp về sau khó bền, có thể trong đời phải chịu hỏa tai. Loại đoạn mi, tức lông mày bị gián đoạn cũng tương tự nhưng đây thường là của doanh nhân và quan chức, sự kiện gián đoạn sự nghiệp thường nặng nề.

Lông mày mọc chĩa ra phía trước hay vểnh lên là loại có suy nghĩ kỳ dị và cao ngạo nhưng chưa chắc đã là dũng cảm hay có chí khí.

Mày chiếm 1 phần cung huynh đệ (phần đuôi mày và phần trán bên trên nó), liên quan tới vấn đề này có thể xem các câu phú:

Mi mao dị dạng

Huynh đệ di nương

Mi mao sơ tán

Cảm tình vi nan

Mày mà mọc lung tung không thành hình thì có anh em dị bào. Mày mà bị sơ xác như bãi cỏ bị cháy thì anh em ít tình cảm.

Hữu mi vô quyền

Huynh đệ vô hoan

Hữu quyền vô mi

Huynh cừu đệ oán

Người có mày đẹp mà không có quyền, có nhiều chuyện ưu tư về anh em. Người có quyền mà lông mày thưa thớt thì anh em thù oán nhau. Câu phú này ứng cho thấy quyền bất kiến cũng chỉ người ôm nhiều nỗi khổ tâm trong lòng.

*** Vùng xung quanh mắt và lệ đường**

Xung quanh mắt có 2 nhóm cơ, một nằm sát mắt làm chức năng vận hành 2 mí mắt, còn nhóm cơ nữa nằm ngoài. Nhóm cơ ngoài này ít ai điều khiển được theo ý muốn, chúng chỉ co giật theo xúc cảm của con người. Xúc cảm chỉ dẫn sự lựa chọn nên vùng mắt (kể cả 2 mắt) chỉ ra xu hướng chọn lựa của chúng ta. Ví dụ: một người đàn ông, cảm thấy hứng thú khi nhìn một người phụ nữ tròn trịa, điều này sẽ ảnh hưởng đến sự lựa chọn bạn đời của anh ta.

Vùng giữa mắt và mày (trên sơ đồ là tả phù hữu bật) biểu thị xu hướng của con người về tiện nghi sống, gián tiếp chỉ căn nhà mà đương số ở. Nếu vùng này sáng đẹp và phẳng, có thể nói đương số thường ở nhà đẹp đẽ, thoáng mát. Nếu bị mày xâm phạm, đương số có nhà cửa bê bối, có khi bừa bộn; lổm nhổm hay hẹp thì nhà cửa tầm thường hoặc chật hẹp (do ở chung nhiều người, nhiều gia đình). Nhấn mạnh lại là, vùng này chỉ chỉ ra trạng thái nhà ở của đương số, không nói lên tình trạng sở hữu nhà đất của đương số, tức là căn nhà mà đương số đang ở cũng có thể là của người khác.

Vùng đuôi mắt, trên mí dưới, chỗ sát trong mắt, nếu có những vết nhăn nhỏ là chỉ ra những mối tình thầm kín. Đi xa hơn về phía gian môn, nếu những nếp nhăn đuôi mắt mà đi cắt vào gian môn, đương số có những chuyện rắc rối trong đời sống hôn nhân, kiểu như toan tính li dị, có

người phối ngẫu đã từng có gia đình v v ... Vệt cắt như vậy cũng có thể là lấy vợ, hay chồng có một quá khứ u ám.

Vùng dưới mắt, còn gọi là ngọa tằm (phía sát và đuôi mắt) và lệ đường (đầu mắt). Vùng này chỉ cảm xúc với con cái, cách nuôi dạy con. Nếu vùng lệ đường này mà hơi đen, sậm, nhất là nữ nhân thì phải nhìn ngay xuống nhân trung. Nếu nhân trung mà có vấn đề thì đương số khó có con.

Chú ý là, với khả năng y học hiện nay, một vài khuyết tật của bộ máy sinh sản có thể được khắc phục dễ dàng mà những kinh nghiệm hình tướng đã được đúc kết từ rất xa xưa rồi.

Ngoài ra, nếu nhân trung không tẻ (sẽ bàn sau), mà vùng ngọa tằm tối hãm thì con không nên người hay không thân thiện với đương số. Những người có quyền áp mắt, con không nên vì cha mẹ lo chạy theo dục vọng cá nhân mà bỏ bê con cái.

4. NHÂN TRUNG, MIỆNG.

Tưởng tượng khí vận từ đỉnh trán, qua ấn đường, lan ra mắt, xuống mũi, lan ra quyền rồi từ quyền về lại chóp mũi, xong lại xuôi theo vùng lõm ở dưới mũi. Vùng lõm này là nhân trung.

Nhân trung lõm sâu, trước hẹp sau rộng là thuận lợi cho dòng khí luân chuyển. Mà như đã nói, vùng hạ đình nói lên ham muốn và gu hưởng thụ của con người, nên nhân trung nói lên khả năng tình dục và sinh sản của đương số.

Thế nhân trung có nói lên tuổi thọ không? Có câu chuyện kể rằng, một nhà tướng số nói với vua ấn đường dài thì thọ tới trăm tuổi, ngắn thì yếu và nhà vua gật gù tán thưởng. Nghe vậy, Đông Phương Sóc phì cười, vua thấy vậy liền nổi giận tra hỏi tội vô lễ. Ông này thanh minh rằng không phải cười vua mà vì hình dung ra gương mặt của ông Bành tổ. Tương truyền, Bành tổ thọ tới 800 tuổi, nếu theo thuyết này, nhân trung bành tổ dài 8 lần người thường và chắc trông rất buồn cười. Vua nghe cũng phì cười và tha cho Đông Phương Sóc.

Thật ra thì, nhân trung dài và thành bờ rõ ràng tất nhiên, khí vận qua mặt thuận lợi. Con người có nhân trung như vậy, tận hưởng cuộc sống nên cũng vui vẻ và tận hưởng những năm an nhàn của tuổi già hơn nên tất nhiên có tuổi thọ dài hơn. Điều ngược lại không đúng, không nên nói nhân trung ngắn là yếu, nhất là khi nó cũng rõ ràng và sâu. Chỉ là không thể nói đương số có tuổi thọ dài và có một tuổi già mỹ mãn.

Nhiều người có những vệt cắt ở nhân trung hay là nhân trung méo lệch. Nếu ở phần trên, bộ máy sinh sản có vấn đề dẫn tới khó có con. Nếu thiên về phía dưới, phải khảo sát luôn miệng, sẽ bàn tới ngay ở đoạn dưới.

Nhân trung trung hẹp hay mờ nhạt cũng chỉ ra khó khăn trong đường con cái. Nhân trung mà độ rộng trên dưới như nhau, hay không có bờ giác rõ ràng, nông, đường đời nhiều khó khăn lúc tuổi xế chiều.

* Nhân trung trong tương quan với miệng

Nhiều khảo cứu cho rằng nhân trung và miệng liên quan tới bộ phận sinh sản, nhất là ở nữ giới. Vùng dưới cùng của nhân trung, liên quan trực tiếp tới bộ phận sinh dục. Nếu vùng này mà có vấn đề, nên quan sát kỹ tình trạng của môi. Có 2 điều cần quan tâm đến (cho vấn đề này):

- Màu của môi: Nếu màu quá nhạt hay bầm đen, đương số có những trở ngại về khí huyết khiến cho việc sinh nở khó khăn. Nếu màu quá đỏ tươi, không thấy vân (những vết nhăn nhỏ thường có trên môi) thì có gì đó bất thường trong khả năng tình dục.
- Nếu hình môi ưỡn méo lệch, nhiều khả năng đương số có xu hướng tình dục khác thường.

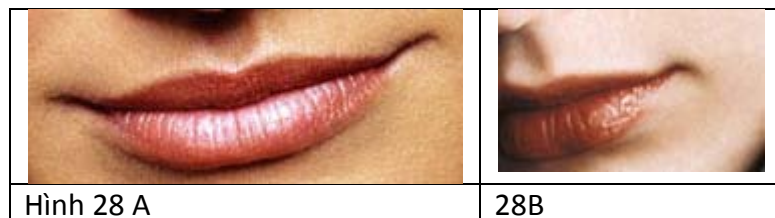
Nhiều sách cho rằng nếu phần cuối nhân trung mà xấu, chỉ đương số là người dâm đảng vô độ. Theo kinh nghiệm cá nhân thì điều này chưa chắc nếu không có những biểu hiện khác thường của môi (như đã nêu trên một vài trường hợp).

Lưu ý là đối với phụ nữ, một vài ngày trong tháng, màu môi của họ có thay đổi nhẹ.

* Vùng miệng

Miệng phải xét hình dạng đôi môi và màu sắc của chúng. Có người cho rằng nếu răng không đẹp thì phủ định hết cái đẹp của miệng. Điều này phải nhìn theo cách khác: xương cốt là nền tảng. Xương cốt phần nào phản ánh qua răng. Nếu răng xấu, chẳng những vùng miệng mà tất cả bộ vị đều giảm độ số.

Vậy nên ta sẽ xét hình của 2 môi. Về nguyên tắc, miệng mở ra phải rộng và thu lại thì phải gọn gàng. Những bộ miệng khi khép lại mà còn có một đường kéo dài ra 2 má như hình 28 A không đạt tiêu chuẩn về sự gọn gàng. Tuy nhiên, trong hình này, miệng này có giác và 2 cái mép miệng “dư thừa” đó hướng lên nên không đến nỗi xấu. Chỉ là đương số có lối sống phóng túng và ngôn từ hơi ngông cuồng mà thôi.



Vậy giác là gì? Giác là cái khóe miệng tạo thành một vệt gần như vuông góc với miệng. Tôi chọn một cái miệng có giác rõ ràng để minh họa trong hình 28B. Những người miệng có giác rõ ràng, bờ (đường bao) của môi rõ ràng thường lời nói mạnh mẽ, có sức thuyết phục. Nếu cộng với mắt đẹp, đây có thể là một người rất có tài hùng biện. Đồng thời, đấy cũng là biểu thị một gu hưởng thụ tinh tế, có thể là thanh cao nếu môi đầy.

Nhìn chung, dân môi mỏng tinh tế hơn và có thể là hứng thú hưởng thụ rộng rãi hơn môi đầy. Người môi đầy, tuy vậy, có thể chuyên chú vào vài môn và đạt tầm mức thưởng thức rất cao.

Nếu mép miệng trễ xuống, gọi là miệng thuyền lật, đương số khó có cuộc sống hưởng thụ sung túc. Nhiều sách nói miệng vậy là nghèo đói, theo tôi thì nói vậy hơi quá.

Nói về môi thì 2 môi nên đều nhau, không đều thì cũng không nên cái này chùm lên hay lấn át cái kia. Nếu môi dưới chùm lên môi trên, người này hay khoác lát huyền thuyên và thuộc loại “thực bất tri kỳ vị”. Nếu môi trên chùm môi dưới thì cũng tương tự nhưng lại thêm nói điều không thật như vậy có khi là để lừa gạt và mưu lợi cá nhân.

Về độ rộng của miệng cũng có nhiều tranh cãi. Người ta hay hỏi nhau như thế nào là rộng. Nhiều người nói phải canh vào mũi, kiểu như: Miệng nên rộng khoảng 1,5 lần mũi là vừa. Thật ra, nếu ai đó lại hỏi, mũi rộng bao nhiêu là vừa thì chẳng lẽ lại canh vào miệng sao? Mà canh vào bất cứ bộ vị nào cũng đều có tình trạng như thế. Theo tôi, người xem nên tin vào cảm giác của mình, nên đặt cái miệng vào tổng thể khuôn mặt, cảm thấy rộng là rộng, hẹp là hẹp.

Chuyện “đàn bà miệng rộng tan hoang cửa nhà” trong thời đại ngày nay nên xét lại. Nữ mà miệng rộng kèm theo môi mỏng ắt là tâm tính mạnh và miệng rộng đi kèm với quảng giao, 2 thứ này ngày xưa là không hay nhưng ngày nay thì cũng tốt thôi, không có gì phải kiêng kỵ.

Miệng hẹp như miệng túi rút, miệng thối lửa (phù hỏa khẩu) sách thường nói là nghèo hèn. Theo tôi thì đúng trong trường hợp miệng túi rút, tức là loại miệng không có bờ giác mà lại nhỏ xíu, nhưng miệng thối lửa thì chưa chắc. Miệng này chưa chắc nghèo nhưng mà tính tình keo kiệt, hẹp hòi thì đúng.

Nhìn chung, đàn ông mà miệng nhỏ thường là loại keo kiệt, nhỏ nhen hoặc có những khiếm khuyết về kiến thức nên hưởng thụ cuộc sống không trọn vẹn (dù có tiền).

Về độ nhô của miệng, sách xưa rất chê miệng nhô ra quá nhiều và gọi là cầu khẩu hay dương khẩu. Cả 2 loại này đều gian tham, thích hưởng thụ các loại lạc thú rất bản năng và vì thế hay mắc vạ.

Xung quanh miệng, nếu có những bắp thịt nhỏ nhỏ nổi lên là đương số có nhiều cảm xúc như khinh bỉ, sợ hãi hay tức giận. Nếu phát hiện điều này, nên nhìn lại các bộ vị phía trên, nhất là

vùng mắt và trán để tìm hiểu lý do. Nhiều người có dấu hiệu này là loại người nguy hiểm và phạm tội.

5. HÀM VÀ CẨM.

Như đã nói ở phần 1, hàm càng to càng thể hiện độ nhẫn tâm của đương số khi chiến đấu cho mục đích của mình. Hàm to quá thì thành ra loại thô bạo nhưng hàm quá nhỏ thành ra loại người nhu nhược, quá lý tưởng thành ra kém thực tiễn.

Phần hàm tiếp giáp với cằm (địa cát) nên to vì nó sẽ giúp cho cằm to theo. Theo sách xưa, cằm to thể hiện nhà cửa đất đai nhưng ngày nay, phải hiểu là gia sản. Cằm to lớn thể hiện khả năng tích trữ gia sản của đương số.

Vùng thừa tương và kim la thể hiện quan hệ cấp trên và cộng sự (tức là một phần của cung nô bộc). Vùng này nên dài, sáng thì quan hệ này sẽ tốt đẹp. Vùng này quá nhỏ, hay tối, đương số thường khó có cộng sự và thường bị cấp trên nghi ngờ hay ghét bỏ. Phần còn lại của cung nô bộc là hai má, vùng ngang ngang miệng. Vùng này thể hiện quan hệ bạn bè ngoài công việc và những người trong bè cánh của đương số. Vùng này nên căng và không quá thịt. Nhiều thịt quá, trệ xuống, bạn bè chỉ lôi kéo làm bậy và mang họa. Quá ít thịt, hóp lại là cấp dưới bất tài hay không có thuộc cấp lâu bền.

Nếu nhìn ngang mặt người, cằm mà quá nhô ra trước sẽ làm cho thừa tương tối và thấp, đây là dấu hiệu người quá vụ lợi và ham dẫn dắt người khác khiến cho nhiều người ghét dù đôi khi khá thành đạt vì tính thực dụng.

Cằm nếu vát vào trong, trong công việc kém dũng khí, cả nể và cũng là một biểu thị của tuổi thọ không dài.

6. TAI

Tai được xem là cung phúc đức theo quan điểm của nhiều học phái. Vì sao vậy? vì nếu nữ nhân mà mũi xấu nhưng tai tốt thì hôn nhân không đến nỗi quá tệ; Người có tai tốt, có khả năng thọ; được hưởng nhiều cái thuộc về hạnh phúc gia đình, dòng tộc và cũng phần nào hỗ trợ cho sự phú quý. Có 2 điểm cần quan tâm khi xem tai: Vành tai và màu sắc của tai. Nhiều người quá chú trọng tới lỗ tai và diện tích của cái phần tai dính vào đầu! Tôi cho là không cần thiết.

Nhìn chung, tai mà rủ có giống con vật nào đó thì đều xấu cả. Cũng không cần phải nhớ các loại tai đó làm gì. Như phần I đã nói, tai có thể chia làm 3 phần. Phần đỉnh tai, phần giữa và thùy châu. Phần đỉnh tai có luân quách đầy đủ (vành trong và vành ngoài) là chỉ người được nuôi dưỡng tốt, dẫn đến có nền tảng thể lực tốt và tâm tính bình ổn. Phần đỉnh này mà nhọn là loại người từ nhỏ đã không yên ổn, có thói quen phiêu bạt. Nếu không luân quách mà còn vểnh ra, hậu vận sẽ có hung tai.

Nhiều người cho rằng đỉnh tai mọc cao hơn mày là người thông tuệ. Điều này chỉ đúng khi tai dày và đẹp. Tai mà mỏng, vểnh có cao hơn mắt cũng chẳng tốt gì, đương số có thể chết đường, chết chợ.

Phần giữa của tai, nên dày và rộng thể hiện tiềm lực hoạt động và sự ủng hộ của gia đình và dòng tộc mà đương số được hưởng. Một cái tai dày và tròn, thể hiện đương số có phúc trạch lớn.

Về trái tai, trái tai căng tròn và mỏng, thể hiện phúc lộc hơn là thọ, tất nhiên có phúc thì cũng một phần ảnh hưởng tới tuổi thọ. Trái tai to và dài, rộng mới là dấu hiệu chỉ thọ.

Về thể của tai, những cái tai kiểu “nghinh phong nhĩ” tức vểnh ra tất nhiên là không tốt bằng tai áp sát đầu. Nhưng nên hiểu là loại tai vểnh, nhiều khi có khả năng hoạt động cao và nhiều sáng tạo hơn loại tai áp sát đầu (nếu tai vểnh ra mà tốt). Trong xã hội ngày xưa, khiêm cung, nhẫn nhịn được đánh giá quá cao nên từ đó, loại người có tai áp sát đầu cũng dễ thành công hơn (trong quan trường)

Về màu sắc, tai nên có màu sáng. Nhiều người cho rằng tai đỏ hồng là tốt nhưng thật ra, tai trắng mà da mịn màng thành ra đỏ thì mới tốt.

(nhĩ) Hôn ám nan nghi hồ đẳng đệ

Câu này nói rằng sĩ tử đi thi mà tai hôn ám thì khó mà đậu. Lý do là vì tai rất nhạy với các trạng thái cảm xúc, lo âu, bối rối làm cho tai hôn ám. Thế nên, nhìn tai có thể biết khí vận và kết quả những công việc đương số đang làm chứ không nhất thiết là thi cử.

7. KHÁI QUÁT VỀ CÁC CUNG

Theo truyền thống, người ta cũng xác định 12 cung trên khuôn mặt người. Nhưng như những gì độc giả thấy từ đầu sách đến giờ, việc này hầu như không có mấy ý nghĩa thực tiễn. Tuy nhiên, để cho đầy đủ, tôi xin nói sơ qua về các cung để độc giả tiện tham khảo.

1. Mệnh cung: là vị trí ấn đường. Khi xem nên chú ý phần xương ở đây chứ không nên quá dựa vào vị trí của mày. Ấn đường nên rộng và hơi cong lên là tốt nhất. Kỵ hẹp hay là lõm, gãy.
2. Quan cung: là sống mũi và vùng trán thẳng từ 2 đầu mày lên tới chân tóc. Vùng trán nên hơi cong, xương thịt cân phân. Mũi cũng vậy và thể mũi phải vững chãi, không quá mảnh hay cong, gãy.
3. Tài cung: là chóp mũi và phần giữa tai. Chóp mũi nên dày, tròn và cứng cáp, căng bóng. Đầu mũi nếu quá to thì chậm chạp trong việc kiếm tiền, chỉ giỏi giữ của; không nên quá nhỏ là người vụng về trong tiêu tiền và thất thường trong thu nhập.

4. Phổi cung: Đối với nam là gian môn, đối với nữ là sóng mũi, chú trọng thêm mắt và khu vực quanh mắt. Thời nay, việc khảo sát phu hay thê cung càng gần lại với nhau vì phụ nữ ngày càng có quyền chọn lựa hơn.
5. Phúc cung: là tai và vùng trán xung quanh nhật nguyệt giác.
6. Thiên di: Là vùng thiên sương, kéo từ gian môn lên tới chân tóc. Chú ý là trong tướng số, thiên di chỉ nói lên sự đi xa và thay đổi, không nói lên quan hệ với xã hội. Quan hệ với xã hội có thể xem bổ sung ở pháp lệnh.
7. Tử tức cung: là nhân trung và lệ đường, ngọ tầm. Nhân trung thể hiện khả năng của bộ máy sinh sản, trong khi ngọ tầm và lệ đường chỉ khả năng mang thai và nuôi dạy con.
8. Phụ mẫu cung: Là phần trên của tai, đỉnh trán và nhật nguyệt giác.
9. Nô bộc cung: Cộng sự và cấp trên xem phần cằm, kẻ dưới và bạn bè xem má.
10. Điền cung: Là phần giữa đuôi mày và mắt, chỉ trạng thái nhà ở. Phần địa các chỉ khả năng tích trữ tài sản.
11. Bào cung: Vùng cuối mày và phần trán nằm trên đó.
12. Tật ách cung: Hai bên sóng mũi. Các phần như tai, quyền và má cũng thể hiện điều này. Xem bệnh tật là sở trường của tướng số. Ai quan tâm có thể tìm đọc thêm về y tướng học.

Nhân đây cũng nói qua về vấn đề nốt ruồi. Trong phần phụ lục, độc giả có thể tìm thấy bài viết của tôi về tướng số, trong đó có nói về vai trò của “văn” (nếp nhăn) và nốt ruồi. Ở đây tôi chỉ thêm vài điều.

Không nên cho rằng nếu nốt ruồi ở cung nào thì ảnh hưởng xấu hay tốt đến cung đó, tuy rằng đôi khi cũng có trùng lặp. Chúng ta nên tham khảo qua các bộ vị biểu trưng cho cái gì, nốt ruồi có ý nghĩa theo hướng này. Dưới đây là một số trường hợp chính:

Trán tượng trưng cho cha mẹ và chồng (đối với nữ giới), nốt ruồi ở trán biểu thị có rắc rối ở 2 khía cạnh này. Thiên sương tượng trưng cho sự thay đổi, đi xa. Nốt ruồi ở đây tượng trưng cho một sự ép buộc mà đương số phải nhận lãnh.

Ấn đường là bản mệnh, nhưng xin đừng nghĩ là có nốt ruồi ở ấn đường là hại cho cung mệnh. Nó có thể chỉ việc kiện tụng (li dị ra tòa chẳng hạn) hay là sức khỏe có vấn đề kinh niên.

Nốt ruồi ở khu vực thái dương, gian môn chỉ có khả năng có thời kỳ bị quần trí.

Nốt ruồi ở tai có thành công trong tu dưỡng tâm tính.

Nốt ruồi trong lông mày thường là chỉ rắc rối trong anh em, bị thủy hay hỏa tai và một nỗ lực đáng kể để phát triển về trí năng.

Nốt ruồi ở vùng mắt thường chỉ ra âm tính, trừ trường hợp trong cung điền thực sự chỉ rắc rối về nhà ở (cháy, mất trộm). Những nốt ruồi dưới mắt chỉ âm tính thiên về xác thịt hơn và cũng gây nhiều hệ lụy hơn.

Nốt ruồi ở quyền ảnh hưởng đến quyền lực, sở hữu. Nhưng đa phần nốt ruồi ở quyền chỉ một thời kỳ nghèo khó.

Nốt ruồi trên sống mũi tương tự như ở ấn đường. Ở chóp mũi, nếu là nữ thì tình chồng nhạt nhẽo dù có thể bản thân giỏi giang. Nếu là nam, có hấp dẫn đặc biệt nữ giới nhưng dễ sa vào chuyện cờ bạc. Ở cả 2 giới đều biểu trưng cho một thời kỳ mà tài sản bị phân chia, thất tán.

Nốt ruồi ở pháp lệnh, có sách nói là nạn tay chân. Nốt ruồi này có thể là 1 lần tai tiếng, mất mặt.

Nốt ruồi khu vực miệng thiên về hưởng thụ. Nếu đẹp, đương số có may mắn hưởng thụ nhiều và tinh tế từ vật chất tới tinh thần.

Nốt ruồi ở hàm là chỉ người có tham vọng và quyết tâm rất lớn trong khi làm việc. Nếu mục tiêu là bất thiện (xem xét vùng mắt), đương số có thể là đại ác.

Nhiều sách (hay nhiều người thì đúng hơn) cho rằng có nốt ruồi ở ngực là sinh quý tử. Nói vậy là quá đơn sai. Nếu có nốt ruồi đen, nhất là giữa ngực, có thể nói có chồng có con là may rồi, nói gì tới quý tử. Thậm chí loại người này có thể có xu hướng tu. Nếu nốt ruồi son, thì khi nào nó nằm trên gò bồng đảo và phía dưới thì có thể nói là nuôi dạy con tốt nhưng khẳng định là quý tử (theo nghĩa là lừng lẫy) thì quá bạo. Nhìn chung, có nốt ruồi son trên ngực, phụ nữ thường có sức hấp dẫn đặc biệt với đàn ông. Vấn đề là người đó vận dụng nó tới đâu. Nhiều người để khả năng này thui chột (tiếc quá ☺).

Nốt ruồi trên lưng chỉ một thời kỳ trì trệ, làm lỡ nhiều vận may.

Nốt ruồi ở hông, chỉ người thụ động, lười có tài nhưng mai một.

Gì thì gì, phần nốt ruồi thoát ẩn, thoát hiện, chỉ nên tham khảo hơn là quyết đoán. Khi phát hiện được điều gì đó từ nốt ruồi nên kiểm tra lại xem các bộ vị có nói lên điều đó không. Ví dụ: thấy có nốt ruồi ở pháp lệnh, phải tìm xem đương số có nạn nào trong khoảng 40 – 50 không. Nếu không, thử tìm trong khoảng từ 60 – 70.

PHẦN III: XEM VẬN HẠN

Xem vận hạn trong tướng số không quá khó như người ta tưởng và nếu xem được, thì độ chính xác rất cao.

Trước tiên, phải phân biệt 3 loại xem thời vận. Một là xem từng niên vận. Hai là nhìn thần sắc tổng quát toàn mặt để đoán khí vận trong ngắn hạn. Ba là tính toán thời điểm xảy ra một sự kiện nào đó căn cứ vào một hay vài bộ vị trên mặt.

1. Xem niên vận

Có 3 kiểu tính niên vận trên khuôn mặt người.

Cách thứ nhất là lấy cằm là Tỵ, tính thuận theo chiều kim đồng hồ tới má là Sửu ... và như vậy cứ theo đó mà xem. (Xem hình 29)

Cách thứ 2 là lấy mỗi năm là một bộ vị trong 9 bộ vị, cứ trở đi trở lại như vậy. Cách này ít người dùng vì có lẽ nó kém chính xác.

Cách thứ 3 là theo đồ hình trong hình số 2. Mỗi năm một vùng trên mặt theo qui luật trong trước rồi ngoài sau.

Trước tiên, để xem niên vận, phải vận dụng cách thứ 3. Vấn đề là phải quan sát và định cát hung như thế nào.

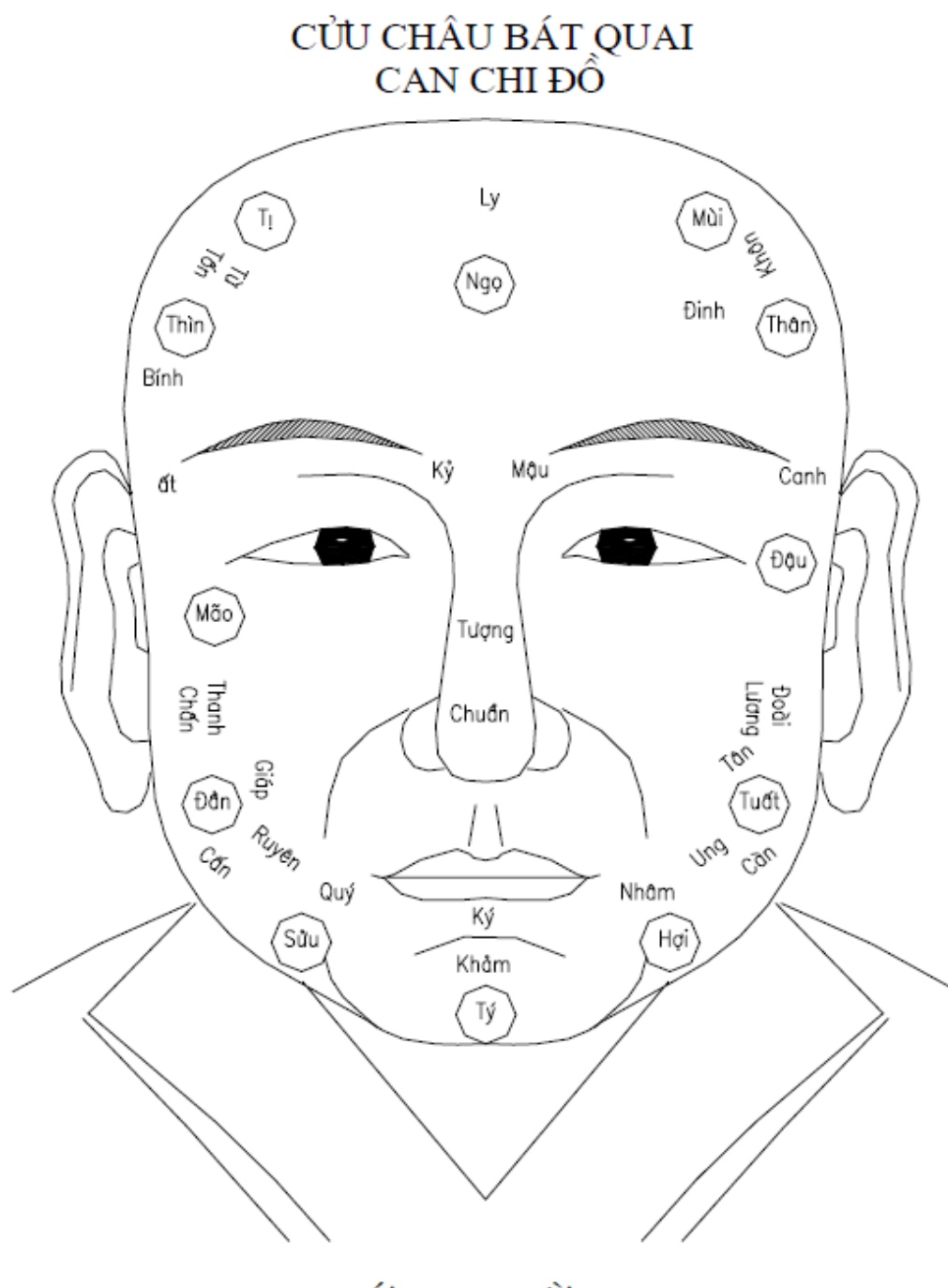
Trước tiên xem hình thể vùng đó. Nếu hình thể của niên hạn bị móp méo hoàn toàn thì đương số có nạn về sức khỏe hoặc công việc. Nếu như chỉ một phần của vùng đó bị móp méo, người thân gần gũi của đương số có nạn.

Kế đến là khí sắc của vùng đó. Nếu da bóng bẩy, mịn màng, dưới da có sinh lực thì hạn vận hạnh thông. Nếu hình thể chỗ đó mà đẹp nữa thì có thể có thành quả lớn. Nếu sắc đen xỉn, thất tình hay thất bại trong làm ăn. Nếu có sắc đỏ chủ quan tưng, sắc xanh, trắng chỉ tang chế, bệnh tật.

Thật tình mà nói, màu sắc này chuyển đổi qua lại với nhau rất nhiều, vì như trong thực tế, cái này có thể kéo theo cái kia. Như thất tình có thể chuyển qua đau ốm hay thị phi. Thêm vào đó, màu sắc trên mặt thay đổi luôn, việc xem trước 20 30 năm là không chắc chắn. Thường thì nên xem sơ lượt theo kiểu từng vận mười năm trước nếu muốn xem cho những vận còn xa hơn 10 năm.

Sau khi xác nhận tình trạng niên vận, ta phải kiểm tra lại ở các bộ vị. Đây là điều các thầy thường sơ sót. Ví dụ: thấy đương số có hạn về công việc, nếu niên vận đó là dưới 30 phải nhìn vào trán để xem có khuyết hãm gì khả dĩ làm cho điều đó xảy ra không. Nếu ngoài 30, phải nhìn ở mắt và mũi. Nếu như không có dấu hiệu gì xác nhận, nạn này có thể không lớn và đương số sẽ vượt qua dễ dàng.

Nếu như không thể xác quyết có thể vận dụng thêm cách thứ 2, tức là theo vòng tròn 12 chi, quan sát vùng địa chi tương ứng theo năm, ví dụ: năm dần, nhìn vùng má trên pháp lệnh và dưới quyền. Chú ý là xem theo cách này, chỉ khảo sát màu sắc, ít chú trọng hình thể.



Hình 29

2. Xem khí vận

Khí vận trên mặt người thể hiện thời vận của con người đó trong ngắn hạn. Từ lúc có thể phát hiện trên mặt cho tới lúc phát tác có thể là vài tháng cho tới hơn 1 năm.

Khí ở phủ tạng, sáng khí bốc lên mặt, chiều lại thu tàng về phủ tạng trở lại nên muốn xem, người ta khuyên nên xem vào lúc sáng sớm khi chưa ăn uống gì là dễ nhất. Trong buổi sáng thì còn dễ xem, chiều thì rất khó xem, còn tối thì hầu như chỉ khi nào vận khí đạt cực điểm, tức sự kiện sắp hay đang xảy ra mới có thể thấy được mà thôi.

Khí phát khởi ở chóp mũi, từ từ lan lên má và xung quanh mắt. Thường khi đi tiển vào ấn đường và đi vào trán thì vận (sự kiện) đã phát khởi rồi. Đây chính là cách mà người ta tiên lượng khi nào hung hay cát xảy ra. Thường thì từ khi phát lên rõ rệt ở chóp mũi cho đến khi phát vận không quá 6 tháng, đặc biệt lắm mới kéo dài cả năm. Thời gian khí tồn tại trên mặt có thể kéo dài. Những người bị vận rủi đeo đuổi lâu ngày thành ra thần khí tán loạn. Ngược lại, lúc đắc thời, mặt mũi sáng láng, thần khí lung linh.

Khí vận đã xảy ra rồi, cũng tương tự người ta xem khi nào mọi chuyện có thể qua hay kết thúc. Khí sẽ tan dần và từ từ lui về chóp mũi, hoặc khí này đang tan khí khác phát khởi lần ắt đi cũng diễn ra từ mũi trở lên.

Đầu tiên, để tập xem, hãy nhìn một người vừa lấy vợ hay chồng chừng vài tuần. Nếu hôn nhân mỹ mãn, không phải loại đám cưới hợp thức hóa hay miễn cưỡng, ta sẽ thấy vùng mũi vàng ươm lan ra mắt và ấn đường. Đó là hỉ khí đang vượng.

Màu vàng có ánh hơi hồng là hỉ sự về tình ái. Vàng óng ả như tơ tằm là điềm quan lộ hạnh thông, tài lộc hưng vượng.

Màu trắng chỉ tang chế, đau buồn; màu đỏ đen chỉ quan tụng, thị phi; màu xanh chỉ tai nạn và sức khỏe. Màu xanh thường nổi rõ ở sống mũi, màu trắng ở mí dưới mắt còn màu đỏ thường tụ lại ở quầng. Vậy khi xem nếu thấy nghi ngờ có khí sắc nào thì nên tập chú vào phần tương ứng nêu trên.

Tất nhiên, trước khi quả quyết đương số có họa hay phúc, cũng cần phối hợp với bộ vị như đã nêu ở phần xem niên vận.

Vài kinh nghiệm khác để quả quyết thêm:

- Nếu đang vượng khí, có tiền và có danh thì trán và tai cũng sáng lên, thần thái tinh anh, nhẹ nhõm. Còn nếu sắp có tình duyên thì thêm mắt như sáng hơn, mũi hơi ướt và phớt hồng.
- Nếu sắp có chuyện thị phi thì ánh mắt thường hơi buồn, tai hơi sạm màu, da mặt khô, có thể sạm lại.

- Nếu có tang chế, buồn đau thì tâm thần có vẻ thẳng thốt, người như hơi ngẩn ngơ, mày và tóc sơ xác, da thịt trên mặt như hơi nhũn ra.
- Nếu sắp có hạn về sức khỏe, tai nạn thì tay chân vụng về, hay quên, mắt nhìn mờ lung, hai má như hơi nhẵn lại trong khi môi thì như căng lên và đỏ thêm ra. Mắt cũng có thể xuất hiện ánh đỏ.

3. Tính toán thời điểm xảy ra một sự kiện.

Như phần trên đã nói, khi ta phát hiện ra một vận xấu của đương số, cần phải phối hợp kiểm tra nơi các bộ vị. Thường ta có thể nhìn thấy những vết nhỏ, rất đặc biệt, không giống kiểu vết nhăn bình thường hình thành do thời gian, đi ngang qua mũi, quầng hay nhân trung. Tại những bộ vị này, vết nhăn thường đi ngang. Với ngọa tằm và trán thì là những vết dọc. Nên quan sát cả những lúc đương số đang cười nói, vì phần lớn những vết này lúc ẩn lúc hiện.

Nếu thấy vết trên nhân trung chẳng hạn, ta biết là có nạn về sức khỏe. Theo chiều từ trên xuống, giả sử vết đó nằm ở khoảng hơn 3/4 chiều dài nhân trung thì có thể đoán đương số có nạn vào khoảng 3/4 cuộc đời. Vấn đề là cuộc đời dài bao nhiêu năm? Ta lại phải ước chừng tuổi thọ của đương số. Như vậy, chỉ có thể dùng kỹ thuật này khi đã khá thành thạo xem toàn cục và có thể ước định được toàn cảnh cuộc đời của người ta. Như ví dụ trên, nếu cho cuộc đời dài 80 năm thì có thể nói đương số bị nạn này vào đâu đó năm 63 tuổi.

Phương pháp này không thể dùng độc lập. Chỉ nên triển khai đoán kiểu này khi đã nắm thấy những vấn đề hiển hiện bằng những phương pháp khác, hoặc đoán việc quá khứ.

LỜI KẾT

Tới đây, thì coi như là trên căn bản đã đầy đủ những điều muốn viết. Tôi xin giải thích về những điều đã không được nói đến.

Tôi đã không nói đến những tướng vào hình (như ngư hình, hầu hình, mã hình ...), vào bộ (như ngũ trường, ngũ đoản) và ẩn tướng. Lý do là vì, như quý vị có thể đã đọc thấy ở trên, nhiều khi người ta đã đánh giá quá cao những hình thái này. Ngay như trong sách giới thiệu về ngũ trường cũng nói rằng, nó chỉ tốt khi nào các bộ vị tốt. Hoặc như ngọc chấm sau gáy, tôi đã thấy ở vài người, nhưng người thành đạt nhất thì chỉ ngồi được cái ghế tương đương thứ trưởng trong thời gian ngắn, tức còn xa mới tới “thừa tướng”, còn lại những người khác thì cũng không tệ nhưng chỉ tầm tầm bậc trung thôi. Theo tôi thì, như một chiếc xe, nếu muốn mạnh thì máy phải to, khung sườn phải cứng chắc, chúng ta cứ bám sát những phần căn bản mà xem thì cũng không cần quá quan tâm tới các bộ hay ẩn tướng nữa. Cũng tương tự như xe, nếu xem mà không cả quyết được, có thể chạy thử. Trường hợp ở người là quan sát thần thái, thanh sắc. Những câu chuyện về ẩn tướng có thể mê hoặc lòng người nhưng thật ra rất nặng phần huyền hoặc, phóng đại.

Tôi cũng đã không bàn tới ngũ hành của hình tướng. Việc luận ngũ hành là một công cụ mạnh, tuy nhiên, tôi đã có nói về âm dương mà âm dương thì chính xác hơn. Khi người ta đã thành thạo tướng thuật và âm dương, bát quái, ngũ hành đến mức nào đó tự khắc sẽ luận được bát quái phương vị và ngũ hành cục cách của hình tướng.

Có thể liên hệ dễ dàng giữa hình tướng và các sao trong tử vi, cũng như từ tử vi suy ra các nét tướng. Nhưng kiến thức này thật ra chẳng có ích gì nhiều mà nặng tính hù dọa nên tôi cũng không đưa vào đây.

Cuối cùng, tôi muốn làm một bài xem tướng mẫu nhưng ngại nổi không dám đưa hình ai lên để bàn luận. Chỉ còn cách nhấn mạnh lại với những bạn mới học là: một bộ vị cho ta rất nhiều thông tin, nhưng một thông tin có từ một bộ vị thì không nên khẳng định. Hãy kiểm tra nó ở những bộ vị khác trước khi xác quyết. Ví dụ như nếu thấy số khắc phu thì nên nhìn qua tai để xác quyết tình trạng kém hạnh phúc trong đời và nhìn qua cung tử tức. Nói chung nên triệt để vận dụng lý trong tướng số, không nên máy móc.

Khi viết xong cuốn sách, một người bạn tôi đã chỉ cho tôi nhiều trang web có bàn về tướng thuật khác nhau nên tôi đang nghĩ nhiều khi, nỗ lực của mình là vô ích. Dù sao thì sách cũng viết ra rồi, đành đưa ra cho ai muốn đọc thì đọc vậy.

Dù đã đọc đi đọc lại cẩn thận nhưng chắc còn nhiều sai sót hay nhiều chỗ tối tăm khó hiểu, mong bạn đọc thông cảm cho tôi thời gian có hạn.

Tôi hy vọng có thời gian và tâm huyết để có ngày hiệu đính, viết bổ sung thêm vào cuốn sách này và viết thêm nhiều sách lý số khác nữa.

Chân thành cảm ơn.

PHỤ LỤC

NHỮNG BÀI VIẾT CỦA TÁC GIẢ SÁCH NÀY ĐÃ ĐĂNG TRÊN CÁC FORUM LÝ SỐ

Bàn về số mệnh và các phương pháp đoán số

Từ xa xưa người ta đã có khái niệm về số mệnh. Từ khi khoa học phát triển, nhiều người đã phản đối số mệnh kịch liệt. Tuy nhiên, số người tiếp tục tin vào số mệnh không ít, kể cả trong giới trí thức. Chính vì vậy, ở đây tôi xin trình bày quan điểm của mình về số mệnh và điểm qua các phương pháp đoán số để mọi người tham khảo. Tôi rất mong được chỉ giáo thêm.

I- Số mệnh là gì:

Thông thường người tin vào số mệnh cho rằng số mệnh là sự áp đặt trước số phận (tương lai) mỗi người mà mỗi cá nhân khó hoặc không thể thay đổi được. Theo tôi có thể diễn đạt vấn đề như sau:

Ta có một vật thể bay trong không gian. Vật thể này chịu ảnh hưởng của rất nhiều trường lực. Các trường lực này biến đổi theo một qui luật nào đó. Nếu biết được qui luật của các trường lực này và biết thời điểm, vị trí vật thể bay xuất phát, ta có thể tính được quỹ đạo của nó. Quỹ đạo này tạm gọi là quỹ đạo qui ước. Điểm khác biệt lớn nhất ở đây giữa con người và số mệnh so với ví dụ trên là:

- Con người có khả năng sửa đổi chính mình, từ đó sẽ bị ảnh hưởng bởi trường lực này hay khác nhiều hay ít hơn.
- Ý thức được mình đang đi tới đâu và có khả năng thúc đẩy hay chống lại quá trình đó.
- Thật ra con người không đơn độc mà còn tương tác qua lại với rất nhiều người (trong ví dụ trên là các vật thể) khác.

Các cố gắng trên chỉ có tác dụng trong chừng mực. Tuy nhiên, đôi khi chỉ một chút xúi lại thay đổi tất cả vì đôi khi lệch khỏi quỹ đạo một vài milimét sẽ biến một cú va chạm chết người thành một vụ va quệt nhẹ.

Tóm lại trong giả định về số mệnh của tôi có hai điểm mấu chốt:

1. Số mệnh là một sự tác động mềm dẻo lên từng cá nhân theo một qui luật nào đó mà chúng ta không thể ý thức được trọn vẹn.
2. Trong đời người có những điểm tới hạn (critical). Tại các điểm này, nỗ lực cá nhân có vai trò rất lớn.

II- Các phương pháp đoán số và khoa học:

Một bộ phận các nhà khoa học tin tưởng vào các phương pháp đoán số đã cố tìm cách giải thích các nguyên lý của các phương pháp đoán số bằng khoa học. Ví dụ: Có người đề cập đến trường sinh học và thời sinh học, có người cho rằng Tử vi là một cách phân tích tâm lý, có người đã tìm ra cách tính điểm các ngôi sao tại các vị trí khác nhau trên lá số tử vi và cuối cùng đã chứng minh được tổng số điểm trên tất cả các lá số tử vi là một hằng số, nhiều người so sánh kinh dịch với hệ nhị phân của máy vi tính ...vv.

Theo thiển kiến của tôi thì những khám phá trên tuy rất hay nhưng không đủ chặt chẽ và cũng

không nên làm. Chắc hẳn người xưa đã không đi đến các qui luật lý số hoàn toàn bằng thực nghiệm, nghĩa là bằng cách đúc kết kinh nghiệm. Chắc hẳn họ đã có hướng tiếp cận khác chúng ta và họ có cách tư duy và phát triển tri thức rất đặc biệt. Đành rằng 2 nền tảng học thuật khác nhau cũng có thể đi đến một kết quả nhưng tại sao lại cố dùng thuyết này để chứng minh sự đúng đắn của một kết quả của một thuyết khác? Theo tôi, chúng ta nên theo cách xưa khi nghiên cứu học thuật của người xưa. Chỉ có điều, cách này đòi hỏi quá nhiều về bản thân người nghiên cứu.

Về phần khoa học, nói cho cùng thì cũng dựa trên các tiền đề. Các tiền đề này thì luôn được chỉnh sửa cho nó khớp với thực nghiệm kỹ thuật. Không nên cho rằng kỹ thuật là thành quả không thể tách rời của các học thuyết khoa học. Mãi sau này con người mới biết đến vi khuẩn trong khi kỹ thuật thuộc da, làm rượu bia, ..vv đã có từ xa xưa. Kỹ thuật là hiểu biết của con người có tính thực nghiệm. Khoa học theo sau đưa ra các học thuyết. Các học thuyết này đôi khi đã thúc đẩy được kỹ thuật nhưng điều này không đủ chứng minh là các học thuyết ấy đúng hoàn toàn. Lịch sử khoa học đã từng có rất nhiều cuộc lật đổ các học thuyết khác nhau.

III – Bàn về các phương pháp đoán số:

Có 3 nhóm chính:

- Dựa vào thời điểm người sinh ra. (Tử vi, tứ trụ, bát tự...)
- Dựa vào biểu hiện trên chính cơ thể con người. (Tướng số, xem mạch đố, chỉ tay...)
- Dựa vào sự ngẫu nhiên (Mai hoa dịch, độn, bói bài...)

1. Tử vi và các phương pháp thuộc nhóm 1:

Một câu hỏi thường được hỏi là hai người có 2 lá số giống nhau thì có số mệnh giống nhau không? Nếu vậy thì tại sao vua chỉ có một mà người cùng lá số với vua thì nhiều? Theo một số tài liệu thì với cách tính tử vi thì có tối đa khoảng 500.000 lá số khác nhau. Như vậy, nếu dân số VN là 75.000.000 người thì ta có số người có cùng một lá số là 150 người. Trở lại câu chuyện về vật thể bay, quỹ đạo của nó không chỉ phụ thuộc rất nhiều vào thời điểm mà còn vị trí xuất phát nữa. Người sinh ra trong các gia đình khác nhau, địa phương khác nhau thì vận mệnh cũng khác nhau cho dù có chung lá số.

Cũng có người đã quan sát hai người có cùng lá số và đã thấy họ có những điểm tương tự tại các vận hạn khác nhau. Tuy nhiên, chuyện giống nhau hoàn toàn là không có. Thêm vào đó, như tôi đã nói về điểm tới hạn (critical), sau những điểm giới hạn này số mệnh hai người có chung lá số có thể rất khác nhau. VD: Thi đại học, điểm chuẩn là 20 điểm. Anh A. trong tình trạng khó khăn vẫn rất cố gắng và được 20 điểm. Anh B kém bản lĩnh hơn chỉ được 19.5 điểm. Thế là người đậu, kẻ rớt. Không bàn thêm cũng thấy cuộc đời họ sau đó sẽ khác nhau. Sau nhiều điểm tới hạn như vậy vận mệnh họ sẽ rất rất khác nhau.

Một điểm nữa cần chú ý là tử vi mạnh về định tính hơn định lượng, thế mà như ta biết, lượng đổi thì chất đổi.

Xem tử vi theo tôi có các điểm sau nên chú ý :

- Tử vi phản ánh quan điểm cổ xưa, khi áp dụng vào thời đại ngày nay cần có cái nhìn thoáng hơn.
- Tử vi phản ánh tương quan giữa người có lá số và sự vật xung quanh, không phải bản thân sự vật. Ví dụ: anh em đâu có cung phụ mẫu giống nhau.

Việc đoán số dựa trên ngày tháng năm dĩ nhiên là phụ thuộc vào cách tính giờ và tính lịch. Môn tử vi là ảnh hưởng nặng nề nhất và ta phải chấp nhận với nhau là có một số lá số không đáng tin cậy:

- Từ khi ra đời đến nay, âm lịch đã qua không dưới 100 lần cải cách. Nếu như nói môn tử vi mà có từ thời Tống là đúng thì xem tử vi có lẽ phải tính lịch theo kiểu Đại thống. Lịch âm mà ta dùng hiện nay là dựa trên cách tính lịch Thời hiến. Nếu đọc “Thời sinh học và khoa học cổ phương đông” sẽ nhận ra rằng những người làm lá số đã nỗ lực rất lớn để bù trừ những cái sai khả dĩ có thể có từ việc tính lịch gây ra. Thế thì liệu rằng ngày nay tính lịch chính xác hơn (hay đơn giản là khác đi), các phép bù đó có còn cần không?? Chưa ai nắm chắc nguyên lý của tử vi đến mức dám điều chỉnh cách tính cả. Lưu ý là chỉ cần chỉnh cách tính lịch một chút, hàng nghìn, triệu người sẽ có lá số khác?!

- Như chúng ta biết, múi giờ và giờ là sản phẩm của khoa học hiện đại và giao ước xã hội. Ngày xưa người ta định thời khắc theo cách khác. Ví dụ thấy gà lên chuồng là giờ dậu, cọp quay về nơi ẩn nấp là giờ dần, hoặc nhìn bóng nắng Cách tính này phản ánh đúng ảnh hưởng của trời đất lên số mệnh con người khi họ được sinh ra. Ngày nay, chúng ta tính 11g00 là giờ tỵ, 1g00 là Sửu ... bất chấp mùa và vùng địa lý ... hiển nhiên là có nhiều sai lệch. Có người đã đưa ra gia giảm giờ theo mùa nhưng cơ sở không vững lắm. Nhiều khi cứ hể thấy trời sắp tối thì lấy giờ dậu mà có khi linh ứng hơn.

- Cụ Thiên Lương chia lá số ra bốn nhóm, Thái tuế, Thiếu dương, Thiếu âm và Tang môn. Tuy tôi không dám bàn ở đây về tính chất mỗi nhóm (dù chưa hoàn toàn đồng ý với cụ Thiên Lương), tôi xin đưa ra nhận xét là những người thuộc nhóm thái tuế là chịu ảnh hưởng bởi tử vi nhiều nhất. Ý tôi là cấp độ chính xác của tử vi đối với 4 nhóm là khác nhau. Người thiếu dương rất rộng đường lựa chọn hướng đi trong khuôn khổ vận mệnh của mình, trong khi người thái tuế thì chỉ có một đường thẳng tắp, không ngã rẽ.

Một chuyện cũng ít liên quan nhưng thấy có người đã động đến nên tôi nói qua: Các sao trong tử vi có thật trên bầu trời không? Theo thiển kiến của tôi thì một số sao được đặt theo tên sao trên trời như Tham lang, Bạch hổ nhưng một số khác thì chỉ mang tính ký hiệu, như Thái tuế (đánh dấu vị trí) và Tuế phá là vị trí xung chiếu của Thái tuế. Vấn đề này có thể tham khảo trong bộ sách được vua Càn Long ra lệnh biên soạn và đã được dịch ra tiếng Việt. Đó là bộ sách “Hiệp kỹ biện phương thư”. Tiếc là bản dịch không tốt lắm. Và như thế, các sao trong tử chỉ nặng tính ký hiệu hơn là sao thật.

Xem số theo hà lạc thì ít bị vấn đề ngày giờ âm lịch hơn, nhưng không phải là không có. Thế mạnh của phương pháp này là cho người ta biết mình nên làm gì. Tử vi nói “sẽ là” trong khi BTHL nói “nên là”. Ví dụ có người tuế vận là “Thiên hỏa đồng nhân”, hào 2. Hào này nghĩa là chỉ giao du hạn hẹp trong bà, con anh em nên sẽ gặp khó khăn về sau. Nếu như đương số cố gắng mở rộng quan hệ, dung nạp người ngoài thì rõ ràng sẽ giảm thiểu những khó khăn sau này. Trong nhiều trường hợp, cần nghiên cứu đại tượng (chính quẻ) để hiểu rõ vì sao mà đương

số nói trên rơi vào thế chỉ giao du với người nhà, từ đó, có thể điều chỉnh ngay trước khi đi vào tuế vận đó, như vậy sẽ tốt hơn nhiều.

Việc lấy tuế vận có một điểm không rõ ràng là tuế vận đầu tiên (1 tuổi) là tính từ lúc nào? Tính từ ngày sinh hay tính từ mồng một tháng một năm được sinh ra? Theo nguyên tắc khi gieo quẻ, nếu nói “3 tháng nữa việc sẽ thành” thì tức là tính từ lúc gieo quẻ. Nếu cùng nguyên tắc này thì có thể nói là tính từ ngày sinh. Nhưng như vậy thì khác xa với tử vi và các phép bói theo ngày giờ khác, vốn tính theo từng năm âm lịch. Tôi thì thiên về ý tính từ ngày sinh hơn, có vị nào có lý luận chính xác hơn thì xin chỉ giáo, tôi hết sức cảm kích.

Ngoài ra, như khi xem mai hoa hay bốc dịch, thời thần và nguyệt thần rất được coi trọng nhưng xem bát tự thì chỉ xét thời thần và nguyệt thần trong chính và biến quẻ mà thôi, còn các đại, tiểu vận thì sao? Tương quan giữa nạp âm và ngũ hành của các quẻ trong đại vận và niên vận cũng vậy, có xét không? Và mạnh đến mức nào? Theo kinh nghiệm cá nhân tôi thì ảnh hưởng này là rất lớn. Lý do sẽ bàn trong mục 3, khi nói về bói dịch.

Vấn đề lớn nhất của các phép bói toán liên quan đến kinh dịch là phải biết Dịch lý và lý số. Nhiều nhà nghiên cứu còn đòi thay đổi vị trí các đơn quái trên vòng tròn bát quái, tôi thấy thật quá bạo phổi. Nếu họ hiểu rõ lý số thì chắc sẽ không nghĩ như vậy. Tóm lại, đã có người từng nói: “Nghiên cứu Dịch mà hiểu được dịch lý thì như thần tiên, nghiên cứu mà không hiểu thì có khi thành quỷ. Xưa nay tiên thì ít mà quỷ thì nhiều vô kể”.

Vì xét hết các môn thì quá dài dòng, trong hai mục kế đây tôi chỉ xét một môn tiêu biểu cho cả nhóm.

2. Tướng số:

Có thể thấy tướng số là phương pháp dễ thuyết phục người ta nhất. Nó dựa đúng vào những biểu hiện của cơ thể người mà luận đoán. Tuy nhiên, đi sâu vào thì thấy không phải là ngon ăn vì rằng như nhiều người nói hình thể học như mũi, mắt, tai ... chỉ là phần rất sơ đẳng và kém chính xác.

Để cho dễ vận dụng, có sách đã có lời nhắc, chủ yếu cố gắng chọn những cái nhận xét tương đối dễ và giống đời thường (tục nhãn) như sau:

- Cơ bản nhất là xương cốt. Khung xương mà cân đối, đẹp và mạnh mẽ là nền tảng tốt. Nếu thấy mấy từ “cân đối, đẹp và mạnh mẽ” mơ hồ quá thì cứ xem bộ răng. Răng tốt hay xấu thì dễ biết rồi.
- Kế là huyết mạch mà biểu hiện là da thịt. Da thịt hồng hào, mịn màng thì tốt. Cũng tương tự, nếu thấy khó nhận biết quá thì hãy tập chú vào tóc, râu, lông mày. Nếu thấy mượt mà, nhiều thì từ khá trở lên. (Ngày nay kỹ thuật làm đẹp cao quá nên đoạn này cũng chưa chắc dùng được).
- Trên cùng là khí, là thần: Đoạn này thì vô cùng khó với những người mới học. Chỉ còn trông cậy vào tiếng nói và cách hít thở, dáng đi. Việc xem cái thần toát ra từ một người thật sự không dễ nếu chính bản thân người xem không phải là người có tinh thần mạnh mẽ và thanh tịnh.

Cuối cùng mới đến các chi tiết trên mặt mũi ... Các bộ vị này có đẹp mà các nền tảng kia yếu

kém thì cũng không phát huy được. Thế mà có nhiều người cứ mong sửa mũi, cắt mắt để số tốt hơn !?

Và điều còn khó chịu hơn nữa là khí huyết, thần thái cũng có thể thay đổi theo thời gian làm cho việc dự đoán 5 hay 10 năm trời trở thành khó khăn.

Có một kỹ thuật có thể giúp ích rất nhiều cho việc xem tướng, đó là “Ngôn ngữ cơ thể” của khoa học hiện đại. Môn này chủ yếu quan sát cử chỉ của người đối thoại mà đoán thái độ của họ đối với chuyện mình đang nói. Một cuốn sách về đề tài này đã được dịch ra tiếng Việt. Đó là quyển “Ngôn ngữ của cử chỉ”. Vì là sách của phương tây nên rõ ràng dễ hiểu, dễ học, rất có ích mà là cầu nối để người ta tiếp cận học được cách quan sát thần thái theo kiểu phương đông.

3. Bói dịch:

Phương tây ngày nay có nhiều ngành khoa học dính dáng đến ngẫu nhiên. Người Nga có cả một môn khoa học nghiên cứu về sự ngẫu nhiên. Trong ngành nhiệt động lực học, khí tượng học, người ta phát biểu rất nhiều định luật về ngẫu nhiên, ví dụ như khi mà mọi cái hỗn độn, muốn xếp nó lại theo một qui luật nào đó thì cần phải tốn năng lượng. Từ trật tự mà chuyển sang hỗn độn thì sẽ giải phóng năng lượng. Cả trái đất là hệ năng lượng, mọi thứ ảnh hưởng liên động, chỉ cần một con bướm trong rừng vỗ cánh mạnh hơn một tí thì thay gì có gió nhẹ ở Thái bình dương, ta sẽ có một trận bão. Tóm lại, khi nghiên cứu ngẫu nhiên đến mức nào đó, người ta đi dần đến nhận định là không có gì là ngẫu nhiên !?

Chính vì có sự liên lạc như vậy mà có những phép bói như bốc dịch, mai hoa ... chủ yếu dựa vào ngẫu hợp.

Nói đến Kinh Dịch thì phải rất thận trọng. Khổng tử ngày xưa đọc đến kết lại sách 3 lần mà vẫn còn do dự (“Đời sau khen ta cũng vì bộ sách này, mà chê ta cũng vì bộ sách này”). Thế nên ý nghĩa cao thâm của Dịch thật không dám bàn, ở đây chỉ bàn chuyện dùng dịch để bói thôi:

- Trong quyển “Trung Quốc triết học” của Lưu Úy Hoa có một thống kê rất hay. Đó là thống kê các hào từ trong 64 quẻ dịch. Trong đó Đại cát, Nguyên cát có 21 hào tức chiếm 4%. Hanh, Lợi có 103 hào tức 19%, Cát Tường có 125 hào, chiếm 24%, Vô cửu, vô hối có 124 hào chiếm 24%, Hối, Lận, Cữu có 65 hào chiếm 12%, Hung Lệ có 56 và 27 hào chiếm 11 và 6%. Tóm lại, từ trung bình đến rất tốt chiếm đến 71%, còn xấu và rất xấu chỉ có 29%. Như vậy phải chăng là bói dịch thì sẽ gặp tốt nhiều hơn xấu? Như trên đã nói, đại tượng rất quan trọng, nó chỉ cho chúng ta đang ở thời nào, hào từ chỉ chúng ta đang ở vị nào. Tùy theo đó mà hành động thì có tới trên 71% là từ vô cửu (không có lỗi) và vô hối (không hối hận) trở lên. Chỉ có điều người xem phải rất tinh thông dịch lý chứ không thì xác suất sai lầm là rất lớn. Bản thân việc hành động theo đúng lời khuyên của Dịch cũng chẳng dễ gì.

- Phương pháp xem dựa vào ngũ hành sinh khắc cũng có cái hay là dễ dàng, chỉ xếp các đơn quái ra, kết hợp với nhật, nguyệt thần xem dụng hay thể thắng thế là xong. Khuyết điểm của nó là cho ra kết quả rõ ràng dứt khoát quá mà trong đời thiếu gì chuyện như “tái ông thất mã”, hay dở đi kèm, làm sao mà dứt khoát tốt hay xấu được. Vậy nên việc chỉ dựa vào ngũ hành xem ra rất không chắc chắn và không hết cái lẽ huyền thâm của dịch.

- Đã vậy, nhiều người vận dụng thuyết ngũ hành rất không đúng. Ví dụ: ông xếp nợ mạng thủy, khi tuyển nhân viên thì cứ ưu tiên chọn người mạng kim. Trong nhà thì vợ cứ vác hết ti vi, đầu máy ... đặt ngay giữa phòng khách vì cho rằng những vật này thuộc hành kim, mà kim thì sinh thủy. Thật ra thì âm dương vận hành, ngũ hành phải cân bằng hài hòa mới tốt, ngay như kim với kim thì va chạm không tránh khỏi trầy xước, thủy với thủy thì là Khảm, tất hung, hỏa với hỏa thì là lửa cháy ngất trời... không có gì là hay (quẻ Ly cũng không hẳn là tốt vì sáng tới cùng là tới lúc tối dần).

Còn chuyện cho rằng tivi và máy nghe nhạc là hành kim thì càng sai. Những vật này phát ra âm thanh, cố nhiên là thuộc quẻ chấn, tất là hành mộc. Chỉ khi nào bị ti vi hay cái loa bằng sắt rơi trúng đầu thì đó mới là hành kim.

- Có nhiều thầy thường bắt thân chủ rửa tay, rửa mặt, thắp hương trước khi gieo quẻ. Thật sự thì cũng không cần thiết lắm, cái chính là gieo quẻ cho người hay cho mình cũng vậy, phải để tinh thần tĩnh tại, tập trung cho nguồn năng lượng nội tại liên thông với bên ngoài thì gieo quẻ sẽ sát và dễ đoán hơn. Nhiều người tâm thần rối loạn, gieo một quẻ mà đến 3, 4 hào động thì thật khó cho việc luận giải.

- Việc an thần sát (Câu trần, Châu tước, Thanh long ...) và an lộc thân (Huỳnh đệ, Thê tài,) hoặc tìm phi thần, phục thần ... có ích trong nhiều trường hợp nhưng không phải lúc nào cũng cần. Chú ý một lúc quá nhiều yếu tố nhiều khi làm rối trí. Tuy vậy, thế hào và không vong thì phải xét, sách có câu “Thế hào vượng tương tối vi cường”.

Trên đây là mấy ý kiến thô thiển, xin các vị huynh trưởng chỉ giáo nhiều. Vì tôi ít khi ghé thăm diễn đàn, có gì chỉ dạy, xin cứ mail thẳng cho tôi nếu điều đó không vi phạm nội qui của diễn đàn.

Về chuyện cải sửa số mệnh

Hầu như những người xem số nghiệp dư đều đến với bói toán từ mong muốn biết được số mệnh của mình. Thế mà “thế thượng ác nhân đa”, người có số tốt thì ít mà trắc trở, khó khăn thì nhiều. Do vậy mà ước muốn cải sửa số mệnh luôn là nỗi băn khoăn, khắc khoải của những người tự xem số cho mình.

Ở đây tôi nhấn mạnh là tự xem cho mình vì sửa số cho chính mình đã là quá khó, đừng nói chi đến sửa cho người khác. Bài viết này cũng chỉ mong đề ra một vài ý hướng để được nghe các bậc cao nhân chỉ giáo thêm.

Điểm lại trong các sách vở về lý số, bài viết về sửa đổi số mệnh của Nguyễn Phát Lộc trong quyển Tử vi tổng hợp là sát và có lý luận chặt chẽ nhất. Thế nên những gì bậc đại tiên bối đã nói tôi chỉ xin nhắc qua và thêm thắt vào chút ít, mục đích của bài viết này là bàn đến phần thực nghiệm, nghĩa là trả lời câu hỏi “lý thuyết đã là như thế, còn thực hành thì sao?”

Cách đặt vấn đề của NPL phải nói là đã cực kỳ hoàn hảo (tử vi tổng hợp, trang 55):

- Số mệnh là gì? Nên hiểu số mệnh như thế nào?
- Hạnh phúc là gì? Nên đặt tiêu chuẩn hạnh phúc ra sao?
- Làm thế nào để cải sửa số mệnh và mưu cầu hạnh phúc.
- Biết được số mệnh như thế, con người cần có lập trường gì trước số mệnh.

Có thể hiểu cách đặt vấn đề này đại khái như sau:

Mục đích rốt ráo là hạnh phúc hơn, chứ không thể cụ thể là giàu hơn, quyền cao chức trọng hơn nên cái đoạn hạnh phúc là gì là hết sức quan trọng. Trên hai nền tảng “số mệnh” và “hạnh phúc” đó mà tìm cách để có hạnh phúc nhiều hơn. Và cuối cùng, nếu không sửa nổi thì cần có thái độ như thế nào để có thể có đủ dũng khí tiếp tục sống và đón nhận.

Nếu đi được con đường do Nguyễn Phát Lộc chỉ ra thì không còn gì để bàn cãi nữa, dưới đây tôi chỉ mạo muội tìm một cách tiếp cận khác mà hy vọng là dễ thực hiện hơn.

I. Có thể sửa số không và sửa được đến mức nào.

Tôi tránh không lao đầu vào khái niệm vốn hay gây tranh cãi “Số mệnh là gì” mà chỉ xét xem có cải sửa số mệnh được không và từ đó may ra cũng gợi mở cho chúng ta con đường để tìm tòi cách sửa số.

Thuyết nhân quả và nghiệp báo của phật giáo cho chúng ta những gợi ý gần nhất về số mệnh. Khi nói về tính chất của nghiệp quả, đức phật hỏi “Tỷ như có người cho một muỗng muối vào bát nước. Hỡi này các tỷ khuru, các người nghĩ thế nào? Bát nước có trở nên mặn và khó uống không?” Các đệ tử phật trả lời là có. Đức phật lại hỏi “Bây giờ, tỷ như người ta đổ muỗng muối ấy xuống sông Hằng. Nay hỡi các tỷ khuru, các người nghĩ sao, nước sông có vì muối ấy mà trở nên mặn và khó uống không?” Các đệ tử phật trả lời là không. (theo “Đức phật và phật pháp” – Chương “Tính chất của nghiệp”)

Theo đó, thì nếu như số mệnh được tạo ra là từ nghiệp báo, thì việc cải đổi là rất “khả dĩ”, có thể từ mức rất “mặn” thành ra hầu như không có gì.

Có nhiều lý thuyết cho rằng số mệnh hàm chứa trong tâm trí con người. Kinh Phật cũng có câu “Này hỡi các tỷ khuru, Như Lai xác nhận rằng chính Tác Ý là nghiệp”. Nhiều trường phái tâm lý cũng cho rằng, có gì đó trong tâm con người như là thiên hướng, dẫn dắt người ta hành động theo chiều hướng nào đó. Đáng chú ý nhất là học thuyết của Sigmond Freud về vô thức. Nếu quả như vậy, việc cải sửa số mệnh là nằm ở chỗ hiểu được chính mình.

2. Tìm cách thay đổi vận số trong tương lai nhìn thấy được bằng xem số

Nguyễn Phát Lộc cho rằng hạnh phúc là sự cân bằng giữa ý muốn và năng lực thực hiện. Hai thứ này càng gần thì người ta càng hạnh phúc và cuối cùng rốt ráo là người ta phải tiết chế ham muốn, tự rèn luyện tâm trí để việc tự chế dễ dàng và thoải mái hơn đồng thời nuôi dưỡng một lối sống đạo đức. Khi làm được những điều trên, nói chung là người ta sẽ hạnh phúc hơn.

Nguyên tắc trên là cực kỳ đúng đắn chỉ có điều đó là nguyên tắc chung trong toàn cục. Còn cụ thể thì sao? Ví dụ, nếu tôi thấy trước trong vài năm tới tôi sẽ gặp đại nạn và vấn đề đặt ra là làm sao tránh hay chí ít là giảm nhẹ, thì có cách nào hay con đường nào cho tôi chút hy vọng không? Gốc rễ vấn đề việc hạn chế ham muốn và sống cuộc đời đạo đức. Nhưng bàn về đề tài này thì khó quá mà NPL ững đã nói rồi. Ở đây, tôi chỉ xin nói phần ngọn một chút thôi, nghĩa là từ phần “thân cây” trở lên.

Theo tôi có mấy con đường sau khả dĩ có thể cải sửa chút ít số mệnh nếu như chúng ta đã nhìn thấy nó mờ mờ trong tương lai:

- Lời nhắc nằm ngay trong kỹ thuật xem số, bát tự hà lạc là kỹ thuật có được những lời nhắc có ích nhất.
- Chu kỳ sinh học, nhịp sinh học.
- Nhìn kỹ vào lòng mình để tìm giải pháp.

3. Bát tự và tử vi trong việc sửa số:

Muốn sửa được số bằng cách xem bát tự thì phải hiểu rõ thuyết “thời và vị” trong kinh dịch. Như trong sách “Kinh dịch - Đạo của người quân tử” học giả Nguyễn Hiến Lê đã giảng giải rất rõ về chuyện này. Ví dụ rõ nhất là quẻ Sư. Thời của quẻ Sư là chinh chiến, các vị (hào) có đủ cả các hình thái có thể có của một cuộc chiến, từ thắng trận được ban khen (hào 2) đến “xe chở xác quy về” (hào 3), kể cả thành công nhờ rút lui chiến thuật (hào 4) ... Cái cần là xem mình ở vị nào, thời nào và tại sao. Vì vậy mà việc nghiên cứu dịch một cách thấu đáo là hết sức cần thiết. Ít nhất là hiểu rõ tượng của từng quẻ, tránh tính trạng quá chú ý tiểu tượng (ý hào).

Như quẻ Đại quá là chỉ thời của cây cột chống đỡ một vật nặng trong thế chênh vênh. Nghĩa là ít nhiều gì cũng có gian nan. Có hào chỉ ra vị là cây cột yếu có thể đổ (hào 3), có hào chỉ ra là chống đỡ được nhưng vất vả mà nhân việc này có tiềm ẩn sai lầm, nguy hiểm (Hào 4).

Quẻ Hằng cũng vậy, nam nhân mà gặp quẻ này thì thường là không tốt. Vì Hằng là lâu bền, chỉ trong cái thế bề tôi trung với vua, vợ chung thủy với chồng thì mới tốt thôi còn lại chỉ ra là tình thế kẹt, không nên ở lâu mà cứ nấn ná, trì trệ.

Quẻ Đỉnh là tượng chỉ sự hưởng lộc vị, nhưng lên đến hào 6 thì là lúc tàn cuộc, phải ngưng thôi.

Xin lấy một vài ví dụ có thật trong xem bát tự.

VD1: Một quan chức có các tuế vận như sau:

Đại vận là Thuần khảm - hào 3.

2000: Trạch phong đại quá - hào 4

2001: Lôi phòng hằng – hào 5.

2002: Hỏa phong đỉnh – hào 6.

2003: Hỏa thiên đại hữu – Hào 1.

Năm 2000, vì thấy đại vận xấu và ý hào rõ ràng là phải chống đỡ vất vả tôi khuyên nên vừa phải, thận trọng, không nghe tiểu nhân (Hào 4 quẻ Đại quá khuyên không quá nghe bọn tiểu nhân) nhưng ông này đang đắc thời không hề chú ý lời khuyên này. Đúng như ý hào, ông cũng chống đỡ thành công. Đến năm sau, tôi bắt đầu khuyên ông nên chuyển, rút lui ra khỏi vị trí hiện tại nhưng ông cũng không nghe để đến cuối năm vướng vào một chuyện bê bối, ầm ĩ. Tuy nhiên, ông cũng qua được.

Đầu năm 2002, ông gọi tôi đến mà nói rằng tôi đã nói đúng những nạn của ông nhưng nay ông thoát hết rồi, bây giờ ông muốn tôi xem tiếp. Tôi thấy hay tuế vận 2002 và 2003 đều nói rằng không được ham lộc vị nên thoái nhân. Tôi nói thẳng là nếu ông không tự lui thì sẽ bị mất chức. Tôi nói nếu rút lui thì đến 2005 ông có cơ phục chức và như vậy sẽ tốt hơn nhiều so với để bị cách chức. Ông không tin và nói rằng sóng gió như thế mà ông còn chống chọi được, qua được thì không việc gì phải sợ.

Đến cuối năm, trong cuộc họp cấp cao nhất, thượng cấp của ông bị chất vấn dữ dội về chuyện của ông đến nỗi giờ giải lao, vị thượng cấp gọi điện về bảo soạn ngay lệnh cách chức ông.

Ông bạn tôi nhận lệnh thật bất ngờ, ra đi cũng hết sức bất ngờ và đến nơi mới trong tư thế kẻ vừa bị cách chức, bơ vơ, ngơ ngác (hào 1 quẻ Đồng nhân). Không chuẩn bị trước, lại ở trong thế khó khăn như vậy nên khi ra khỏi đại vận hào 3 quẻ khảm, ông này có được bổ nhiệm lại nhưng không mấy gì hay.

Qua câu chuyện trên, ta thấy nếu ông này tin tưởng hơn, dũng cảm ra đi từ khi đang quẻ Hằng – hào 5 thì hay hơn nhiều. Đến quẻ Đỉnh hào 6 mà ra đi thì chỉ ít cũng không bị cách chức, có nhiều thời gian hơn để vận động một vị trí khác, không bị bất ngờ và bị động như đã nói ở trên.

Dù sao thì ví dụ trên cũng cho ta thấy Bát tự đã cho ra hàng loạt lời nhắc chỉ có điều ta có dám nghe hay không thôi.

VD2: Khi tôi gặp người này thì ông đang ở đại vận hào 3 quẻ Khôn (cũng là nguyên đường biển quẻ), tiểu vận Thiên sơn độn hào 3. Ông đang trong thế phải ẩn nhẫn đợi thời, lại có nhiều chuyện buồn phiền trong gia đình. Nhìn thế quẻ Khôn lại là hào 3, vị cương nhưng hào nhu không hợp, ông lại quá nóng tính, cương liệt nhưng lại quá ủy mị trong cư xử nên không phát tác được cái hay của quẻ Khôn. Trước mặt là đại vận kế hào 4 quẻ Khôn, không lấy gì làm hay. Vì thế, nếu không có những sửa đổi cho hợp với vị của nguyên đường và biển quẻ thì đến hào 4 quẻ Khôn sẽ rất khó khăn. Tôi bèn khuyên ông đại khái có 2 ý: đã không gặp thời mà phải trốn thì cứ ung dung bực tức làm gì, sắp hết thời độn rồi. Thứ 2 là ở quẻ Khôn là nhờ đức âm, vậy nên làm hòa với vợ con, làm tròn vai trò người chồng người cha. Nếu làm được như vậy thì đến

đại vận hào 4 quẻ Khôn, tiểu vận Lôi địa Dục hào 4 sẽ có thành đạt mà sau còn nhờ vợ nhiều. Ông nghe theo, ung dung tu thân, tề gia, mấy năm sau được giải thưởng lớn và thành danh. Sau bị ốm nặng trong đại vận hào 4 quẻ Khôn, nếu không nhờ vợ tận tình chăm sóc thì chắc khó qua khỏi.

Ví dụ này cho ta thấy không những phải xem tiểu vận, đại vận mà còn phải xem rất kỹ chính quẻ và biến quẻ, hiểu rõ lẽ cương nhu. Từ đó mà “Thuận thủy trôi xa” (theo chiều nước mà đẩy thuyền) thì mới phát huy hết cái tốt, cản bớt cái xấu.

VD3: Một người có tiểu vận là Thiên hỏa đồng nhân – hào 2. Đồng nhân vốn là tượng tốt nhưng hào 2 thì không hay vì thời đồng nhân mà cứ khư khư với người nhà là không hợp. Tôi khuyên người này là nên mở rộng quan hệ, không phân biệt thân sơ. Người này quả là trong thế rất khó làm như vậy vì vốn bị người ta nghĩ là được ưu đãi, lập dị. Nhưng anh này đã phá bỏ được cái thế đó bằng cách cố gắng lui tới, vui vẻ với tất cả mọi người. Sau này, khi người thân không còn làm to nữa, gặp tiểu vận là thiên phong cấu – hào 6 (gặp nhau trên cái sừng, tức là đấu đá nhau) anh ta mới có đồng minh và thành công, tránh được tình thế xấu vốn có của hào 6 quẻ cấu (cô độc, không người giúp, tranh đấu vất vả).

Qua ví dụ này ta thấy phải nhìn cả quá trình và suy đoán. Hào 2 quẻ Đồng nhân là không đi lại với người ngoài, rồi tiếp tới sau vài năm là quẻ cấu hào 6, cô đơn không người giúp, nó cho ta thấy sự diễn biến tất nhiên và tất nhiên cũng chỉ cho ta thấy cách giảm nhẹ cái xấu đi.

***Vài dòng về tử vi:** Vì đây là forum dành cho Bát tự nên chỉ xin nói ngắn gọn về tử vi thôi. Hy vọng có lúc sẽ bàn chi tiết hơn tại forum tử vi.

Trong tử vi có hệ thống ảnh hưởng qua lại giữa các cung là tam hợp và xung chiếu. Tam hợp là bổ trợ cùng lên cùng xuống.

Xung chiếu là hoặc hỗ trợ, hoặc bù trừ. Tôi thấy nên đặt biệt chú ý cái quan hệ này nếu muốn cải thiện vận số:

Cung phối và cung quan xung chiếu, “vợ khôn chồng ắt có ngày làm quan” nhưng nếu quá ham công việc, chuyện gia đình nhiều khi hỏng bét.

Tài và phúc xung chiếu: Muốn có tiền thì phải bớt tình, bớt nhân hậu đi, tuy nhiên phải có phúc mới làm giàu lâu bền ...

Có thể nói nhiều nữa về các mối quan hệ này. Ta có thể lợi dụng các mối tương quan đó mà lựa chọn trong vòng hẹp những kịch bản khác nhau cho cuộc đời mình.

Còn một kiểu quan hệ nữa cũng có ích cho việc sửa số. Đó là các chòm tinh đấu. Ví dụ kinh điển mà tôi từng được dạy như sau:

Giả sử hạn có Đà la + Thiên mã + Song hao thì rõ ràng là chỉ tay nạn tay chân. Nhưng mã + hao cũng có nghĩa là đi xa và tốn kém. Nếu người có lá số có cung thiên di đẹp (có hóa khoa càng hay), mã tốt thì có thể tránh né được bằng cách đi xa và chủ động chi nhiều tiền cho chuyến đi. Người ta vẫn hay nói “của đi thay người”, có khả năng Đà la sẽ giảm nhẹ chỉ còn là điều tiếng qua lại hay bức bối qua loa thôi. Cách này cũng có cái nguy là nếu chủ động đi xa thì cũng là tạo cái duyên để bị tai nạn xe cộ. Biết sao được, cái gì cũng có hệ số rủi ro của nó vả lại nếu không đi thì liệu có tránh được không.

* Như ta biết, có những tai nạn bất ngờ như đang đi bị vật nặng rơi trúng đầu, phạm sai lầm gì đó khi thao tác như sai lầm khi lái xe, sử dụng thiết bị điện ... hoặc nói lỡ một câu làm cho người khác thù ghét ... vv. Nếu vẫn duy trì niềm tin rằng không có gì là ngẫu nhiên thì có thể nói những sự cố này là có thể tránh được. 2 phần tiếp theo bàn về cách cải đổi số mệnh liên quan đến những sự cố nêu trên.

4. Chu kỳ sinh học:

Nhiều chuyên gia cho rằng vào những giai đoạn chuyển tiếp nhất định, con người hay gặp tai nạn. Các bác sĩ tâm thần cho rằng vào những đêm trắng, dù bị giam trong những căn phòng kín mít, các bệnh nhân tâm thần vẫn gào thét dữ dội hơn do thần kinh con người vào thời kỳ này mất cảm hơn. Ngược lại, binh pháp Tôn tử cũng dạy rằng không nên hành quân vào những ngày cuối tháng vì lúc đó tâm trạng binh lính âm u, kém hưng phấn và kém nhạy bén.

Nếu muốn dự định để phục kích thì tốt nhất là làm vào sáng sớm vì “Sáng hứng khởi, trưa mệt mỏi, chiều u buồn, tối suy tư”. Lúc đang hứng khởi mà thắng thì tất nhiên kẻ thù sẽ hăng hái truy kích và trúng kế.

Qua những ví dụ trên thì ta thấy người xưa đã hiểu rất rõ chu kỳ sinh học của con người. Có nhiều software tính toán chu kỳ sinh học và cảnh báo những ngày nguy hiểm, tuy nhiên, cách tính đó quá thô sơ so với những chu kỳ có trong lá số tử vi và cách tính của phương đông.

Nếu nhìn tử vi như là sự chồng chất lên nhau của nhiều chu kỳ và điểm trùng phùng của nhiều điểm nguy hiểm của các chu kỳ khác nhau là một hạn nguy hiểm thì chúng ta thấy có thể tránh được nếu hiểu rõ các chu kỳ đó.

Ví dụ có sách cho rằng vào thời điểm tuần triệt (tiểu hạn tuần triệt hay đại hạn tuần triệt) tuyến tụy của con người hoạt động mạnh lên và làm cho con người trở nên bạo dạn hơn. Đối với người tính tình bất cẩn thì những lúc này thường dễ gây tai nạn. Như vậy, nếu ta tập trung hơn, ăn uống đúng cách để điều hòa nội tiết trong cơ thể (ngày nay việc này thật dễ dàng) thì có thể tránh được trục trặc này.

Như chúng ta đã biết, tinh đấu không chỉ vượng tướng hưu tù trên lá số mà nó cũng vượng tướng hưu tù theo thời gian. Ví dụ mùa hè hay năm có nạp giáp hành hỏa thì sao Vũ khúc thuộc kim sẽ yếu, những ai Vũ khúc thủ mạng thì dễ dàng mắc sai lầm vào mùa này. Vậy nên thận trọng vào những lúc này và tìm cách bồi bổ hành kim.

Những thầy tướng, tử vi mà xuất thân từ đông y rất mạnh kỹ thuật này. Trong khuôn khổ bài này tôi không dám bàn rộng vì sợ múa rìu qua mắt các vị này.

5. Tâm lý học:

Trong lời tựa quyển “Freud thật sự đã nói gì” có đoạn đại khái như sau: giả sử bạn bước chân ra khỏi nhà để làm một chuyện quan trọng mà bị vấp chân, suýt ngã và bạn quay vào quyết định không đi nữa. Một số người sẽ cho là bạn mê tính và chê cười bạn. Nhưng Freud sẽ cho là bạn

có lý. Nguyên nhân là vì Freud cho rằng có gì đó không ổn trong tiềm thức của bạn và sâu thẳm trong vô thức, bạn biết rằng bạn khó mà thành công được.

Như phần mở đầu đã nói, Phật từng xác nhận ý là nghiệp. Nếu ta có thể nhìn thẳng vào lòng mình, hiểu rõ chính mình và đối chiếu với những gì thấy được bằng xem số, có thể ta sẽ mò được cái gì trong tâm tưởng ta có thể là nguyên nhân gần của những thời vận không tốt của mình. Cách này rất tốt và dễ làm đối với người biết Thiền. Nhưng với những người khác thì quả là khó.

Thế nên tôi đề nghị một cách nữa là nghiên cứu kỹ và tự hiểu chính mình. Phân tâm học cho rằng có những bản năng cơ bản chi phối hành động con người từ trong tiềm thức. Cơ bản nhất là tính dục, bản năng sống và bản năng chết. Trong quyển tử vi tổng hợp, Nguyễn Phát Lộc cho rằng đến hơn 60% các sao trong tử vi có liên quan dục tính. Xem ra thì điều này quả thật không có gì là đáng ngạc nhiên. Nếu như hiểu được tâm lý của mình và giải phóng năng lượng tâm lý một cách phù hợp thì ta sẽ làm chủ được một phần đáng kể số mệnh của mình.

6. Kết luận:

Để sửa đổi số mệnh hay phần nào tránh được những cái xấu trong tương lai thì có thể theo những gợi ý trong kinh Dịch mà chúng ta có được qua quẻ Hà lạc.

Những người rành về chu kỳ sinh học và đông y có thể tìm thấy sự liên quan giữa tử vi và những chu kỳ của đời người. Ngày nay với những thông tin đầy đủ và y học hiện đại, người ta có khả năng thay đổi đáng kể những ảnh hưởng của các chu kỳ này.

Những người có khả năng thiền định có thể chỉ ra được nhân duyên của những nghiệp chướng mà mình phải gánh và có thể có cách tu thân phù hợp. Trường hợp hiểu biết sâu xa về tâm lý thì đây cũng là một gợi ý hay để biết phải làm gì để tránh những rủi ro trong tương lai.

Những điều nêu ra ở trên thật sự không dễ làm và cũng chưa đâu vào đâu. Người viết chỉ mong nêu được vấn đề để mọi người cùng nghiên cứu và những cao nhân đã từng nghiên cứu sâu xa hơn chỉ giáo thêm cho ở những chỗ đúng, vạch cho thấy những chỗ sai lầm, người viết sẽ vô cùng cảm kích.

Một số câu hỏi khó chịu

Những người xem bói thường bị hỏi những câu hỏi khó. Một số là người ta thắc mắc thật tình nhưng cũng có những câu khiêu khích hay bắt bẻ. Dưới đây tôi xin kể một số câu hỏi mà tôi từng bị hỏi. Một số thì tôi trả lời được, số khác thì không, viết ra đây mong được chỉ giáo và để quý vị đọc chơi.

1. Những người sinh đôi thường là cùng giờ sinh, vậy số mệnh họ có giống nhau không?

Thực tế cho thấy nhiều cặp sinh đôi cùng giờ nhưng cuộc đời không mấy gì giống nhau, nếu không muốn nói là chỉ giống nhau hình dáng và chung cha mẹ (như hai người em họ của tôi mà tôi chắc chắn là sinh cùng giờ).

Cái này thì tôi từng giải thích trong bài “Bàn về số mệnh và các phương pháp đoán số”. Chúng ta phải chấp nhận cuộc đời con người có những điểm đến hạn mà tại đây tùy vào cá nhân mà số mệnh có thể bước sang những ngã rẽ rất khác nhau. Tử vi chỉ định tính mà cuộc đời thì nhiều khi cần định lượng. Như 15,5 điểm thì rớt, 16 điểm thì đỗ nhưng trên mặt định tính thì thật là chẳng khác nhau bao nhiêu.

Tôi từng được đọc một bài báo của một thầy tử vi nổi tiếng nói về hai sĩ quan có cùng một lá số (sinh cùng ngày cùng tháng cùng năm và cùng giờ) nhưng không cùng cha mẹ. Theo ghi nhận của ông này thì hai người này có biến cố cuộc đời khá giống nhau nhưng ở các cấp độ khác nhau như năm thăng cấp thì giống nhau như cấp bậc thì khác nhau. hai người mất cùng năm nhưng trước sau nhau 6 tháng và cái chết cũng khác nhau chút ít.

Như vậy, thì cũng trấn an phần nào cho dân xem số dựa trên ngày tháng năm sinh!

2. Nhiều trường hợp người mẹ được tiên lượng là sinh khó và bác sĩ chỉ định là sinh mổ. Vì đằng nào thì cũng mổ nên thường người ta cho phép chọn ngày giờ. Nhiều người nhờ thầy xem dùm trong khoảng thời gian đó (cũng khoảng năm ba ngày), ngày giờ nào là đẹp nhất ... rồi mổ. Thế thì tử vi trong trường hợp này có giá trị gì không?

Tôi có được yêu cầu xem và chọn ngày sinh như vậy một lần và tôi đã từ chối. Sau đó người mẹ này nhờ một người khác xem và định ra giờ mổ. Tuy nhiên, đúng giờ đúng ngày thì phòng mổ bị kẹt do có ca cấp cứu rất khẩn, thế là giờ mổ (cũng là giờ sinh của đứa bé) bị dời đi mấy giờ. Nhờ vậy có thể nói rằng thiên định vẫn cứ là thiên định. Dù vậy, tôi nghĩ vẫn có người thành công trong việc sinh con theo ngày giờ đã định và như vậy, lá số này có chính xác không?

Một chi tiết nhỏ là sau đó, vì tò mò, tôi lập cả hai lá số, một theo giờ đã định trước và một theo giờ đã mổ thì không thấy lá số nào khả dĩ là đẹp cả?!

3. Có người hỏi rằng khi máy bay rơi thì hàng trăm người chết cùng lúc, chẳng lẽ ngàn ấy người có cùng số chết năm đó, tháng đó, giờ đó sao?

Tôi đã từng trả lời người chất vấn rằng (cũng là theo trong sách thôi), cũng có khi máy bay rơi, hàng trăm người chết, nhưng vài người sống sót hy hữu. Điều này chứng tỏ là có số.

Dầu vậy, trong thâm tâm tôi, nếu có ai đó mà sưu tầm hết lá số của những người bị nạn trên máy bay, tôi nghĩ cũng khó mà biện luận cho thông cái lý ngần ấy lá số chết vào năm, tháng đó.

Phía tướng số thì có ghi chép rằng có thầy tướng nọ, đến vùng kia thấy sắc mặt người nào cũng u ám. Sau đó ít lâu, quả nhiên vùng đó bị giặc dã tàn phá. Hy vọng là cũng có hiện tượng tương tự cho trường hợp rơi máy bay.

4. Trong phép bói tung đồng tiền, nhiều người được quẻ không như ý bèn gieo tiếp và cứ gieo hoài cho tới khi được quẻ tốt. Như vậy thì sao?

Câu này thì sách có trả lời nhưng mãi sau này tôi mới được đọc. Đó là cuốn “Tăng san bốc dịch” của Dã Hạc Lão Nhân. Ông này cho rằng nếu bói một lần đã rõ nghĩa thì không nên bói lại, còn như chưa rõ thì thành tâm làm lại cũng được. Khi gieo quẻ thì thành tâm, trong lòng trống rỗng thì mới nghiệm, chứ cứ mong quẻ theo ý mình thì quẻ sẽ không ứng nghiệm.

Dù vậy, nhiều người cũng không chịu lý luận này.

5. Ta thấy một số sách bói nói, ví dụ: người mạng kim thì hợp với màu vàng vì vàng thuộc thổ.

Có anh bạn tôi, quyết lòng làm theo sách, đã chọn mua chiếc xe màu vàng. Nhưng mua rồi, đem về nhà ngắm thì thấy xe không hoàn toàn màu vàng (dĩ nhiên rồi, vì toàn vàng thì ... xấu quá) mà có chỗ xanh chỗ đỏ lung tung. Anh lại nghe nói “thiếu trắng đa” và càng lo lắng hơn. Tôi bèn giải thích cho anh là “thiếu trắng đa” là như chữ trên tờ giấy, phần chữ chỉ chiếm vài phần trăm diện tích tờ giấy nhưng người ta nhìn, đọc là ở phần này, nên nó là chủ đạo; tương tự, trong một viên thuốc, phần lớn là chất độn, chỉ có chút xíu dược chất nhưng lại là phần tạo ra công dụng chính của thuốc

Trong trường hợp chiếc xe thì lại khác, đập ngay vào mắt người ta là màu sơn chính của thân xe, ai mà chú ý các họa tiết khác. Ngay trên giấy tờ xe cũng ghi màu vàng đó thôi, nếu anh có bị police đuổi bắt, người ta cũng sẽ nói trên bộ đàm “Một chiếc xe màu vàng đang chạy về”. Anh bạn tôi nhờ vậy mới yên tâm.

Tuy nhiên, trong thâm tâm tôi, tôi nghĩ rằng lấy nọ năm sinh âm rồi suy ra màu này hợp màu kia không xem chừng vô lý quá, chắc không có tác dụng gì. Đồng đô la nào cũng màu xanh, nhưng tôi không nghĩ những người mạng thổ thì kỵ chúng?!

6. Nhiều người đặt vấn đề, giả sử anh X năm nay vận xấu nhưng anh quyết tâm làm cái gì cũng coi ngày, làm toàn vào những giờ hoàng đạo của những ngày “Đại cát, đại lợi ... tiểu tác tiểu phát, đại tác đại phát” thì sao, anh ta có thành công không?

Theo tôi thì xem ngày ốt xấu cũng như xem thời tiết, nó cũng chỉ là một yếu tố phụ trợ cho công việc thêm thuận tiện thôi. Chủ yếu vẫn là khí vận của người đó. Ví như anh đi cắm trại với gia đình, nếu trời đẹp thì cuộc đi chơi càng vui, nếu trời xấu mất vui đôi chút. Tuy nhiên, nếu anh phải đi với bà vợ lấm mồm, một bầy con ngỗ nghịch thì dù trời có đẹp cũng chẳng vui nổi. Ngược lại, nếu anh đi với người yêu mới, xinh đẹp dịu dàng, có khi trời càng giống tổ càng ... hay.

7. Lão tử khi tiễn Khổng tử ra về có nói “Những gì ông nghiên cứu thuộc về người xưa, người

xưa thì chết rồi, thời đại của người xưa cũng qua rồi, vì vậy những điều này không nên xem là bất di bất dịch”. Các khoa xem bói cũng có vấn đề này và liệu ngày nay cần điều chỉnh ra sao? Ôm nguyên khuôn của người xưa thì chắc là không ổn rồi.

Đành rằng phải đồng ý ngay là phải có điều chỉnh, nhưng điều chỉnh ra sao thì khó quá. Một ví dụ: có những bệnh như ruột thừa chẳng hạn, ngày xưa bị là chết, nhưng ngày nay thì chữa không khó khăn gì. Nếu cho rằng lá số có phản ánh các quá trình vượng, suy sinh học của cơ thể thì cái hạn lớn này trên lá số ra sao, chắc là sai chăng?

Vấn đề gay go nhất là phía nữ giới. Mọi lý luận của các khoa bói đều đặt trên nền tảng: đường chồng con có giá trị to lớn trong cuộc đời người đàn bà. Thêm nữa, vấn đề tiết hạnh rất được xem trọng. Những điều này ngày nay giảm giá trị đi rất nhiều. Trong tướng thuật thì mũi của đàn ông là cung quan, của đàn bà là cung phu. Ngày nay có cần sửa chữa điều này không?

Trong tử vi thì có những sao chỉ sự thất tiết của đàn bà như kinh – ky, cự - ky, đào-riêu mà ngoài ý nghĩa tiết hạnh ra còn mang nhiều ý nghĩa rất xấu. Lưu ý rằng ngày xưa để đàn ông ngoài chồng, cha ra nắm tay đã là “thất tiết”. Trong khi ngày nay, bạn khác giới cũng có thể hôn nhau.

Như vậy có 3 cách hiểu trong bối cảnh ngày nay:

- a. Những bộ sao này không còn ý nghĩa dữ dội nữa.
- b. Nếu có những sao này, người phụ nữ sẽ có đời sống tình ái rất dữ dội để gánh tai tiếng và rắc rối tương đương như ngày xưa. Hoặc có thể hiểu là không bị ý nghĩa xấu này sẽ bị ý xấu khác.
- c. Nhìn chung, lá số không chỉ sự vật mà chỉ cảm giác, cảm nhận của đương ng số đối với sự vật. Như vậy thì không phụ thuộc văn hóa và đạo đức xã hội nữa nhưng cách luận đoán diễn thành sự việc thì phải thay đổi. Điều này tùy vào vốn sống và kiến thức xã hội của ông thầy.

Thật sự tôi chịu không dám chắc hiểu thế nào là đúng. Ý cuối cùng có vẻ khả chấp hơn cả nhưng cũng có cái kẹt. Ví dụ hai câu phú rất nổi tiếng:

Sao Thai mà ngộ Đào hoa
Tiền dâm, hậu thú mới ra vợ chồng.

Trong bối cảnh mà chuyện con đi theo ôm váy cưới cho mẹ trong lễ thành hôn còn là chuyện thường thì ... bộ sao này có còn ý nghĩa gì? Có thể là nó sẽ chỉ một hiện tượng gì đó khác trong chuyện hôn nhân. Cái cảm giác, cảm nhận của những người “tiền dâm, hậu thú” ngày xưa ra sao, diễn dịch trong bối cảnh ngày nay thì như thế nào?

8. Gieo quẻ để đoán vật.

Cách đây hơn 10 năm, trong khi điếm trại với một nhóm bạn, tôi đem theo quyển sách chỉ cách xem Mai hoa dịch. Một anh bạn tò mò đọc được lỏm bộm đoạn “Đoá n vật” bèn đánh cá tôi đoán vật mà anh ta bí mật cầm trong tay trong khi tôi phải đi ra ngoài. Tôi nhớ tới chuyện Thiệu Khang Tiết bảo con mình đoán vật khi có hàng xóm sang gõ cửa và nghĩ rằng việc đoán vật là 1 bài tập hay nên nhận cá. Trong lúc tôi ra khỏi lều, bạn tôi bèn chọn một món đồ và cầm trong tay. Tôi trở vào và phải xử quẻ để đoán vật ấy.

Tôi ghi lại chính xác những gì tôi đã nghĩ lúc đó, mặt dù có thể đối với nhiều người đọc bài này thì thật là mông muội và bậy bạ.

Tôi bấm lục nhâm đại độn và được Đại cát lâm Tý tức trạch thủy Khổn. Vừa đoán vừa nói ra thành lời cho tất cả mọi người nghe. Vì trạch là kim nên có lẽ vật sẽ tròn và có màu trắng và bằng kim loại. Không tính Thủy vì thủy thì không nằm trong lòng bàn tay được mà có lẽ vật này liên quan đến nước. Tôi đoán chắc là nắp chai bia (bằng kim loại) màu trắng và đã cong vênh không còn dùng được nữa.

Khi bạn tôi mở nắm tay ra thì đó là nắp chai nước suối đã bị tép và có màu trắng, bằng nhựa. Dù theo quan điểm lý số, tôi thất bại thảm hại trong biện luận ngũ hành nhưng các bạn tôi thì đâu có rành nên cũng tròn mắt thán phục và cho tôi được “thủ hòa”. Tuy nhiên, họ bắt tôi làm lại lần nữa. Họ thấy tôi biện luận dựa nhiều vào cái lý “nằm trong bàn tay” nên lần này họ lấy cái nón úp lên vật mà tôi phải đoán.

Lần này tôi không dùng Lục nhâm nữa mà tính một quẻ tiên thiên, được thiên sơn Độn, biến ra phong sơn Tiệm. Tôi lại cho đó là vật tròn, màu trắng. Sở dĩ tôi bỏ qua hành thổ vì cho rằng thổ là căn bản, cái gì mà chẳng có thể về với đất. Tôi lại thấy có hành mộc, chắc là thứ gì dễ cháy như giấy. Vậy là lần này họ làm khó tôi bằng cách chọn thứ có hai chất liệu khác nhau. Tôi hối hận đã biện luận cho họ nghe ở lần trước. Trong hồ quái có thêm hành hỏa, vậy chắc là vật bằng kim loại được rèn đúc. Tuy nhiên, như đã nói, lần này vật cần đoán nằm dưới cái nón to, không thể loại các vật to được.

Tôi nghĩ: “hay xét thêm ý của quẻ xem sao”. Tiệm là tiến từ từ, và như có ai nhắc, trong đầu tôi chợt lóe lên: đồng hồ. Kim đồng hồ tiến từ từ, bằng kim loại, dây đồng hồ bằng da, dễ cháy. Thấy rằng có nghĩ thêm cũng không sáng hơn được, tôi bèn nói liều luôn: “đồng hồ đeo tay, có dây da”. Những tưởng sẽ nghe một tràng cười chế giễu, không ngờ bạn tôi giở nón lên, dưới nón là đồng hồ dây da thật và họ nhìn tôi thán phục.

Họ có yêu cầu tôi làm lần thứ 3 nhưng tôi chào thua vì biết rằng may mắn không thể lặp lại 3 lần. Bây giờ, có ai cá thách tôi làm như vậy nữa, tôi sẽ không nhận dù bây giờ kiến thức của tôi về ngũ hành vững vàng hơn trước nhiều.

Lý trong tướng số

Khi học lý số, một số người thích sưu tầm những công thức ngắn gọn, rõ ràng và ghi nhớ như là bí kiếp. Thật ra, việc giải đoán không thể quá đơn giản và dễ dàng công thức hóa khi mà ta mong đợi nó đoán chính xác cuộc sống thiên hình vạn trạng và vốn cũng không mấy khi rõ ràng dứt khoát .

Tất cả đều là gián tiếp

Có người thắc mắc tại sao có sách nói cung phụ mẫu ở tai, sách khác lại nói ở đỉnh trán và sách khác nữa lại nói nằm ở hai phần thái dương và thái âm trên trán.

Thật ra thì, tai (nhất là phần trên – tướng thuật chia tai chia làm 3 phần) cho ta biết về sự chăm sóc về vật chất trong thời thơ ấu mà đương số được hưởng. Ví dụ như có được cho ăn đầy đủ không, đau ốm có được chạy chữa không, lạnh có được ủ ấm không ... v v. Trong khi đó, phần đỉnh trán là vùng biểu thị chất lượng tình cảm và tinh thần mà đương số được hưởng trong khoảng thời gian khoảng từ 2 cho tới 9 tuổi. Phần thái âm và thái dương thì cũng tương tự vậy nhưng từ khoảng 9 tuổi tới 14 tuổi. Vùng âm và dương và phần phụ cận nói lên thanh thế và truyền thống gia đình. Dĩ nhiên, nh ững dấu hiệu của tai giúp ta, một cách gián tiếp, phần nào đoán được về cha mẹ của đương số và trán cũng vậy. Tuy nhiên, nếu hiểu rõ bản chất vấn đề như trên, ta có thể phối hợp để, chẳng những hiểu chi tiết hơn về tình trạng cha mẹ của đương số mà còn cả cái cách đương số được nuôi nấng và lớn lên – một mảng thông tin hữu ích cho cho việc tìm hiểu những mặt khác của cá nhân này.

Có nhiều vấn đề mà thông tin gián tiếp rất không chắc chắn nếu chỉ xem một bộ vị như khi xem quan vận hay tài vận. Có sách nói rằng quan vận ở giữa trán, sách khác lại nói quan vận ở mũi. Nhưng chắc chắn là hai bộ vị này không đủ để xác quyết vấn đề.

Vào khoảng từ 14 đến đến 28 tháng tuổi, trẻ sơ sinh bắt đầu biết phân biệt “ta” và “người”. Khả năng xử lý với các cảm xúc khi tương tác với người xung quanh, chúng học ở những người nuôi dưỡng chúng trước tiên, sau qua bạn bè thầy cô. Khả năng này thể hiện ở trán. Ngoài ra, trí năng và các xu hướng tư duy cũng thể hiện ở đây vì sau khi nhận thức thấy mình tồn tại, tư duy phân biệt được, thua, hơn, thiệt bắt đầu phát triển mạnh (mà các rắc rối của cuộc đời cũng theo đó mà tới.). Thế nên xem trán cho ta ước đoán khả năng thành công của một người. Thế nhưng đấy chỉ là ước đoán thôi, đầu óc không chưa đủ, người đó cần có một nền tảng khí lực dồi dào nữa. Trong tướng số, mũi tượng trưng cho hai cơ quan hết sức quan trọng, đó là phổi và tim. Về tổng quát, nó biểu trưng cho khí lực tiềm tàng, tức khả năng thực hiện tới cùng một việc khi người ta muốn. Mũi như là ngọn núi trung tâm, khí luân chuyển trên mặt người đều đi qua mũi gi ống như khí luân chuyển trong cơ thể qua cột sống. Vì vậy mà phải kiểm tra mũi như là một điều kiện cần nữa cho sự thành đạt.

Ngoài ra, người ta muốn gì cũng là một điều quan trọng. Nếu chỉ mong muốn những thứ quá điên rồ hay vượt quá xa khả năng thì khó có thể thành công. Ta lại phải nhìn qua vùng lông mày

và mắt, đặc biệt là mi cốt cơ quan biểu trưng cho những xu hướng cảm xúc của chúng ta. Hầu hết các sách đều cho rằng cái hay của mũi chỉ được phát huy khi phần mắt không ám hãm.

Mà như tôi đã từng viết ở đây, có tài năng thì cũng phải đổ mồ hôi, tức muốn nên chuyện thì kiểu gì cũng phải vất vả lắm, điều mà nhiều người không mấy sẵn lòng chịu đựng. Ta cũng thường thấy trong đời những người không thiếu khả năng nhưng ngại làm việc, thích vui chơi, lè phè hơn. Người ta chỉ có thể chịu đựng hết các nỗi cực khổ, nhọc nhằn trong công việc khi người ta có đam mê mạnh mẽ. Năng lực tinh thần này thể hiện ở quyền. Bộ quyền cho ta biết năng lực đam mê, sự cuồng nhiệt của một người có kéo dài và mạnh mẽ không, có dám xả thân cho mục đích của mình không. Quyền ăn theo mũi, nếu quyền to mà mũi kém thì có thể có lắm chuyện không hay (Kháng quyền bất như kháng tị - xem quyền rất khó, sai một tí đi xa lắm). Người mà có hết những điều kiện trên cũng khá chắc là thành công nhưng để sự nghiệp to tác còn hai điều nữa, đó là: họ sống có thọ không và có đủ nhẫn tâm không. Vì rằng “nhất tướng danh thành vạn cốt khô”, để thành công, đôi khi người ta phải rất nhẫn tâm để làm việc phải làm. Thế nên, chúng ta cũng phải xét xem hàm họ có đủ to không, răng của họ có mạnh mẽ đủ uy hiếp người khác không.

Cách xem khác là bắt đầu từ mũi rồi xem rộng ra quyền, trán, mắt và hạ đình. Trình tự và lập luận có khác nhưng những bộ vị cần xem thì cũng như nhau. Cách xem như vậy có sách gọi là “Hỗn lưu cục”. Có sách không gọi tên nhưng có chỉ cách phối hợp, có điều là có lẽ để tránh đi việc quá rườm rà, phức tạp làm hoa mắt người đọc, họ chỉ nói qua loa và không hề giải thích tại sao khi xem cái này lại phải phối hợp cái kia và phối hợp ra sao.

Những sai lầm và vài nhận xét.

Hồi mới học tướng, có lần trà dư tửu hậu, tôi khoác lác rằng muốn biết cha mẹ thế nào thì phải xem trán. Có ông khoảng gần 50 mồm cười hỏi tôi thấy cha mẹ ông ra sao. Tôi nhìn và thấy đỉnh trán hơi hãm, chỉ hơi thôi, nhưng vì không biết cân phân nên tôi bèn nói đại chung chung là “anh xa cha mẹ từ nhỏ nhưng không rõ vì sao”. Ông này nói “tôi sống với cha mẹ từ nhỏ cho tới trưởng thành” nhưng cũng công nhận cha mẹ ông không bình thường. Số là, cha ông tới năm ngoài 60 mới quan hệ với mẹ ông, lúc đó là một người ở trong nhà mà sinh ra ông. Có ông thì cha ông mừng lắm nhưng tuổi đã cao, không có chuyện bế ông đi quanh nhà mỗi khi ông nóng sốt hay khóc quấy không chịu ngủ, càng không có hành động giáo huấn nghiêm khắc mỗi khi ông có lỗi lầm như kiểu những người cha thường làm đối với con trai. Còn mẹ ông, là thân phận người làm, việc săn sóc gần gũi ông hết sức hạn chế và chịu sự giám sát chặt chẽ của các bà chị lớn tuổi và khó tính của ông. Câu chuyện này cho ta thấy một kiểu sai lầm không tránh khỏi khi xem qua sơ sài theo công thức và cũng là hậu quả của sự không hiểu rõ những chỉ dấu đó, về bản chất nói lên điều gì.

Có lần tôi đọc đâu đó, có người nói, hai tai mà ép sát đầu thì là quan chức nhà nước. Cái này cũng là một công thức rút gọn đốt cháy hết các bước trung gian. Thật ra, những người có tai vểnh ra (nghinh phong nhĩ) thường không nhẫn nại, hay phản kháng lại hoàn cảnh nên có khả năng (chỉ là có khả năng thôi) dẫn đến số phận lên đên, thăng trầm, vô định. Ngược lại, những người có tai ép sát đầu, dung nạp hoàn cảnh tốt hơn, nhẫn nại và có khả năng điều chỉnh bản thân mình theo thời thế. Chính vì lý do này, trong một hoàn cảnh xã hội nhất định, loại người

này dễ thăng tiến trong các cơ quan công quyền. Tuy nhiên, không phải ai có tai ép sát đầu cũng thành quan chức. Tôi có người bạn hiện buôn bán máy vi tính ở Bùi Thị Xuân, tai cũng ép sát đầu. Anh này cho rằng bí quyết để mình tồn tại cạnh những cửa hàng to lớn, rục rĩ là khả năng phục vụ tận tụy và chiều theo những ý muốn quái đản hay khó chịu nhất của khách hàng. Điều ngược lại cũng vậy, hãy thử tìm trên mạng và nhìn ảnh chụp ông Huỳnh Ngọc Sĩ, nhân vật chính trong vụ hối lộ PCI, hai tai ông này không hề ép sát đầu nếu không muốn nói là hơi vênh.

Hiểu rõ và đi vào thực chất hơn cho phép chúng ta phối hợp chữ THỜI vào trong luận đoán. Trong thời thái bình, ngư ời tài không cần máu lửa lắm cũng có thể được khuyến khích phát triển và thành đạt, nghĩa là trán đẹp mũi đẹp là khá đủ; Còn trong thời loạn lạc, không cần tài nhiều mà chỉ cần quan hệ tốt, thì một cái trán tốt, tai tốt cũng làm được quá nhiều điều.

Nhân đây cũng nói qua hai khuynh hướng trong tướng số. Một khuynh hướng chú trọng hình xương, còn khuynh hướng kia chú trọng những biểu hiện bên ngoài như da thịt, nốt ruồi ... Xem xương tất nhiên khó hơn vì nó nằm ẩn bên dưới nhưng có phần chắc chắn và đỡ gián tiếp hơn, còn phần thịt và da thì gián tiếp của hình xương và có thể dễ có nhiều sai lệch do mập ốm, nắng mưa ... và thẩm mỹ viện. Có điều, da thịt nằm ngoài nên dễ xem hơn. Trong những ví dụ ở trên, xu hướng xem hình xương coi cung quan và phụ mẫu đều ở trán, còn xu hướng thứ hai cho là phụ mẫu ở tai còn quan lộc ở mũi. Trán là nơi nhìn được xương rõ nhất trên mặt, sau đó là quyền và hàm (kể cả răng).

Xu hướng xem xương thì chú trọng nhiều tới quan sát chuyển động của đương số như đi đứng nằm ngồi, quan sát toàn thân (long hổ cốt, bàn tay, bàn chân, lưng, cổ chân, đầu gối ..) , ít chia hình cách và luận ngũ hành nhưng xem kỹ âm dương (thịt là âm; xương là dương; cong, mềm, tròn là âm; thẳng, cứng góc cạnh là dương ... âm dương phải tương xứng và đúng vị), phương vị (tướng nam, tướng bắc ...). Xu hướng kia thì ngược lại, chú trọng cục cách (như kiểu tướng cạp, tướng khi, ngũ đoán, ngũ lộ ...), ngũ hành (chia hành các phủ và độc, định hành tướng người ...) và rất quan trọng nốt ruồi. Vì dễ xem hơn, các kiến thức về tướng phổ biến thường thuộc xu hướng này.

Khi học sâu hơn, cũng như những môn khác, người ta sẽ thấy sự hội tụ của các xu hướng và biết áp dụng các kỹ thuật đúng lúc, đúng chỗ. Ví dụ như nếu quá chú ý nốt ruồi, gặp giống dân Bắc Á, nội đếm nốt ruồi thôi cũng đủ mệt chứ đừng nói chi luận giải ý nghĩa. Còn như quá chú ý tới chuyển động, có thể sẽ cảm thấy khó khăn khi phải xem qua hình (rất mất hiện nay, có người còn xem tướng qua lời mô tả nữa!?). Dù sao, phải nhớ rằng, những nhân vật hàng đầu thiên hạ thường có một khung xương mỹ tú dù da thịt có thể tầm thường.

CÁC LỚP Ý NGHĨA CỦA NHÂN DIỆN

Có 3 lớp ý nghĩa chính cho cùng một vị trí trên mặt người. Đó là:

- Các bộ vị, sách gọi là ngũ nhạc, ngũ độc, lục phủ ...
- Các cung, giống tử vi như mệnh, tài, quan ...
- Các niên vận, như từ đỉnh trán đếm xuống là 15, 16, 19, 22, 25 tới ấn đường là 28...

Còn nhiều lớp ý nghĩa khác như y tướng học dùng trong đông y, phương vị trong địa lý ... nhưng không bàn ở đây.

Vấn đề là khi xem và luận cát hung của từng lớp, cách đánh giá khác nhau. Ví dụ: không thể nói nam nhạc đẹp thì là cung phụ mẫu đẹp, các hạn trên đó đẹp. Nói chung là cái mệnh đề “Cái trán này đẹp” là chưa đủ và tối nghĩa. Để cho dễ hiểu, lấy cái trán làm ví dụ:

Lớp thứ nhất: Trán là nam nhạc thuộc ly, chủ văn minh. Thường người ta xem trán để đoán trí tuệ và xu hướng tiềm tàng của đương số. Ví dụ trán phẳng dẹt đứng là người thông minh, mạnh về logic (tư duy hội tụ), trong khi người có trán cong, rộng thì mạnh về trực giác và sáng tạo (tư duy phân kỳ). Tùy vào hình thể rộng hẹp, ta có thể có manh mối về nghề nghiệp phù hợp với đương số ... đại khái vậy, thật ra thì đây là lớp khó nhất và phức tạp nhất, cũng là lớp thuần tướng số nhất.

Lớp thứ hai: Khi xem cung phụ mẫu, chỉ có phần đỉnh trán và phần thái Âm, thái Dương là liên quan mà thôi. Cái cần nhìn trước tiên là độ cong từ đỉnh đầu xuống của phần đỉnh trán và độ rộng của nó. Đường cong này phải tự nhiên không móp hãm thì cha mẹ mới ổn. Nếu không có đường cong này, tức từ chân tóc ra, trán hầu như thẳng xuống, có thể đoán là không gần cha mẹ lúc nhỏ (được gửi nuôi).

Lớp thứ ba: Các hạn vận thì chủ yếu xem hình dạng hình học của vùng cục bộ đó và màu sắc của nó. Nếu chỉ có một phần của hạn bị khuyết hãm hoặc có màu sắc bất thường, phải nghĩ là người thân của đương số có nạn chứ không phải bản thân đương số. Nhấn mạnh về màu sắc: Màu là màu của phần da thịt ẩn dưới lớp da ngoài, đừng lầm với màu da mà xoay ra tính luôn lang beng và mụn nhọt vào luận đoán.

Nhân đây cũng nói thêm là theo truyền thống, đầu tiên phải học xem lớp thứ nhất cho thuần thực rồi mới tới các lớp kia nhưng tôi thấy có người viết cuốn sách, tiếp cận theo hướng nhào vô coi hạn liền. Theo tôi, đây ững là một ý hay vì nói cho cùng xem bói là xem ~~điều~~ nào có chuyện gì xảy ra, khi nào dựng chuyện thì tra cứu ngược lại các cung và bộ vị để kiểm chứng cũng được.

VĂN, LÔNG MÀY VÀ NỐT RUỒI

1. Văn - các nếp nhăn trên mặt.

Trán thường có 3 nếp nhăn, theo thứ tự là Thiên, tượng cha mẹ, người trên; Nhân, tượng trưng bản thân và Địa, kẻ dưới, vợ con bạn bè. Theo những phái coi trọng văn, thì những đường này hết sức quan trọng, họ chia làm nhiều hình tượng như cô quả văn, độc hạc văn ... Nói chung, văn rõ vừa phải, thẳng không đứt đoạn là tốt, thiếu văn hay chỉ có một nửa đường thì xấu.

Như có thể đoán, việc hình thành các văn này được tạo ra từ tính tương hợp âm dương của trán, tức độ cong, phẳng, thịt, xương Ví dụ: văn trên cùng tượng cha mẹ, nếu hai phần Nhật Nguyệt giác tương hòa, văn này sẽ thẳng, còn nếu một trong hai hãm khuyết, văn này sẽ đứt đoạn.

Về văn ở ấn đường, chỉ có mỗi trường hợp là có hai đường song song là ngon thôi, bát tự văn (hình chữ bát) hay huyền châm phá ấn (một đường xuyên ngang ấn đường) đều xấu. Cũng tương tự trán, văn này ra sao cũng bị quyết định bởi độ nhô của mi cốt và độ rộng của ấn đường.

Số nếp nhăn của đuôi mắt, nhiều người khoái chuyện giật gân, cho là số cuộc tình. Thật ra những cơ quanh mắt có hai nhóm. Nhóm cơ phía trong, sát mắt thì người ta có thể điều khiển theo ý mình (để nhắm, mở mắt). Nhóm cơ phía ngoài thì chỉ co giật theo cảm xúc của chúng ta và phần lớn chúng ta không thể điều khiển được (theo Paul Ekman). Nhìn vùng cơ này, ta có thể đoán được các xu hướng xúc cảm của đương số. Khi nhóm cơ ngoài co, nhóm cơ phía trong sẽ bị nhăn bất thường, chính vì vậy, dò tìm các xúc cảm đã qua thì nên nhìn những nếp nhăn sát mắt chứ không phải đuôi mắt.

Kết luận cho chuyện văn trên mặt: nếu đã xem kỹ được hình cốt và da thịt thì văn không còn mấy ý nghĩa nữa. Vấn đề là, văn dễ xem hơn nhiều, không cần khả năng quan sát hình 3 chiều (mà nhiều người rất kém) nên phủ nhận toàn bộ giá trị của nó thì cũng không đúng, nhưng tin hoàn toàn thì cũng không nên. Tốt nhất là xem đó như là một gợi ý.

2. Lòng mày: Có người nói “văn danh tại mi” - nếu muốn biết anh là loại người gì thì hãy nhìn lòng mày. Có người thì cho là lòng mày chẳng qua là chi tiết ngoại vi, không đáng kể.

Thật ra lòng mày đánh dấu mi cốt. Thế của lòng mày cho ta biết hình của mi cốt.

Thử khảo sát vài vấn đề lòng bùng xung quanh lòng mày.

Lòng mày giao nhau thì sao: Nếu lòng mày giao nhau, trong nhiều trường hợp, là do hai mi cốt quá gần, tất nhiên làm cung mệnh hẹp lại, nếu mi cốt mà nhô cao, cung mệnh sẽ tối đi. Nếu là vậy, tất nhiên khả năng thích ứng và giải quyết các xung đột trong cuộc đời của đương số kém dẫn đến đời sống nhiều điều bất toại ý. Nếu cạo đi thì cũng chẳng thay đổi được gì vì phần mi cốt bên dưới vẫn thế.

Trường hợp ngược lại, lòng mày lấn vào ấn đường chỉ vì tốt râu, tốt tóc quá, hai mi cốt vẫn đủ xa và phẳng thì không có vấn đề gì nghiêm trọng cho bản mệnh, hơi có vấn đề chút cho người phối ngẫu thôi. Mà đã thế cũng chẳng đáng để cạo.

Có người luận là lòng mày giao nhau là anh em xung khắc là hoàn toàn sai. Cung huynh đệ không nằm ở đầu mày. Đuôi mày cũng chỉ là một phần của cung huynh đệ thôi. Thế nên, những

người có đoản mi, la hán mi, vĩ tán mi cũng chưa chắc là xung khắc anh em. Mà đâu cứ xung khắc mới xấu.

Thế của lông mày, như trên đã nói, phản ánh hình dạng của mi cốt và hố mắt; độ xanh tươi, rậm rạp của mày tùy thuộc vào độ nhô của mi cốt.

Sách nói mi trường quá mục thì chung thân phú quý: thật ra sau câu trên, người ta cũng nhấn mạnh là quang mắt phải tốt thì mới ăn được cách này. Chẳng cần mi trường quá mục, quang mắt mà đẹp thì mọi hình tướng xấu của mắt sẽ giảm nhẹ đi gần hết (trừ quẻ nhĩn).

Cũng tương tự như văn, mày thì dễ xem hơn mi cốt và những vùng phụ cận nhưng cũng dễ nhầm lẫn.

3. Nốt ruồi:

Tôi có thấy khoảng 5 hay 6 cái sơ đồ nốt ruồi trên mặt kèm theo chú giải cho từng vị trí trong các sách khác nhau. Đáng buồn là không cái nào giống cái nào.

Như đã từng nói trong phần viết về các phương pháp đoán số, nền tảng của con người là khung xương, kế tới da thịt và cuối cùng là khí vận chuyển trong hệ thống kinh lạc trong cơ thể (các thầy châm cứu nghiên cứu hệ thống này rất kỹ). Nếu dòng sinh lực này bị nghẽn hay phát động bất thường, nốt ruồi được sinh ra.

Như vậy, nốt ruồi chỉ là dấu ấn hay là tiềm ẩn báo trước một sự việc. Điều này là dĩ nhiên thôi vì một nốt ruồi ngoài da, có khi lúc ẩn lúc hiện không thể phủ định cái căn bản xa xa của con người là xương cốt, tức không có thể có nốt ruồi sát phu như kiểu mũi hay quyền sát phu được.

Để cho dễ định hướng và tự kiểm tra, người học tướng nên luận nốt ruồi theo kiểu dấu tích của quá khứ hay báo trước một sự kiện. Ví dụ: nốt ruồi ẩn trong đuôi lông mày là dấu tích của tai nạn sông nước hay hỏa hoạn trong quá khứ. Nếu đương số chưa từng bị nạn này, thì nạn có thể xảy ra ở khoảng ngoài 40 tuổi. Ví dụ khác là nốt ruồi trên chóp mũi. Nó có thể chỉ tính hay cờ bạc của nam, tình chồng nhạt nhẽo ở nữ nhưng không chắc đúng 100%, cái chắc chắn là nó chỉ ra một sự chia cắt tài sản hay nặng hơn là phá sản, trắng tay vào tầm ngoài 30 tuổi.

Về phật giáo

Ngày tết lại nhớ đến chuyện đi chùa và phật giáo. Vài lần trên forum có đả động đến phật học, mọi người tranh luận khá gay gắt, nhiều người còn nổi giận trái hẳn với tinh thần ôn hòa và nhẫn nhịn của nhà phật.

Tại sao có chuyện như vậy? Dù sao thì phật giáo cũng vào Việt nam cả nghìn năm rồi mà sao lại có những khác biệt lớn như vậy trong hiểu biết của mỗi người? Dưới đây tôi xin trình bày kiến giải của mình về hiện tượng này với hy vọng là người ta sẽ đỡ ngạc nhiên khi nghe ý kiến của người khác và đỡ gay gắt hơn khi tranh luận.

Đức phật đi thuyết pháp khoảng 2500 trước mà cố ý không để lại văn tự. Phật cho rằng “làm theo lời ta nói các người sẽ đến được đạo, nhưng lời của ta không phải là đạo”.

Đã vậy, trước khi chết phật còn từ chối chỉ định người thay thế lãnh đạo tăng già và nói rằng những điều luật trước đây, nếu hội đồng tăng già thấy cần thì có thể thay đổi (Một trong những lời cuối cùng của phật: “Tất cả sự vật duyên hợp đều phải thay đổi; các con hãy chuyên cần để đạt giải thoát”) và mỗi người phải tự thấp đuốc lên mà chiếu sáng con đường của mình.

Chính vì những lẽ này, ngay đại hội lần đầu tiên sau khi phật nhập diệt mà mục đích chính là ghi lại giáo lý của phật thành sách, đã có nhiều ý kiến muốn thay đổi một số điều nhưng người có uy tín nhất thời đó là Ma-ha Ca-díp không đồng ý. Trong khoảng 600 năm sau đó, có vài đại hội tăng già nữa và các vị ấy đã bất đồng nhau sâu sắc.

Một nhóm chỉ muốn xem những gì phật nói là đã đủ và không cần thay đổi hay bổ sung gì thêm trong khi nhóm kia thì muốn phát triển thêm triết lý của phật và sửa đổi một số điều cho phù hợp với sự thay đổi của thời thế.

Nguyên nhân của đòi hỏi thay đổi là rất rõ ràng và cấp bách: theo đúng tinh thần của phật, mỗi người phải tự đi con đường của mình đến giải thoát, không ai giúp được cho ai hay “độ” được ai. Điều này làm cho việc truyền đạo và phát triển đạo thành quá khó. Nguyên nhân là số người có thể hiểu lời dạy của phật và tự tu thân quá ít, đa phần người ta đến với tôn giáo là do yếu đuối và cần nơi nương tựa tinh thần.

Chính vì lý do này mà phái canh tân (gọi là đại thừa hay bắc tông, còn phái kia là tiểu thừa hay nam tông) mới đưa ra khái niệm bồ tát, tức là những người có khả năng cứu độ, dẫn dắt người khác. Đồng thời, người theo đạo cũng không cần hiểu hết giáo lý của phật mà có thể thông qua một số nghi thức và giới luật mà ... tiến từ từ theo dẫn dắt của chư tăng và ... bồ tát!

Phái bắc tông phát triển mạnh và từ khoảng thế kỷ thứ nhất tới thế kỷ thứ năm sau công nguyên, phát triển một nền triết học phật giáo đồ sộ. Các vị được coi là tổ của đại thừa như là Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân có vẻ như là những triết gia hơn là những nhà sư. Nhìn chung, những triết lý này, khó đọc, khó hiểu và nếu hiểu, chắc chắn nhiều người phải ngỡ ngàng vì tính triết lý nặng nề của nó. Nhiều khi thoát nghe, người ta cứ tưởng đấy là triết học Hy-La. Rồi chính trong đại thừa cũng chia ra nhiều nhánh và mâu thuẫn nhau không ít. Trong số đó, hai

nhánh bị xem là đi xa ra khỏi học thuyết của phật nhất là Thiền Tông và Kim Cương Thừa, lại trái ngược nhau nhất.

Ở Việt nam thì bắc tông từ TQ truyền xuống, nam tông thì từ phía tây nam truyền qua nên có cả hai dù nam tông ít phổ biến hơn.

Nam tông, tức phật giáo nguyên thủy hay còn gọi là tiểu thừa thì bám chắc vào những gì được ghi lại trong đại hội tăng già đầu tiên và theo đó mà tu tập. Họ không ăn chay. Tôi có dịp tiếp xúc nhiều với những vị tu theo tiểu thừa. Nhiều lần tôi hỏi họ tại sao không ăn chay nhưng ít khi họ trả lời một cách hàn lâm. Thường thì họ nói với một nụ cười “Tôi đổ anh tìm được trong kinh điển của phật chỗ nào nói là cấm ăn thịt cá. Thậm chí không có từ ăn chay”. Tất nhiên là tôi không tìm được vì biết cái nào là kinh điển chắc chắn của phật. Có vị đưa ra một dữ kiện là vào thời đó, nhiều vùng của Ấn độ vẫn còn du mục mà thực phẩm chính là thịt và sữa, ngũ cốc rất hiếm. Mà đã khát thực thì người ta cho gì ăn nấy chứ. Dù cái lý này khá thuyết phục về mặt lịch sử nhưng rõ ràng trong xã hội của ta hiện nay, ăn mặn là khuyến khích sát sinh, mà cấm sát sinh thì không thể chối cãi là một giới rất nghiêm trong phật giáo. Một vài vị khác thì đưa ra lời phản bác đại khái là “thà ăn cái đuôi gà mà tâm nghĩ là cái bắp cải còn hơn là miệng ăn chay mà tâm thì tưởng đến nào thịt quay, tôm, cá ...”. Câu này nhằm chỉ trích thói quen hay làm các món chay nháy theo các món mặn của bên bắc tông (vào quán cơm chay là có đủ cả heo bò gà cá ... làm giả từ ngũ cốc và thảo mộc). Tuy ý này rất tốt để phản bác bắc tông nhưng nói cho cùng nếu ăn bắp cải thì vẫn tốt hơn đuôi gà vì như vậy sẽ đỡ sát sinh hơn. Ngoài ra, có một lý do không kém phần quan trọng để người tu hành phải ăn chay là “thực nhục dã dưỡng hân”, ăn thịt thì khí huyết bùng bùng, khó giữ giới hơn nhiều.

Đã vậy, theo giáo lý của nam tông, tuy không phải ăn chay nhưng chỉ được ăn một buổi vào giữa trưa mà thôi. Thực tế, nhiều nhà sư ăn cả ba buổi.

Kinh văn của nam tông, như nói ở trên là kinh cổ, khó đọc hơn những bài kệ có vần có điệu của bắc tông nhiều nên nhiều sư “ăn cơm nam đọc kinh bắc” hoặc đọc kinh mà không nhớ và không hiểu gì.

Bắc tông, tức đại thừa thì chẳng những phát triển nhiều triết lý mà còn nhiều truyện thần thoại và nhất là dung nạp rất nhiều tính ngưỡng bản địa vào phật giáo. Tam giáo đồng nguyên ở TQ là một ví dụ.

Câu chuyện được những tu sĩ bắc tông nhắc đến nhiều là chuyện đức phật thuyết phục em mình, là một vị hoàng tử đi tu khi sắp cưới vợ. Phật đã dùng thần thông đưa ông này vào cõi trời rồi hỏi ông: so với những tiên nữ thì nhan sắc vợ sắp cưới của ông ra sao. Ông này nói “chẳng khác nào bộ xương của con khỉ già”. Đức phật nói nếu ông chuyên cần tu tập thì sẽ có cơ hội tiếp cận các tiên nữ. Thế là từ đó, ông chuyên tâm tu học, đắc quả A-la-hán và tất nhiên không còn muốn cưới tiên nữ nữa.

Cái ý trong chuyện này là, tuy tham ái là nguồn gốc của khổ nhưng có thể dùng tham ái để dẫn dụ người ta vào đường tu. Khi người ta giác ngộ, tất nhiên sẽ không còn tham ái nữa. Ý tưởng thì như vậy, nhưng khi đem ra thực hành thì có nhiều ngộ nhận và sai lạc. Thế nên Nguyễn Hiến Lê trong quyển lịch sử thế giới, đã viết đoạn sau khi nói về đạo phật:

“Sau đạo càng ngày càng truyền đi càng sai lạc, thành một tôn giáo: người ta lập chùa, tô tượng, đúc chuông, đặt ra các chức hòa thượng, yết ma ...! Giáo lý của Thích ca đã ít người thuộc, mà tới tượng của Thích ca cũng ít người biết tới, còn tượng Quan Âm, một nhân vật tưởng tượng thì rất được sùng bái. Thật ngược đời. Đáng nực cười nhất là có kẻ bỏ tiền ra thuê một ngọn cờ, treo ở chùa và tin rằng mỗi lần cờ phất trong gió là tụng được một bài kinh mà tụng được ‘vạn bài kinh’ như vậy, là được lên Nát bàn!”.

Nhiều người hiện nay, đúng là không chú ý gì tới giáo lý, chỉ tin tưởng càng tạo nhiều công đức thì càng được phát tài và có tội, có nạn thì chỉ việc đi cầu bồ tát.

Trong khi cái phần truyền ra cho các tín đồ thì thô thiển như vậy, nhưng các vị cao tăng đại thừa thì triết lý hết sức thâm sâu. Và, vì triết lý dữ quá, nên không tránh khỏi nhiều chỗ kẹt và mâu thuẫn giữa các phái với nhau (thể mới hiểu tại sao phật chỉ nói đến thể thôi, không nói thêm). Ví dụ: trường phái duy tâm cho rằng, vì có cái nhiều nên mới có cái duy nhất, vì có cái hữu hạn nên mới có thể bàn về vô hạn, vì có khổ đau nên mới có niết bàn. Tất cả là do tâm phân biệt, biện giải mà ra. Cái nhìn tuyệt đối vượt trên cái tương đối là không có dài ngắn, tốt xấu, trần gian hay niết bàn cũng không có nốt. Các vị này nói nhiều về giấc mơ. Như khi nằm mơ, ta thấy cảnh nhà cháy lửa bén tới nơi, ta vật vờ hoảng hốt, nhưng khi tỉnh mộng, ta biết đó chỉ là tạo tác của tâm và ta không còn hoảng sợ nữa. Phát triển đến đây, thì vấn đề là nếu tất cả là tâm tạo, cả chúng sinh đau khổ và niết bàn cũng là tâm tạo, thì cần gì đến bồ tát phải động lòng và cứu độ nữa? Họ lại lấy tiếp ví dụ là giấc mơ: Nếu ta trông thấy người bạn cùng giường đang mơ giấc mơ dữ, vật vờ, la hét, ta biết rằng những điều mà họ đang thấy là không thật, nhưng cái đau khổ mà họ đang trải qua là thật, nên ta phải đánh thức họ dậy. Theo tôi thì lập luận như vậy cũng không xuôi, vì cái không thật và do tâm tạo chính là cái con người đang nằm mơ kia, nếu kẻ đang nằm mơ vật vờ trước mắt ta là không thật, thì tại sao ta phải từ bỏ cái thanh tịnh của mình để quay lại làm bồ tát và đánh thức họ khỏi cơn mê?

Một chủ đề tranh cãi triền miên giữa các phái là “Thức”, một trong Ngũ Uẩn. Những vị theo kinh điển xưa thì cho rằng Thức cũng do nhân duyên đã hợp mà thành, không đóng vai trò gì trong luân hồi và tái sinh. Họ dẫn câu chuyện sau:

Một đệ tử phật là Sàti cho rằng: “Đấy (Thức) là cái diễn đạt, cảm giác và kinh nghiệm kết quả của những hành động thiện ác chỗ này chỗ kia”. Vị này liền bị phật quở trách: “Này kẻ ngu kia, người đã nghe ta giảng kiểu ấy cho ai vậy? Há ta không nhiều phen giải thích rằng do các duyên, thức sinh khởi, không có các duyên thì không có thức sinh khởi hay sao?”. Như vậy, phái này cho là phật phủ nhận thức có lưu giữ và là kết quả của nghiệp; Do duyên mà nó sinh khởi và diệt khi duyên dứt.

Thế mà, trong nhiều kinh sách của thiền tông và Kim cang thừa, thức đóng vai trò hết sức quan trọng, họ còn du nhập thuyết về Bát thức vốn có trong các truyền thống tôn giáo trước phật (mà sau này phát triển thành Hindu giáo): Trong Bát thức có A-lai-da thức, lưu trữ tất cả và tạo nên nghiệp lực, tái sinh và luân hồi.

Cùng là đại thừa, trong khi thiền tông thì không câu chấp nghi thức, chủ yếu là đạt được tâm an tịnh, bằng cách ngồi thiền hay bằng con đường thức tỉnh, sống trong từng hơi thở, thì kim cang

thừa có qui trình tu tập cực kỳ phức tạp bao gồm nhiều nghi thức, hình tượng và bùa chú. Cách tu của Kim cang thừa phức tạp đến mức, tôi nghĩ rằng chỉ có những vùng hoang vu như quanh Hy mã Lạp sơn mới thực hiện được mà thôi. Vậy mà hai trường phái này đều cho là mình thực hành “Trung đạo”.

Tóm lại, vì phật không muốn sa đà vào triết lý và giáo điều khô cứng mà chỉ chú tâm chữa các “con bệnh”, tùy “con bệnh”, phật đã không để lại một văn tự nào. Sau đó, các vị tăng tự “thấp đuốc” lên đi và nhân tiện cho ra vô số kinh sách. Những kinh sách này mâu thuẫn và phản bát lẫn nhau. Phần chính kinh đã thế, phần truyền ra cho quần chúng còn sai lạc hơn nữa. Đó là chưa kể những sách nữa truyện, nữa đạo như “Hành trình về phương đông”, “Đường xưa mây trắng” Cũng góp phần không nhỏ tạo nhiều hiểu lầm và sai lệch.

Nếu chúng ta thấy ngưỡng mộ lý tưởng từ bi và tinh thần minh triết của phật giáo thì một lần nữa chúng ta cũng phải tự đốt đuốc lên mà đi thôi, và tất nhiên, mỗi người sẽ tìm thấy con đường khác nhau, có thể không thuyết phục được ai nhưng nó phù hợp cho chính mình.

Trong bài viết lần trước tôi thấy mọi người ít quan tâm đến những khác biệt quan trọng giữa hai hệ phái chính của phật giáo mà quan tâm nhiều đến chuyện ăn chay hay ăn mặn. Sau đây, tôi xin đưa ra hai trích dẫn trái ngược nhau như là ví dụ cho chuyện tranh cãi không dứt này:

Theo "Ngay Trong Kếp Sống Này", Thiền sư U Pandita, Tỳ kheo Khánh Hỷ dịch, Như Lai Thiền Viện, San Jose, Hoa Kỳ, 1996:

“Trong phần nói về thực phẩm này, tôi muốn đề cập đến vấn đề ăn chay. Nhiều người cho rằng chỉ ăn rau trái mới hợp đạo đức. Trong Phật giáo không hề có quan niệm ăn chay sẽ dễ giải thoát. Đức Phật không hề cấm đoán việc ăn cá thịt. Đức Phật chỉ quy định một vài điều kiện về việc ăn thịt cá. Ngài qui định phải ăn theo tam tịnh nhục: Tức là không thấy con vật bị giết, không nghe tiếng kêu của con vật bị giết, không nghi con vật bị giết với mục đích giành riêng cho mình ăn. Ngoài ra 7 khu vực phải cử ăn mười loại thịt như: thịt chó, thịt cọp, thịt rắn, thịt người v.v... điều này cho thấy Đức Phật không cấm Tỳ kheu ăn thịt cá. Đề-Bà-Đạt-Đa có yêu cầu Đức Phật đặt ra luật cấm ăn thịt cá, nhưng Đức Phật sau khi thẩm định đã từ chối lời yêu cầu. Vào thời kỳ Đức Phật cũng như ngày nay, phần đông ăn cá thịt và rau trái hỗn hợp. Chỉ có những người bà la môn, hay những người thuộc giai cấp cao trong xã hội Ấn Độ là ăn chay. Khi nhà sư đi khất thực để sống, nhà sư phải nhận mọi thứ thực phẩm của các giai cấp thí chủ khác nhau mà không được phân biệt, nhận của người này và từ chối người kia. Nếu phân biệt thức ăn chay, mặn thì trái với tinh thần khất thực này. Hơn nữa, để cho những người bà la môn và những người thuộc giai cấp khác đều có thể gia nhập tăng hay ni đoàn và không còn chấp trước vào thực phẩm nên Đức Phật để ý đến sự kiện này khi quyết định vấn đề chay mặn. Như vậy, không cần phải tự thúc buộc mình vào việc ăn chay khi thực hành Thiền Minh Sát. Dĩ nhiên, có sự quân bình về rau trái và cá thịt sẽ có lợi cho sức khỏe. Nếu bạn muốn ăn chay vì lòng từ bi thì đó cũng là một điều thiện. Mặt khác, nếu vì lý do sức khỏe, nhất là cần phải có những chất bổ dưỡng chỉ có trong thịt, cá, thì cũng cần nên ăn cá, thịt. Không có vấn đề tội lỗi trong việc ăn cá thịt; ăn cá thịt cũng chẳng làm hại hay cản trở gì trong việc hành Thiền Minh Sát. “

Theo bà Alexandra David Neel, trong cuốn Hành trình tới Lhasa, nhà xuất bản Tôn giáo năm 2006, từ trang 291:

“Về chuyện ăn thịt, đó là một điều đi ngược với tinh thần phật giáo, tuy người ta không thể tìm thấy trong các kinh tạng một bản văn mà nói rõ sự cấm đoán này, và chuyện những thức uống gây say cũng vậy. Thế nhưng, những giới luật được đề cập mà có liên quan đến chuyện ăn thịt rất cuộc lại trở thành nghiêm cấm chính thức, bởi chẳng có cách nào mà không phạm phải cả. Người phật tử được phép ăn thịt theo những nghiêm cấm như sau: Anh ta không được tự tay giết con vật đó, anh không được ra lệnh cho bất kỳ ai khác giết con vật đó, nó phải do ai đó giết nhưng người này không có ý làm vậy để cung cấp cho anh, anh phải không có sự nghi ngờ rằng con vật đó đã bị giết. Nếu hai nghiêm cấm đầu có thể dễ dàng vượt qua được, thì nghiêm cấm thứ ba lại là điều gây cho người ta nhiều lúng túng; thế nhưng một số người lại phớt lờ được khi nại lý do rằng những tay giết mổ thịt bán đại trà cho công chúng, đâu có nhằm cung cấp cho nhu cầu của riêng ai đâu. Còn về nghiêm cấm thứ tư, phải nói rằng rất khó ăn được một miếng thịt mà không “tồn nghi” rằng con vật mình đang ăn là do đã bị giết! Thế nhưng nước nào cũng vậy, ở đâu mà chẳng có những người giỏi ngụy biện. Nhóm các nhà tu vui tính, trong các câu chuyện thời trung cổ, ở Lent mà đã rửa tội cho một “cái bánh” thịt gà đang có thể ăn thịt nó một cách hợp pháp là một ví dụ. Và các tâm hồn trào lộng phương đông cũng có thể dễ dàng đưa ra nhiều lý lẽ biện hộ có lợi cho thói phàm ăn này!

.....

Những người còn ăn thịt trong số những người theo đạo phật ở Tích lan, Miến điện và Thái lan, như tôi đã nói, biện minh cho mình bằng khá nhiều giải thích phức tạp về các nghiêm cấm đã nói trên. Khi họ thọ pháp trong một tông phái nào, họ phải thề nguyện rằng không được phép chọn thức ăn mà mình khát thực được, và phải chấp nhận bất cứ thứ gì mà người có từ tâm đã cúng. Điều này hoàn toàn sai. Việc đi một vòng thật sự của các vị tì khưu (bhikshus) của ngày xưa giờ đây đang trở thành một chuyến đi bộ giả vờ, có tính chất nghi lễ đến những nơi đã định để khát thực một bữa ăn vốn được nấu nướng riêng cho các vị sư sãi. Thêm nữa, họ cũng sẽ không cam nhận nếu thức ăn đó không tinh khiết, không lành mạnh khi người ta đổ vào bát hành khát của mình (hay vào những đồ đựng khác mà các chú tiểu của họ đi phía sau mang theo).

.....

Tuy nhiên, trước khi tiếp tục câu chuyện, tôi xin được nói thêm rằng, tuy thoạt nhìn thì thói quen ăn thịt đúng là gây ra cái chết non cho nhiều động vật, và có vẻ quan trọng hơn là chuyện uống rượu, nhưng người Tây tạng thì lại cho rằng sự điều độ, tỉnh táo mới là quan trọng nhất cho sự tiến bộ của tinh thần và tâm linh. ... Họ minh họa điều này bằng một câu chuyện thật thú vị: Một nhà sư rọ bị một con quỷ bắt phải chọn một trong 3 tội ác sau: Giết một con cừu, phá giới không sống độc thân nữa, hoặc là uống rượu mạnh. Nhà sư tội nghiệp kia, sau khi cân nhắc thiệt hơn, đã không chọn hai cái ác đầu, bởi nghĩ việc uống rượu sẽ có ít hậu quả hơn. Sau khi đã uống rượu xong, do hết sức hứng chí và đã mất tự chủ, anh ta đã ưa thích một phụ nữ, và cũng chính cái sự say sưa này đã khiến anh ta đã giết con cừu để đãi tiệc cho tình nhân của mình.”

Tôi cố gắng chép lại trong sách từng câu từng chữ nhưng chắc quý vị cũng thấy bản dịch cuốn

sách này khá là ối tằm. Tôi nghĩ phải chú thích thêm như vậy: đành rằng không có kinh tạng nào cấm ăn thịt, nhưng có những điều cấm khi muốn ăn thịt. Những điều cấm này, quá khó thực hiện nên theo ý tác giả, thành ra cũng không khác gì là cấm. Trong các điều cấm liên quan tới chuyện ăn thịt, thì 3 điều đầu là khi con vật bị giết, còn điều thứ 4 là phải chắc rằng con vật không bị giết mà chết vì lý do nào đó khác.

Rõ ràng là hai ý kiến này phản bát nhau chang chút. Nhưng tôi phải lưu ý các vị về đoạn cuối của đoạn trích dẫn của bà Alexandra Neel, bà cũng không cho rằng ăn thịt là một trọng tội. Bản thân bà, trong chính cuốn sách này cũng ăn thịt nhiều lần. Nghĩa là bà không hề ăn chay dù bà từng tu nhập thất và luyện thành công nhiều phương pháp yoga bí truyền của Tây tạng.

Ăn chay, theo tôi có hai lý do chính, một là, để dễ giữ tâm thanh sạch hơn, tránh tình trạng “no cơm ấm cật, rậm rật chân tay”. Hai là, để nuôi dưỡng tâm từ bi và giữ giới “BẤT SÁT”.

Trường hợp của bà Alexandra Neel đã chứng tỏ rằng không ăn chay cũng có thể tĩnh tâm được, miễn là có đủ bản lĩnh và ăn vừa phải đúng theo tinh thần “trung đạo”. Còn vấn đề “bất sát” và từ bi thì ta hãy xem các nhà tu theo đạo jain (một tôn giáo có nguồn gốc từ Ấn độ, không phải hindu cũng không phải phật). Những nhà tu này, không mặc quần áo và sống trong rừng. Buổi tối, họ dùng khăn mỏng che miệng, mũi và tai lại vì sợ rằng có con vật nào đó chui vào và chết. Khi đi đứng, nằm, ngồi hay ăn họ đều quan sát kỹ xem có vô tình làm chết con vật nào không. Dĩ nhiên, họ không bao giờ đập ruồi hay muỗi. Trở lại với hoàn cảnh sống của chúng ta, không kể những khi vô ý làm chết con vật nào đó, chúng ta khó mà giữ được như các nhà tu này. Chẳng lý nào ta không dẹt muỗi, dấn, ruồi ... Mà mỗi lần vung chai thuốc xịt lên, hàng chục hay hàng trăm con côn trùng ngã gục. Hoặc theo phản xạ mà đập muỗi thì cũng phạm sát giới rồi.

Thế nên, theo thiển kiến của tôi, việc ăn chay là không nhất thiết. Tất nhiên, việc săn bắt các loại thú rừng và đập đầu chó để nhậu hay ăn thịt đồng loại thì người theo lý tưởng từ bi của phật dứt khoát không nên làm.

Bàn về hạnh phúc

Dưới đây là vài ghi nhận của tôi sau khi đọc quyển “Bàn về hạnh phúc” của Matthieu Ricard. Ông này là tiến sĩ sinh học người Pháp nhưng sau khi nhận bằng tiến sĩ đã bỏ tất cả qua Tây tạng học đạo và giờ đã ở đấy hơn 30 năm.

Cũng như những cuốn khác cùng chủ đề, tác giả đã dành nhiều trang sách nói về bản chất của đau khổ và chứng minh rằng, hạnh phúc là một cách sống mà người ta phải lựa chọn nó chứ không phải tìm kiếm ở bên ngoài. Ông đã có một diễn giải rất hay về những khoái cảm khi được thỏa mãn tham dục: Cái khoái cảm này giống như sự khoan khoái khi gãi ngứa. Tất nhiên là rất ngứa khi ngứa mà được gãi, nhưng càng gãi thì càng ngứa và đôi khi nó làm người ta gãi cho đến bật máu.

Xuất thân là nhà khoa học, ông diễn đạt những vấn đề gai góc của đạo học một cách sáng sủa mà lại không quá nôm na, sai lạc. Trong phần nói về “phá bỏ bản ngã” ông đã định nghĩa một cá thể gồm 3 phần: “cái tôi”, “con người” và “bản ngã”.

“Cái tôi” sống trong hiện tại, chính nó nghĩ “tôi đói”, “tôi đang tồn tại”. Đó là cái tôi thông qua kinh nghiệm hiện trạng của bản thân, cái tôi bản năng, cái tôi của “Ngã thức”.

Khái niệm “con người” rộng rãi hơn nhiều, nó là cái liên tục và năng động nối liền quá khứ, hiện tại và cả tương lai nữa. “Con người” cũng là tổng hòa các mối tương quan xã hội, thân thể, ý thức. Khái niệm về “con người tôi” này là lành mạnh nếu nó chỉ dừng lại ở mức khái niệm có tính ghi nhớ. Nó trở thành không lành mạnh nếu xem đó là thực thể tự chủ. Chỗ này khó hiểu, tôi xin mạn phép lấy ví dụ: “Tôi đã từng nghiên cứu lý số, từng xem cho nhiều người và được một số hoan nghênh” ... đó là “con người tôi” như một bản ghi nhớ, nó không phải là thực thể. Nếu phát triển lên thành “tôi đã từng xem lý số rất hay và được kính trọng, tôi là cao nhân ... và những gì tôi nói là chân lý ...” thì thành mầm mống của đau khổ.

“Bản ngã” thì rắc rối hơn, nó là tổng thể không nhìn thấy được của chúng ta, là danh hiệu chung cho tất cả liên quan tới “tôi” như “tiếng tăm của tôi”, “tay chân tôi”, “gan ruột của tôi” Dù hết sức kính phục tác giả, tôi phải nhận là, ông ta cũng đã không làm sáng tỏ gì hơn một phần rất khó nhằn là chứng minh rằng, không tồn tại một cái gì như là cái “ngã” thực thể trong mỗi chúng ta. Ông ta chỉ chỉ ra được, cái ngã không có ở bất kỳ đâu trong chúng ta và chỉ là khái niệm nhưng được chúng ta nuôi dưỡng và tin tưởng là có thật. Tuy nói thì nghe dễ vậy, việc lãnh hội được điều này là vô cùng khó, mà chắc cũng khó lòng mà lãnh hội được chỉ qua con đường đọc sách đơn thuần.

Phần hay nhất của cuốn sách là phần nói về những nghiên cứu xã hội học để tìm hiểu mức độ hạnh phúc và những yếu tố ảnh hưởng tới nó.

Trong suốt 30 năm qua, có hơn 2000 công trình nghiên cứu về hạnh phúc tại hơn 70 quốc gia. Ruut Veenhoven đã tổng kết hầu hết các nghiên cứu và đưa ra 3 kết luận chính:
- Gen quyết định khoảng 50% khả năng hạnh phúc của một cá nhân.

- Những yếu tố như giáo dục, gia đình, xã hội có ảnh hưởng đến hạnh phúc nhưng không nhiều, chỉ vào khoảng 10 tới 15%.
- Phần còn lại là do thái độ và sự lựa chọn của chính cá nhân đó.

Trước tiên phải dừng lại và nói cho rõ là, để biết cái nào là do di truyền cái nào là do ngoại cảnh, người ta đã tập trung nghiên cứu các cặp sinh đôi. Những cặp sinh đôi cùng trứng có gen và môi trường nuôi dưỡng như nhau nếu được nuôi chung. Nhiều đôi, được tách ra từ nhỏ và sống với cha mẹ khác nhau thì là cùng gen nhưng khác môi trường nuôi dưỡng. Ví dụ như nghiên cứu của Tellegen, quan sát hàng trăm trường hợp sinh đôi được nhận nuôi riêng biệt, đã kết luận rằng, những đứa trẻ này có những đặc điểm tâm lý giống cha mẹ đẻ hơn (dù họ không nuôi chúng) cha mẹ nuôi. Hàng nghìn nghiên cứu tương tự đã được tiến hành và đã đưa đến kết luận như nêu ở trên.

Cái này cũng hết sức có ý nghĩa cho người học lý số. Những cặp song sinh, dĩ nhiên là không kể một xác suất rất nhỏ là sinh vào giao điểm hai giờ, có cùng một lá số. Thế mà, theo nghiên cứu, gen chỉ quyết định 50%, 15% nữa là do môi trường, cũng có thể hiểu là cũng do vận số và có thể phát biểu lại là nếu cùng lá số, cùng môi trường nuôi dưỡng thì mới triệt buộc chưa đến 65% khả năng hạnh phúc, còn khoảng hơn 35% còn lại vẫn là do chúng ta lựa chọn và quyết định. Tỷ lệ này không phải nhiều nhưng cũng không ít. Tóm lại, trong khi cụm từ cải số mệnh có thể chưa chính xác thì việc cá nhân có nhiều lựa chọn trong khuôn khổ số mệnh là điều không còn nghi ngờ gì nữa (qua các nghiên cứu tâm lý học nêu trên).

Linh hồn là gì?

Trong quyển “Thiền – Nghệ thuật của nhập định” có một câu hỏi dành cho Osho là “Thầy gọi linh hồn là gì? Có phải linh hồn chính là sự thức tỉnh hoặc là cái gì đó như là cá thể?”

Osho đã có câu trả lời khá hay, tôi xin trích đoạn và tóm lược như sau:

Phần thứ nhất là về linh hồn.

“Đã có 3 thái độ về vấn đề này:

Đầu tiên là những nhà huyền môn, nhưng người biết, họ đang hoàn toàn giữ im lặng về vấn đề này. Họ sẽ không đưa ra bất kỳ định nghĩa nào; họ nói định nghĩa là vô tích sự. Có nhóm huyền môn khác – nhóm lớn hơn – họ nói rằng, thậm chí, nỗ lực phù phiếm cũng trở nên hữu ích. Đôi khi lý thuyết sai cũng dẫn đến sự thật, đôi khi những điều sai trái cũng trở thành đúng, đôi khi những bước đi giả tạo cũng dẫn bạn đến kết cục có lý. Ở thời điểm nào đó nó có vẻ sai, nhưng phương kế sai lại có thể trở nên hữu ích.

Nhóm thứ hai cảm nhận rằng, với việc giữ nguyên sự im lặng bạn vẫn tiếp tục nói một điều gì đó mà nó không thể nói lên điều gì. Và nhóm huyền môn thứ hai đã có lý. Các định nghĩa đều phụ thuộc vào họ.

Và có nhóm thứ ba, họ là những người không im lặng mà cũng không định nghĩa. Họ chỉ định nghĩa toàn bộ vấn đề để bạn không bị ám ảnh với nó.

Đức phật thuộc nhóm thứ 3. Nếu bạn hỏi người rằng có hay không linh hồn, có hay không thượng đế, có hay không sự tồn tại bên ngoài cuộc sống, người sẽ từ chối.

....

Ba nhóm này luôn trong tình trạng tranh cãi, bởi vì người nói buộc phải cảm nhận rằng, những người giữ im lặng không có đủ lòng trắc ẩn, rằng họ phải nói một cái gì đó với những người không hiểu sự im lặng. Và những người định nghĩa thì họ đã định nghĩa bằng rất nhiều cách đến mức có nhiều sự tranh cãi về điều đó: sự tranh cãi buộc phải có đó”

Nhiều người có thể hiểu dễ dàng những dòng trên nhưng cũng có thể nhiều người khác thấy bối rối. Tôi xin giải thích thêm:

Chuyện linh hồn không thể giải thích tốt bằng lời nhưng con người thì không ngừng thắc mắc. Một số hiểu rằng, người bình thường không sao hiểu cho đúng được, có giải thích thì người ta cũng hiểu sai lệch và có khi còn sinh ra lắm chuyện nguy hiểm, nên họ im lặng. Nhóm thứ hai cũng hiểu như vậy, nhưng họ thấy là im lặng làm ngơ trước sự tìm kiếm, thắc mắc của mọi người là không đủ lòng trắc ẩn. Họ bèn đưa ra những định nghĩa dù biết là nó không hoàn toàn đúng. Thẳng hoặc, họ đưa ra những lập luận mà thực chất là chẳng nói lên điều gì. Vì rằng không hoàn toàn đúng hoặc chẳng nói lên điều gì nên các thầy khác nhau đưa ra những định nghĩa khác nhau và các môn đồ sau này, tha hồ tranh cãi không dứt!

Giải pháp thứ ba là làm như đức phật. Người không trả lời thẳng các câu hỏi này mà hướng dẫn người ta đi theo đường đạo để đến ngày nào đó, tự trả lời cho chính mình.

Phần thứ hai của câu hỏi là về tính cá thể của linh hồn.

Đầu tiên phải giải thích tại sao lại có câu hỏi như vậy: theo Hindu, sau khi qua vô số kiếp mài dũa cho hoàn hảo hơn, người ta có thể hòa vào đại ngã, nghĩa là cá thể không còn nữa; theo phật, sau khi chứng đắc sẽ không còn chấp và phân biệt “ta” và “không ta” nữa. Chính vì lẽ này vấn đề cá thể của linh hồn được đặt ra.

Câu trả lời của Osho như sau:

“Bạn hỏi linh hồn có phải là cá thể. Đó là câu hỏi vô nghĩa, nhưng nó thích hợp với bạn. Đó giống như câu hỏi của người mù (trong câu chuyện sau) hẳn muốn hỏi: Người mù di chuyển với cây gậy. Anh ta không thể di chuyển mà không có nó: anh ta tìm kiếm và mò mẫm trong bóng tối bởi nó. Nếu chúng ta nói với anh ta về việc phẫu thuật mắt để mắt có thể nhìn thấy thì người mù sẽ hỏi một cách rất đúng chỗ rằng: “khi mắt tôi bình thường, liệu tôi có khả năng mò mẫm trong bóng tối với cây gậy này không?”

Nếu chúng ta nói “bạn sẽ KHÔNG CẦN cây gậy nữa”, anh ta sẽ không tin điều đó. Anh ta sẽ nói: “không có cây gậy này tôi không thể tồn tại, tôi không thể sống. Những gì bạn nói là không thể chấp nhận. Tôi không thể tưởng tượng chuyện đó, không có gậy, tôi không thể là tôi. Cái gì sẽ trở thành cây gậy của tôi? Đầu tiên hãy cho tôi điều đó đã!”

Thật sự, tính cách này giống như tính cách của cây gậy. Bạn đang mò mẫm trong bóng đêm cùng bản ngã, bởi vì bạn không có linh hồn; bản ngã này, “cái tôi” này đang mò mẫm bởi vì bạn không có đôi mắt sáng. Tại thời điểm bạn trở nên hoàn toàn sống động, bản ngã sẽ biến mất. Đó là một phần sự đui mù của bạn, một phần sự không sống động, một phần vô thức của bạn, một phần ngu dốt của bạn. Nó phải thực sự được bỏ rơi.”

Cho phép tôi được giải thích thêm là, nhiều người cảm thấy khó chịu với ý nghĩ không có bản ngã, không có một cá thể nào mang tên “tôi”. Họ tự hỏi “nếu tôi tan biến đi, bản ngã tan biến đi, thì có khác gì chết hoặc là biến mất vĩ nh viễn”. Chú ý là nhiều người tìm đến tôn giáo vì không chịu nổi ý nghĩ mình sẽ tan biến hoàn toàn khi chết; họ mong mỏi “trở thành” gì đó sau khi chết.

Ý kiến khác

Trong cuốn “Huyền thuật và các đạo sĩ Tây tạng” của bà Alexandra David Neel, vấn đề này cũng được đề cập tới nhưng có vẻ dịu dàng và dễ chịu hơn. Xin chép lại đoạn sau, bắt đầu từ trang 29 (bản in của nhà xuất bản Phương đông):

“Vì lý do nào đó, tôn giáo Tây tạng chú ý rất nhiều về cõi giới bên kia cửa tử, hầu như câu chuyện nào cũng đề cập đến cõi giới này. Quan niệm thông thường cho rằng linh hồn con người vốn bất tử và di chuyển qua muôn ngàn kiếp sống luân hồi để học hỏi và thay đổi. Điều này thật ra không đúng lắm vì phật giáo không hề chủ trương có một cái gì trường tồn, bất biến như linh hồn. Nói cho đúng hơn thì họ tin rằng cái “sinh lực” hay “sự sống” tạo ra bởi trạng thái tâm và

sinh lý của một sinh vật đều do nhân duyên tạo thành và do nghiệp dẫn dắt đi trong sáu nẻo luân hồi.

....

Có nhiều lối giải thích khác nhau và nhiều lý thuyết về sự hiện diện của bản ngã nhưng tại Tây tạng cũng như mọi nơi khác, chỉ những bậc đạo sư hay giới trí thức mới có thể hiểu rõ và giải thích tường tận các điều này. Phần lớn dân chúng tin tưởng giản dị rằng con người sau khi chết sẽ đầu thai trở lại dưới một hình thức nào đó tùy theo hành động của đời sống hiện tại. Cái “năng lực di chuyển từ kiếp này qua kiếp khác” được diễn tả bằng danh từ “Yid Kyi Mampar Shespa” có phần đúng hơn là danh từ “linh hồn” (spirit) vì nó không đề cập đến một thực thể có tính cách trường tồn bất biến”

Theo tôi thì một số dịch giả Việt nam cũng đã dùng từ “Thần thức” để thay cho từ “linh hồn”.

Có một hiện tượng liên quan tới chuyện linh hồn là ma quỷ. Tây tạng là xứ sở của các huyền thuật. Các cao tăng Tây tạng cho rằng đó chỉ là phóng ảnh của tâm thức. Do đó, một người không tin có ma quỷ sẽ không nhìn thấy ma quỷ bao giờ. Tuy nhiên, họ cũng lưu ý rằng nếu như bạn đang đi trong rừng mà có con cọp nhảy xổ ra thì liệu đó là phóng ảnh hay là hiện hữu? Nó đang gầm rú kia và sắp xơi tái ta kìa!?

Thế nên, dù là phóng ảnh thì cái tư tưởng được tạo ra kia cũng có một sức mạnh riêng của nó và biết đâu, có thể nó cũng có đời sống riêng. Kết luận cho đoạn này, bà Alexandra Neel đã viết *“Nói một cách khác, không những người ta phải đề phòng những con cọp mà họ đã phóng chiếu lên trong tâm thức mình mà còn phải cẩn thận đối với những con cọp tạo bởi những tư tưởng của người khác nữa.”*

Cuối cuốn sách, bà Alexandra Neel đã kết luận về những huyền thuật siêu đẳng mà mình đã chứng kiến và kể lại trong cuốn sách, có đoạn như sau:

“Sức mạnh của tư tưởng có thể tạo ra “hình tư tưởng” hay một thực thể có sự sống riêng biệt, có thể hành động tùy theo mệnh lệnh của người tạo ra chúng, đó là căn bản của các phương pháp luyện âm binh. Vì việc tạo một hình tư tưởng trừu tượng không dễ dàng nên nhiều người đã phải sử dụng một vật hữu hình nào đó làm trung gian, đó là căn bản các bùa phép, linh đơn, nước thánh hay những linh vật phù hộ. ...”

Để minh họa cho sức mạnh tạo ra bởi tinh thần, người Tây tạng thường truyền kể câu chuyện sau:

Một người lái buôn thường đi lại giữa Ấn độ và Tây tạng. Mẹ ông ta muốn con mình xin một viên xá lợi của thánh tăng mang về cho mình. Ông ta sau nhiều lần quên bẵng, khi về tới gần nhà nhớ ra và sợ mẹ mắng nên nhặt đại một mảnh xương nhỏ dọc đường gói lại cẩn thận đem về cho mẹ nói là xá lợi. Người mẹ hết sức mừng rỡ cho vào một bảo tháp vàng và đem lên hiến cho chùa. Dân trong vùng tin tưởng hàng ngày kéo tới cúng bái. Kỳ lạ thay, sau thời gian, viên xương đó cũng chiếu hào quang rực rỡ và tạo ra nhiều hiện tượng hết sức màu nhiệm.

Những nghi ngờ về khả năng của phân tích chữ viết

Thuật xem chữ viết (bao gồm cả chữ ký) đã phát triển lâu đời ở phương tây và có cả hiệp hội những người xem chữ viết trên thế giới.

Thoạt nhìn, xem chữ viết có tính khoa học hơn Horoscope nhiều. Người ta có thể hoài nghi ảnh hưởng của các vì sao tới số mệnh con người và rất nhiều người cùng chia sẻ một bản đồ chiêm tinh trong khi chữ viết thì không ai giống ai và do con người viết ra theo phản xạ tự nhiên.

Đáng tiếc là thực tế không như mong đợi. Ngày càng nhiều ý kiến nghi ngờ tính chính xác của việc phân tích chữ viết, nhiều người ngờ rằng việc khảo sát chữ viết gần như là vô ích. Nó chỉ đáng tin cậy khi cung cấp những thông tin đại khái như giới tính, tâm trạng và sức khỏe (vào thời điểm viết) của người viết. Còn lại thì việc dự đoán cá tính (personality) đã là không đáng tin chứ chưa nói gì đến chuyện tương lai, hậu vận.

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng người ta có thể chủ động thay đổi chữ viết, ít ra là trong một văn bản ngắn để tạo ấn tượng tốt với người xem, trong trường hợp một số nơi yêu cầu đơn xin việc phải được viết tay.

Người ta còn chỉ ra rằng, khoảng đầu thế kỷ 20, ở Mỹ, mọi người hầu như có chữ viết gần giống nhau do ảnh hưởng của chương trình gọi là “Palmer Method” khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Ngoài ra, khắp nơi có những lớp hướng dẫn cải thiện chữ viết và thật đáng ngờ rằng sau khi cải thiện được chữ viết, người ta có thay đổi gì đó bên trong nội tâm. Một số người, làm những nghề như khắc chữ, thủ công mỹ nghệ, trang trí ... có khả năng viết nhiều kiểu chữ khác nhau.

Trong luồng chỉ trích tính chính xác của phân tích chữ viết, World Economic Forum đã đưa lên mẫu chữ viết tay được cho là của Tony Blair, vào thời điểm ông này vừa bắt đầu nhiệm kỳ thủ tướng. Nhiều nhà bút tích học danh tiếng đã nhận xét rằng, người có chữ này có xu hướng tự sát và không có khả năng đeo đuổi tới cùng công việc đang làm (ám chỉ có thể mất ghế trước nhiệm kỳ). Sau khi người ta đã nhận xét rất nhiều với xu hướng đại khái như thế, World Economic Forum mới công bố rằng, chữ viết trên thật sự là của Bill Gate, người khó có thể được tin là có xu hướng tự tử và càng khó có thể cho là không theo đuổi nổi công việc của mình đến khi thành đạt.

Người ta còn kể đến chuyện, các chuyên gia hàng đầu về tâm lý của FBI đã nghiên cứu không chỉ chữ viết mà còn nhiều đồ dùng và nhiều thứ liên quan khác của tên tội phạm Ted Kaczynski. Thế nhưng sau khi bắt được hắn, hóa ra những dự đoán của họ đã sai nhiều hơn đúng. Cụ thể là: đoán rằng hắn từ 30 đến 40 tuổi nhưng thực tế là 53; cao 5'10" đến 6' nhưng thực tế là hắn cao 5'8"; nặng khoảng 165 pound nhưng thực tế là 143 pound, người ta đoán hắn thuộc giới làm công cao cấp và có bằng đại học trong khi thực tế hắn thất nghiệp suốt 25 năm và có bằng tiến sĩ toán; người ta đoán hắn tỉ mỉ, ngăn nắp, thích đeo đuổi và có vấn đề trong quan hệ với phụ nữ nhưng thực tế hắn bừa bãi, bủn xỉn và ỉn dặt, không hề liên hệ với nữ.

Những thông tin trên đây được trích rút từ nhiều bài viết khác nhau trên mạng. Tôi tổng hợp lại những ý chính với hy vọng là mọi người có thể tham khảo chứ cá nhân tôi cũng không dám kết

luận chắc chắn là môn xem chữ ký chữ viết có giá trị gì hay không. Bản thân tôi cũng từng nghiên cứu thuật phân tích chữ viết.

Các tiểu xảo của ông đồng bà cốt

Có một người từng nổi tiếng xem chỉ tay tên là Ray Hyman. Anh này thú nhận rằng anh ta không tin tưởng chút nào thuật này dù anh có nhiều khách hàng và được khen ngợi nhiệt liệt. Ban đầu, anh ta nghĩ rằng mình có năng lực siêu nhiên nhưng sau khi nghiên ngẫm và quan sát chính cách xem của mình, anh tự thú là không thể tự lừa dối mình được nữa, những gì anh nói, thật ra là được sự giúp đỡ của chính người được xem.

Có một tiểu xảo thường hay được dùng, đó là “câu” thông tin (fishing for details). Chẳn hạn, có người đến muốn xem về công việc hiện tại, người thầy sẽ không nói vội vào chủ đề đã định mà nói đến những thứ liên quan xung quanh. Người nghe sẽ xác nhận hay phủ định, thậm chí còn kể lể nhiều chuyện và thế là thầy có thể thu thập nhiều thông tin của thân chủ để tiếp tục luận đoán vòng vòng quanh chủ đề chính, và tiếp tục “câu” thêm thông tin. Cái kết quả của quá trình này là thầy nắm được nhiều chi tiết và tâm lý, tính cách của thân chủ còn người được xem có cảm giác thầy “thấu thị” mọi thứ.

Cách câu thông tin này lại liên quan tới hai kỹ năng. Một là nói những điều mà xác suất thường là đúng hoặc những câu tối nghĩa, hai nghĩa. Kỹ năng thứ hai là đưa ra nhận xét mơ hồ và để cho người được xem điền vào chỗ trống. Dù người xem tự điền vào chỗ trống nhưng vẫn cảm thấy thầy đã đoán đúng.

Trong nhiều tài liệu mà tôi đọc được, họ đã đưa ra hàng loạt những câu, đoạn minh họa cho kỹ xảo trên nhưng có điều là trong văn hóa Việt Nam thì nó có vẻ không thuyết phục lắm nên tôi chỉ tạm dịch một trong những đoạn thấy khả dĩ gần nhất (cho người đến hỏi công việc):

“Những người gần gũi với anh đang lợi dụng anh, trong khi anh thì cư xử trung thực với họ. Anh có nhiều thời cơ thăng tiến nhưng vì không muốn lợi dụng hay làm hại ai mà anh không lên nhanh như người ta. Anh thường đọc nhiều sách báo nên có nhiều kiến thức và nhận xét sắc sảo, nếu anh có ý định ra làm riêng thì anh rất nên tiến hành. Anh có khả năng hiểu và thông cảm với người khác rất cao, nhưng không phải lúc nào anh cũng cư xử theo tình cảm vì tính anh rất công bằng và thường làm theo lẽ phải...”

Song hành với những câu trên, người thầy sẽ quan sát và tổng hợp những phản hồi của người nghe từ lời nói, ánh mắt đến chuyển động cơ thể để nói những điều mà thân chủ muốn nghe. Có điều ai cũng biết là khi nghe được những điều mình thích, người ta dễ dàng xác nhận là đúng.

Nhiều thầy chuyên nghiệp, chuẩn bị sẵn cả những “bài nói” hay những “đòn” khác nhau cho nhiều trường hợp khác nhau để lấy uy thế với khách hàng. Thật vậy, những vấn đề mà người ta đến xem thật sự không nhiều: tình duyên gia đạo, công danh, làm ăn, bệnh hoạn, mất của. Tôi nghĩ kể vậy là đã hơi nhiều rồi, thực tế còn gọn hơn. Ví dụ lấy chủ đề tình duyên gia đạo, thật ra không nhiều tình thế cho lắm, có thể chia tiếp chủ đề này ra 4 hay 5 tình thế. Qua phục sức, độ tuổi, nhan sắc, nét mặt và cách ăn nói của người xem, thầy chẳng khó gì đoán được thân chủ

của mình đang ở tình thế nào. Có khi không cần nghe câu hỏi mà có thể phán luôn phủ đầu thân chủ.

Ví dụ, bước vào là một bà đứng tuổi ăn mặc sang trọng, trang điểm hơi đậm đà một chút, nét mặt thoáng lo âu, thì chắc chắn là gia đạo có chuyện, hay chí ít cũng nghi ngờ chồng có bồ. Nếu phong cách của bà ta nhanh nhẹn lịch lãm, có thể nói ngay cơ nghiệp do tay bà dựng lên, chồng chỉ lo ăn chơi sinh chuyện. Nếu thấy hơi chậm chạp, ăn nói không mấy trôi chảy, thì là loại nhờ chồng mà sang, đêm ngày lo chồng thay lòng đổi dạ.

Một ví dụ khác: một cô gái gần 30 tới gặp thầy bói lần đầu tiên (thường đi với một cô bạn giới thiệu) và hơi bối rối, không quá u buồn và nhan sắc không quá hấp dẫn, thầy có thể đoán ngay là cô này ốit ruột vì đã cứng tuổi mà chưa có hôn nhân. Nhiều khả năng là cô này quá thông minh so với mức có thể để kiếm chồng.

Khi đã án chừng như thế, việc đưa ra những lời đoán làm thân chủ “giật mì nh” và khai từng tuột không có gì là khó. Khi thân chủ đã mê mẩn, họ không còn phân biệt đâu là điều thầy đoán được, đâu là điều mà thầy chỉ đơn giản là lặp lại chính điều mà họ khai ra nhưng dưới hình thức khác.

Nhiều thầy bói (thường là khi muốn moi tiền) còn chơi trò “vong nhập”, “vong theo” (haunting) để hù những nữ thân chủ yếu bóng vía. Vào những năm 70, 80, đời sống khó khăn, chăm sóc y tế kém, chuyện có con thứ 3 bị cấm ngặt, việc bỏ thai, hư thai, chết non là rất phổ biến. Người thầy có thể phán bừa là có vong theo, rồi trầm ngâm một lúc hỏi thân chủ “có anh em chết khi nhỏ không” và câu trả lời thường là có. Nếu thân chủ phải xác nhận lại với mẹ mình mà bà mẹ gật đầu thì nữ thí chủ kia phải gọi là “toát mồ hôi lạnh” với tài của thầy. Còn nếu câu trả lời là không thì, còn thiếu gì từ anh em họ cho tới bà cô, bà dì hay ông chú chết trẻ.

Kế theo màn vong nhập, là màn cúng vong hay đuổi vong đi. Thường thì thầy hay nói rằng, “nếu làm nó hài lòng thì nó sẽ đi” nên sau khi xong thủ tục (có khi rất tốn kém), nếu vấn đề thân chủ chưa được giải quyết, thì tại vong chưa thích đi hay “Thôi chết rồi, không phải một mà tới hai!”, còn như vấn đề được giải quyết, thì công thầy quá lớn.

Tương tự như ví dụ trên, có những lời dự đoán tưởng như tài tình nhưng thật ra thì xác suất đúng rất cao. Như có người hỏi “Tôi có thể bị chuyển chuyển, xin thầy coi có chuyển không, cát hung ra sao”. Thay gì chỉ cần trả lời dứt khoát có hay không, cương vị mới tốt hay xấu, thầy lại nói “chị phối anh hiện nay có tới 3 xếp”. Thường thì nhiều cơ quan có 1 trưởng và hai phó. Nếu chẳng may, công ty có 4 hay 5 xếp thì phải hiểu là mỗi người có mảng việc riêng và cùng liên quan dính dấp thì cũng chỉ có 3 là cùng (như ví dụ này thì một xếp lớn, một xếp bộ phận cho đi, một xếp nữa nhận về). Thế mà, câu này có thể làm cho thân chủ cảm thấy là thầy đoán đúng và khai thêm nhiều chi tiết. Sau khi nắm được thông tin, thầy sẽ nói với nhiều chữ “nếu”, hoặc nói những câu hai nghĩa, khó diễn giải mà hầu như, thế nào thì thầy cũng đúng. Nhiều khi, chuyện rõ mười mươi, nhưng do là người trong cuộc nên thân chủ không thấy ra, còn thầy thì người ngoài, lại giàu kinh nghiệm sống, chuyện phán đoán chính xác cũng là dễ hiểu (trường hợp này đặc biệt đúng trong chuyện tình duyên, gia đạo). Cùng bí quá, thì những người khuất mặt hay

những thế lực bên ngoài sẽ được viện đến và cát hung sẽ do họ quyết định, còn thân chủ thì thấy thầy đoán như thần.

Nhiều thầy gặp ai cũng nói là sắp có tiền. Khi người ta có tiền thật thì thấy phục thầy và ... hậu tạ, còn như không có hoặc thậm chí mất, có ai tìm thầy yêu cầu chia sẻ tổn thất đâu mà lo.

Ngày trước, trong công ty tôi có nhiều người kéo nhau đi xin bùa bán đất, tức là xin bùa phù hộ cho họ bán được nhà hay đất thật nhanh và được giá (vào thời đô thị hóa nhanh chóng, đất ruộng thành đất thổ cư). Nhiều người suýt xoa khen là cứ xin bùa xong là bán được nhưng kỳ thật, khi người ta phải đi xin bùa thì quyết tâm bán rất cao. Những người bán được thì trở lại khen và hậu tạ, còn những người không bán được, tất nhiên là không đến đứng trước nhà thầy đòi lại tiền vì còn phải lo đi xin bùa của thầy khác.

Phải nói là trong khi nhiều thầy cố ý lừa người ta, thì một số không nhỏ cũng tự lừa dối mình như trường hợp Ray Hyman đã nói ở trên, tưởng rằng mình có năng lực phi thường. Kỳ thật, họ thực hiện những kỹ xảo trên gần như phản xạ, sáng tạo ra nhiều qui luật giải đoán mới mà không biết rằng, khi vận dụng quá nhiều cách giải đoán trái ngược, thì phương pháp mà họ dùng thành ra là lộn theo chiều nào cũng được và thân chủ khen ngợi, hài lòng là nhờ những kỹ xảo đã được áp dụng.

Nhiều người email hỏi tôi sao không viết tiếp vì hình như còn nữa (mới nói kỹ xảo số 1). Thật sự, đây chỉ là một phần nhỏ quyển sách tôi đã đọc. Họ còn nói nhiều kỹ xảo nữa mà những kỹ xảo sau thì quá tinh vi, người được xem khó lòng mà phát hiện được thì nói ra cũng chẳng mấy có ích cho họ mà ngược lại, hình như lại có ích cho phía người xem.

Người đi xem số nên ghi chép lại và phân tích ra những thông tin mang tính xác quyết mà thầy đã nói về tương lai rồi kiểm chứng chúng, nếu như muốn xác định xem thầy có thật sự giải đoán chính xác hay không.

Cuối cùng tôi chỉ muốn nói thêm rằng, nếu như người ta có thể đoán đúng những gì đã hay đang diễn ra, điều này không có gì đảm bảo là người ta sẽ nói đúng tương lai (cái ta cần). Ngay cả những người làm chủ được những sức mạnh siêu nhiên như liên lạc được với âm binh hay đọc được ý nghĩ người khác, chưa chắc cái sức mạnh đó có thể giúp họ đoán đúng được tương lai dù nó có thể đoán đúng vanh vách quá khứ, vì rằng, tương lai, nó vẫn một phần nằm trong tay ta (tôi tin vậy, dù tôi cũng là người xem lý số).